

THỦ QUÁN

B Ắ N T H ẢO

TUỞNG NHỚ Y UYÊN

1943 - 1969



Năm thứ ba, tập 18 tháng 2 năm 2005



THU AN QUAN

TẬP MUỖI TÁM, THÁNG 2 NĂM 2005

Tưởng Nhớ Nhà văn Y Uyên

Đọc trong số này:

Viết chung: trang 4 Trần Hoài Thư• Phạm Văn Nhân• Ng~• Trần Bang Thạch• Cao Vị Khanh•

Thơ: Từ Thế Mộng 34 • Nguyễn Đức Nhơn *36

Tưởng nhớ: Thu An Nguyễn Thị Bảy: *Dĩ Vãng** 39• Bùi Đăng: *Vài dòng cho người đã khuất** 42• Trần Thị Uyên Ngọc: *Thơ gửi người đã chết ** 52• Mang Viên Long:*Thăm lại gia đình Y Uyên sau 15 năm ** 57• Trần Huiên Ân:*Y Uyên, niềm trống vắng để lại ** 63• Lê Văn Chính:*Núi Tà Dôn và dấu chân Uy ** 75• Trần Phong Giao:*Nhớ Y Uyên ** 83 • Thành Văn: *Đôi điều về Y Uyên ** 95 •

Những truyện ngắn của Y Uyên: Bao Khô * 105 • Tiếng hát của người gác cầu * 121 •

Độc sách: NG~: *Chiến tranh đi qua những truyện ngắn của Y Uyên ** 140• Nguyễn Ước: *Y Uyên, hiện thực chấp chờn ** 169• Lương Thư Trung: *Độc lại truyện ngắn Bao Khô của Y Uyên ** 176•

Mục thường xuyên:

Thơ và Văn: Hải Phương * 185• Phạm Ngọc Lư * 187• Trần Phù Thế * 190• Phạm Văn Nhân:*Nora và những người bạn ** 192•

Hình bìa: Y Uyên (album: Ng~)

Thư Quán Bản Thảo 19 phát hành vào tháng 4 năm 2005. Bài vở gửi về: nhanvanpham@yahoo.com Hay: tranhoaithu@yahoo.com trước 15 tháng 3/05.

Tiểu sử Y Uyên

Tên thật Nguyễn Văn Uy

Sinh năm 1943 tại làng Dục Nội, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên.

Là con cả trong gia đình có 9 người em .

Năm 1954 cùng gia đình di cư vào Nam, cư ngụ tại Hạnh Thông Tây, Gò Vấp.

Học trung học tại các trường Trung học Nguyễn Trãi, Chu Văn An (Sài Gòn)

Tốt nghiệp trường Quốc gia Sư phạm Sài Gòn năm 1964.

Dạy học tại Tuy Hoà, Phú Yên từ 1964-1968.

Nhập ngũ khoá 27 Trường Sĩ quan Trừ Bị Thủ Đức, mãn khóa chuyển về đóng quân tại đồn Nora Phan Thiết, không lâu sau bỏ mình trong trận phục kích, bên dòng suối, dưới chân núi Tà Lơn ngày 8-1-1969.

Khoảng 4 giờ chiều ngày 11-1-1969 Y Uyên trở về Sài Gòn trong quan tài kẽm phủ quốc kỳ. 10g30 sáng Chủ Nhật 12-1-1969 lớp đất hồng đỏ ở Nghĩa trang Hạnh Thông Tây vĩnh viễn phủ kín anh.

Sau năm 1975, nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi, nghĩa trang Quân đội Biên Hoà và Hạnh Thông Tây bị buộc phải di dời, nên **hài cốt anh được hoả thiêu và đặt tại Bảo Tháp cộng đồng chùa Vĩnh Nghiêm, Sài Gòn. Riêng bức tượng đồng của anh được đặt tại nhà riêng của cha mẹ, anh em anh tại Gò Vấp.**

Các tác phẩm đã xuất bản:

TƯỢNG ĐÁ SUỒN NON, tập truyện (Thời Mới- 1966)

BẢO KHÔ, tập truyện (Giao Điểm- 1966)

QUÊ NHÀ, tập truyện (Trình Bày- 1967)

NGỰA TÍA, truyện dài (Giao Điểm- 1967)

CHIẾC XƯƠNG LÁ MỤC, tập truyện (Tân Văn- 1968)

ĐUỐC SẬY, tập truyện (Văn Uyển- 1969)

CÓ LOÀI CHIM LẠ, tập truyện (Tân Văn- 1971)



VIẾT CHUNG

- TRẦN HOÀI THU
- PHẠM VĂN NHÀN
 - NG~
- CAO VỊ KHANH
- TRẦN BANG THẠCH

Rong bút

Trần Hoài Thư

1

Dưới hầm lạnh, tối, ngổn ngang bề bộn máy in, máy cắt, sách vở, computer, bây giờ tôi chỉ còn có anh để nói chuyện. Tôi nói với một người đã khuất. Rất lâu. Một ngàn chín trăm sáu mươi chín đến bây giờ. 36 năm. Và hôm nay là ngày 8 tháng giêng. Cái ngày mà tôi, và anh em bè bạn của anh bồi hồi cùng hưởng đèn trong tâm tưởng.

Nhìn anh, đứng trên hầm đất. Cỏ mọc. Những đôn gổ chống đỡ lớp đất dày. Cửa hầm nhỏ hẹp như cửa hé của một ngôi nhà mồ. Và nghĩ lại một thời. Chắc gì ai có thể hiểu được trong lòng nó là những gì. Chắc gì ai có thể biết được một người lính một người viết văn phải sống như thế nào trong lòng âm u địa huyết. Có phải đêm thì quá dài, và trí não thì nóng bừng. Và cũng có lẽ, anh có lần trở dậy, mò mẫm ra ngoài hầm để ngồi trên nóc và nhìn cỏi đêm. Và cũng có lẽ, có khi anh trùu mền, bật đèn pin quân đội để viết...Vâng, chỉ có những kẻ cùng chung một số phận mới hiểu nhau và mới thương nhau. Với văn chương, anh thống thiết chuyển chữ nghĩa về những phận đời bất hạnh, những vùng đất bị bỏ quên, và những thao thức suy nghĩ của tuổi trẻ chúng ta. Cái chết của anh đã làm sống sờ sờ giới văn học miền Nam bấy giờ. Kể từ đây, chúng ta sẽ không bao giờ được đọc Y Uyên nữa.

2. Nói không phải ngoa. Đâu phải dễ gì có một tác giả

trẻ, rất trẻ dạy học ở Tuy Hoà lại chen ngồi giữa đám "quan văn" ở Sài Gòn. Đâu phải dễ gì những nhà xuất bản đứng đắn và có uy tín như Thời Mới, Giao điểm, Trình Bày, Tân Văn lại chịu xuất bản sách của những người không phải là "nhà" của họ, ngoại trừ biệt lệ là tác giả phải là một hiện tượng.

Nhưng ở anh, không phải một mà đến năm tác phẩm trước khi anh nằm xuống (26 tuổi).

Phải. Thời ấy, văn học miền Nam đã ít nhiều bị "thống trị" bởi một số nhà văn mang thông điệp... **Họ đã bỏ quê nhà của họ và giao quê nhà của họ cho tuổi trẻ đàn em họ bảo vệ và gìn giữ.** Thời ấy, thời những năm 60, nói đến văn học miền Nam là nói đến nhóm, là phải nhắc đến Sáng Tạo, Hiện đại, Thế Kỷ 20 v.v... Những đề tài thì quanh quẩn những hiện sinh, nôn mửa, làm mới văn học, hay viết về những kinh nghiệm bản thân về một chủ nghĩa là Cộng Sản mà họ đã trải qua... Họ sống ở thủ đô, ít hiểu, ít chất liệu để nói về con quái vật chiến tranh và những hệ lụy của nó. Và nếu có viết thì chỉ đứng ở ngoài nhìn vào, chứ không phải đứng trong lòng cuộc chiến như những kẻ trực tiếp ở trong lòng hoả ngục mà tổng thống thứ 31 của Mỹ là Hoover đã từng nói *"tuyên chiến thì dành cho những ông già còn phần đánh và chết thì dành cho đám trẻ"*. (Herbert Hoover: The old men declare war. But it is the youth who must fight and die).

Riêng, những người trẻ viết văn thì không những lãnh phần đánh, chết mà còn lãnh thêm những sắp giấy có khi dính đầy máu. Và khác với những quan chức văn nghệ phòng trà, mang bộ đồng phục mà viết về ca sĩ, vũ nữ v.v... thì các người viết trẻ phải viết trong điều kiện:

"Viết thư thăm ông sau cuộc hành quân biên phòng, kéo dài suốt 20 ngày trong rừng đầy muỗi, lạnh và vắng rừng. Ở đây thiếu thốn về nhiều phương diện. Ngay như báo chí. Đôi khi tờ báo hàng ngày xuất bản ngày 10 thì đến 20 chúng tôi mới được đọc. Còn nói gì đến những tập san văn học nghệ thuật? "

(t.1, thư từ Dakto ngày 12-12-1970, Vấn đề số 45 tháng 4-71)

3. May mắn trong thế giới ấy chúng ta có những Trần Phong Giao của Văn hay Lê Ngô Châu của Bách Khoa... Họ đã ở ngoài phe nhóm. Và họ đã có công trong việc kiếm tìm. Một Lê Ngô Châu đã chịu khó dùng kính lúp để nhìn và đọc cho rõ những trang bản thảo gửi về từ mặt trận nhòa nhạt mồ hôi và bùn đất. Một Trần Phong Giao đã liên tục làm những số Văn có chủ đề tuyển tập những cây bút trẻ. Họ trân trọng sự có mặt của tuổi trẻ, chẳng những bằng tình mà bằng tiền nhuận bút hậu hĩnh. Hơn nữa, họ còn tìm cách cứu những cộng tác viên này, bằng hình thức này hay hình thức khác. Trên những trang sinh hoạt văn học nghệ thuật của Văn bấy giờ, bên cạnh tin thời sự văn học như cái chết của một nhà văn lớn ngoại quốc hay giải thưởng văn học thế giới v.v..., chúng ta còn thấy những tin liên quan đến nhà văn trẻ này bị thương lần thứ hai, nhà thơ trẻ khác bị tử trận... Sau này, chúng tôi mới hiểu tại sao vị thư ký toà soạn Văn lại dành cảm tình đặc biệt cho chúng tôi như thế. Có lẽ anh muốn quan chức SG đọc và "rủ lòng thương hại" chẳng. Đó là cách để anh cứu chúng tôi. Nhưng thưa hai anh, dù các anh có đi những lời cầu cứu cả ngàn lần, dù các anh quan niệm mất một nhà văn thì vô phương thay

thế, nhưng lời cầu cứu của các anh cũng như ngọn lửa đốt trong đêm vượt biển !

Bởi người ta cần lính hơn cần nhà văn. Và cũng bởi vì chúng ta phải sống trong một thời đại đầy những bi kịch và hài kịch như bức tranh hí hoạ dưới đây xuất hiện trên tạp chí Vấn Đề vào năm 1967: (xin để ý đến một hàng bụng phệ)



4. . Cám ơn anh TPG, LNC của một thời văn học thời chiến. Nhưng chúng tôi không cần ai thương hại. Ngược lại là đằng khác. Ít ra lưng chúng tôi còn đứng thẳng khi cầm ngòi bút. Ít ra chúng tôi không nhận chỉ thị bất cứ một ai.

Là nhà văn, có nghĩa là hấn thay mặt hàng ngũ, hay đám đông để nói lên cái ý nghĩ và định mệnh chung của thế hệ hấn. Và muốn vậy, hấn phải phải chấp nhận định mệnh. Có nghĩa là đứng vững với định mệnh.

Và cũng vì chấp nhận, nên anh đã từ Saigon, ra tận ngoài Trung lạ lắm để làm nghề thầy giáo. Và cũng vì chấp nhận nên anh đã từ Thủ Đức, mang áo trận ra Nora.

5.

Tôi đang nói với người đã khuất. Có nghĩa là nói với khối lặng im. Mà lặng im cũng là một cách thể hiện suy nghĩ của mình.

Anh có nghe lời tôi?

Vâng, tôi có linh cảm là anh nghe và anh đã độ trì việc làm của anh em chúng tôi trong cũng như ngoài nước. Nhất là trong nước. Cảm ơn bạn, cảm ơn chị đã thức bao đêm đánh máy, đã lục lạo các ngõ ngách trần gian, để mang lại Y Uyên cho đời sau. Cảm ơn cô, người em gái út của Y Uyên ở trong nước đã cho TQBT một bài viết về người anh trước khi cô nhắm mắt.

Sự ra đi quá đột ngột mới đây của cô đã làm anh em chúng tôi sững sờ. Chúng tôi sẽ cố gắng làm hết sức mình như niềm tin cậy mà cô đã đặt vào TQBT trước khi cô về cùng anh Y Uyên.

Chúng tôi xin dâng tập 18 này về anh. Để anh hiểu rằng, dù đã 36 năm trôi qua, dù bao nhiêu biến cố xảy ra cho đất nước, và dù chúng tôi, bạn bè, độc giả của Y Uyên, có tan tác khắp cả địa cầu, nhưng lòng vẫn cùng chung một nỗi. Nỗi thương nhớ về một nhà văn của thế hệ chúng tôi đã nằm xuống trong chiến tranh.

Tâm sự với NG~

Phạm Văn Nhàn

Từ một địa danh nào đó, rất nhỏ, chẳng ai biết đến. Như hàng ngàn hàng triệu địa danh khác trên quê hương, đã chịu bao nỗi đắng cay khổ lụy bởi chết chóc,

đạn bom. 30 mươi năm qua. Nhìn lại cuộc chiến trên quê hương mình, rõ ràng, người dân nơi những làng quê, cũng như những người lính, và biết bao gia đình có con, chồng là quân nhân...phải chịu bao nỗi mất mát ... Vâng! Những địa danh nào đó, mà ngày xưa tôi đã đi qua... Một vùng quê nào đó, mà ngày xưa tôi đã đến: buồn tẻ, không có sinh khí, chỉ thấy khói lửa chiến tranh bao trùm lên tất cả. Bơ phờ, mệt mỏi trên từng gương mặt người già, trẻ thơ. Vâng! Những địa danh mà tôi đã đi qua. An Lão. Hoài ân. An Thường. Bồng Sơn. Phù Cũ...Hay một con dốc nào đó ở một địa danh “ không tên ” đã gọi lại cho tôi khi nhìn thấy những gương mặt gần như “ thất thần- sợ hãi ”. Những địa danh ấy, có bạn bè tôi ngã xuống. Và, thật khó quên trong tôi. Bấy giờ, thêm một địa danh nữa trên quê tôi, thật tình tôi chẳng bao giờ nghĩ tới. Nora. Cái tên của ai đặt cho, có thể là của Thượng, của Chàm, của Tây, của Mỹ. Không, tôi nghĩ cái tên này có từ thời Tây chiếm đóng trên quê tôi. Tùy Hòa là cái xã; mà có tới hai địa danh mang tên Tây. **Nora và Sara.** Chữ tiếng Việt làm gì có cái tên Tây ấy!

Nora. Một làng quê. Như bao làng quê khác? Không. Nó chỉ là một ngọn đồi nằm gần quốc lộ 1, con đường Bắc Nam. Con đường mà tôi thường đi đi về về mỗi năm một lần - về phép - khi nghe có “ an ninh ”. Nora bên vệ đường, hay vào sâu bên trong, tôi nào có biết; vì địa danh này nhỏ quá. Nhưng mãi đến cuối năm 1969, Nora lại gây ấn tượng cho tôi; vì nơi đó, anh Nguyễn văn Uy nằm xuống. Chuẩn Úy Nguyễn văn Uy nằm xuống thì cũng thường tình như những bạn bè của tôi nằm xuống trong chiến tranh, như đứa em thứ bảy của tôi nằm xuống

trước một thảng miền-Nam- chìm- khuất- trong- màn- sương- muối từ một địa danh nào đó trong tỉnh Quảng Ngãi (SD 2). Dem xác về thật khó khăn; vì nơi nào cũng lửa, cũng đạn. Đường từ Sài Gòn về Phan Thiết bị cắt đứt ở rừng Lá. Để rồi cuối năm 1982, đầu năm 1983 vô Sài Gòn tới nghĩa trang Gò Vấp để thăm em tôi còn nằm đó không. Thì, hỡi ôi, xác đã bị đem đi nơi nào, mà gia đình tôi không hay biết.

Nhưng với Nguyễn Văn Uy thì khác. Vì, Uy không những là đồng đội với tôi - chiến hữu- mà anh còn là một nhà văn. Vâng, một nhà văn. Một nhà văn thật sự cảm súc ngoài chiến trường, và đã ngã gục xuống giữa chiến trường. Nora.

Trong bài thơ của anh Từ Thế Mộng, viết năm 1971: *Thương Người Không Thể Cầm Trong Tay*. Tưởng niệm ngày anh Y Uyên nằm xuống. Đoạn cuối bài thơ, anh viết:

*Mấy trùng sâu cách người nằm xuống
Nora còn chùng bông cỏ may
Nora chùng lòng dăm đứa bạn
thương người không thể cầm trong tay*

*Thương người lũ bạn quây quần lại
đánh phé vui tràn suốt cả đêm
vui quá nên vui tràn nước mắt
hồn buồn không thấy mộng Y Uyên.*

Và mới đây, anh Lê Văn Chính, tức Sương Biên Thùy trước 1975, đã gửi đến tôi một bài viết về Y Uyên. Trong bài viết của anh Chính (Lê Mai Linh sau này),

tôi được biết thêm, là: khi quan tài anh còn quàn tại nhà xác quân y viện Đoàn Mạnh Hoạch: “...nhà xác lợp tôn, bốn bề trống trải, phía trên đầu là núi, phía dưới chân là biển. Những trận gió lốc mặc tình thổi cát bám lên chén cơm trắng, cái hột vịt trắng và những cây nhang màu đỏ nghi ngút tỏa khói, và điệu thuốc quân tiếp vũ cháy dở dang.

Chúng tôi, nhất là Nguyễn Văn Học, bạn thân nhất của Uy (tên thật của Y Uyên) hai ngày chạy đôn chạy đáo xin phi cơ, không có. Cuối cùng, chuyển xe đồ muôn màng trong ngày, đã lặn bánh, đưa chàng về, khác, rất khác, với lúc chàng đến...”

Vài dòng thơ trên của anh Từ Thế Mộng (bài thơ đi trong số này). Cũng như vài dòng văn được trích ra từ bài viết: Y Uyên nhà văn chết ba lần của anh Lê Mai Linh (bài này anh đã in thành sách). Tôi đọc thấy bùi ngùi.

Chủ đích của TQBT làm số chủ đề: **Tưởng Nhớ Y Uyên.** Vì, sau ngày anh ngã xuống đã 36 năm qua. Cuộc đời biến đổi. Lòng người biến đổi. Những tác phẩm của anh, hôm nay, chỉ còn lại trong lòng bạn bè và độc giả còn nhớ đến anh. Tưởng nhớ anh. Trong nước, có bạn, và nhiều anh em khác ở Tuy Hòa viết bài gởi ra để chúng ta hoàn tất một số báo chủ đề về Y Uyên. Trong khi ấy, tôi lại muốn tìm về nơi anh đã nằm xuống. Và, nhất là, nơi quân y viện Đoàn Mạnh Hoạch. Bài viết của anh Lê mai Linh gởi đến TQBT thật đúng lúc, để tôi biết thêm....

Người lính nào đó, dù không quen biết với tôi, khi nằm xuống, cũng thấy bùi ngùi, tiếc thương. Còn anh, khi

nghe tin anh nằm xuống, tôi thật sự xúc động; nhất là hôm nay được anh Lê Mai Lĩnh cho biết có phải cái chết của anh như một định mệnh không? Để rồi anh viết: *Chuẩn úy Chi sao lại đi phép, vắng mặt lúc đó? Không phải việc mình, sao Y Uyên lại tình nguyện cầm quân?*

Một đoạn khác, Lê Mai Lĩnh viết: *Hôm sau, anh mới nói là sẽ lên đơn vị thăm lính tráng một lần chót và lấy lại mấy vật dụng cá nhân, quân trang quân dụng. Và lần đó, định mệnh đã xuống tay với anh.*

*Buổi chiều trở lại đồn, đơn vị anh được lệnh hành quân mở đường, an ninh lộ trình cho một đoàn công voa từ Nha Trang chở nhiên liệu vào Phan Thiết. Chuẩn Úy Chi, người thay anh xử lý thường vụ khi anh đi phép buổi chiều hôm đó vắng mặt, nhà văn đã tình nguyện nắm đơn vị, **trong ý nghĩ lần chót, đi làm nhiệm vụ với lính của mình...***

“Nora còn chùng bông cỏ may”. “trong ý nghĩ lần chót, đi làm nhiệm vụ với lính của mình..”. Một tấm lòng của cấp chỉ huy với những người lính. Một tấm lòng với bạn bè, ngay cả: những bông cỏ may còn chùng lòng... dưới chân đồn Nora. Huống hồ những bạn bè của anh.

Anh nằm xuống còn quá trẻ. Với sáu tác phẩm để lại cho đời. Hôm nay Thư Quán Bản Thảo chúng tôi in lại đầy đủ những bìa sách của sáu tác phẩm mà anh đã xuất bản - bìa sau TQBT- Nào: Tượng Đá Sườn Non . Bão Khô. Quê Nhà. Ngựa Tía. Chiếc Xương Lá Mực đến Đuốc Sậy.

Anh đã nằm xuống, tính đến hôm nay: 36 năm. Với

khoảng thời gian dài như thế, chúng tôi, và những bạn bè của anh còn trong nước: làm một số để tưởng nhớ anh.

Với TQBT 18, chủ đề Tưởng Nhớ Y Uyên, chúng tôi đã chuẩn bị từ TQBT 17. Anh Trần Hoài Thư cũng như anh NG~ cứ lo hỏi tôi: bài vở tới đâu rồi. Có cần gì thêm nữa không? Hình ảnh. Tư liệu. Bài vở của các anh em viết về Y Uyên. Và những truyện ngắn của Y Uyên. Sự lo lắng của hai anh (THT và NG~) cũng đúng thôi; vì thời gian đã trôi qua 36 năm. 36 năm, làm gì còn những trang báo cũ. Cuộc sống của những bạn bè trong nước còn quá “ gian truân ” thì nói làm sao về những “ tư liệu báo chí ” viết về Y Uyên. 36 năm, mưa gió bão bùng sau tháng tư năm 1975 ấy, sách báo cũ hoàn toàn bị “ thiêu hủy ” , ngay cả những tác phẩm của chính mình mà cũng không còn, thì làm sao có đủ để viết về Y Uyên?

Hồn Y Uyên đã về chăng? Nửa đêm, anh bạn tôi không ngủ được, trần trọc mãi vì mấy cái điện thư của tôi gửi về thúc, phải đi tìm cho được những hình ảnh, tư liệu để viết về Y Uyên. Không ngủ được, anh ngồi dậy và tìm lục, lôi từ trên “mái nhà” xuống những sách báo cũ mà anh còn giữ được, vàng ố, lem luốc bởi nước mưa và thời gian. Và, Y Uyên đây. Hình ảnh đây. Những truyện ngắn của anh đây. Gửi qua cho cậu. Mừng quá. Người bạn tôi mừng và cả tôi và anh Trần Hoài Thư cũng mừng. Tôi gửi điện thư đến cho những người bạn ở xa(Trần Bang Thạch, Cao Vĩ Khanh và Phạm Cao Hoàng) để chia sẻ với chúng tôi là: hoàn tất số TQBT chủ đề về nhà văn Y Uyên.

Cảm ơn những người bạn của chúng tôi còn ở quê nhà, đã hỗ trợ cho chúng tôi hoàn thành được ước nguyện. Và nhất là, qua bạn, cho tôi và những anh em chủ trương TQBT cảm ơn chị H. rất nhiều, đã bỏ công ăn việc làm, ngồi đọc lại từng dòng, từng trang sách báo cũ. Đọc từng cái truyện ngắn của Y Uyên đã nhạt nhòa năm tháng, để bạn ngồi gõ từng con chữ trên bàn phím. Và, mới đây, anh Trần Hoài Thư mới gửi đến cho tôi một tập truyện của Y Uyên. Tập truyện: **Có Loài Chim Lạ**, do Tân Văn xuất bản năm 1971. Kỷ niệm sau 2 năm nhà văn Y Uyên nằm xuống. Tập truyện này cũng do một người bạn gửi ra cho TQBT. Tôi nhận được tập truyện thật bồi hồi và xúc động. Năm tháng đã qua, tập truyện vẫn còn được người bạn trân quý, giữ gìn cẩn thận. Dù bìa đã mất. Gáy sách đã bong. Một hai trang đầu đã rách. Và, lề bên phải của tập truyện đã hoen ố nước mưa. Cầm tập truyện trên tay, lòng bồi hồi. Dầu gì cũng là một tác phẩm văn học của một nhà văn thành danh trước 1975 mà như thế sao? Tập truyện: Có loài Chim Lạ là tập truyện cuối cùng của Y Uyên.

Sau TQBT 18 phát hành, Thư Ấn Quán chúng tôi sẽ gom lại những truyện ngắn của Y Uyên đã xuất bản. Như những truyện trong tập truyện nào đó đã xuất bản trước 1975 để in lại, phổ biến đến bạn bè như thấp cho anh một nén nhang; mà 36 năm qua, nhang đã lạnh, hương đã tàn. Còn chẳng là những kỷ niệm của bạn bè anh ở Tuy Hòa, và độc giả. Mà, Nguyễn Ước đã viết từ Canada:

“...Ngày nay, tìm lại cả bảy tác phẩm của Y Uyên thật khó. Nếu may mắn thì có thể sưu tập khắp các thư viện phương Tây ở Mỹ và Úc, nhưng việc đó đòi hỏi nhiều

công sức và đủ thứ hao tổn. Ở trong nước thì chúng đang thuộc về loại văn học của những người thua trận. Nếu có được tái bản vẫn gặp khó khăn vì tác giả của nó là một sĩ quan tử trận, thêm nữa, các tác phẩm văn chương Việt Nam gần như không có chỗ đứng trong thị trường tiêu thụ hiện nay. Tuy thế, việc sưu tập và đánh giá sự nghiệp văn chương của Y Uyên là một điều cần làm, nếu thật sự muốn có một tổng quan và cân đối về văn học Việt Nam nửa sau thế kỷ hai mươi. Đó là một công việc không tránh khỏi vì một mình Y Uyên đủ làm thành một góc văn chương thời chiến.

Ở trong nước, nói như anh Nguyễn Ước, chắc chắn những tác phẩm của Y Uyên khó mà tái bản. Còn ngoài nước thì sao? Sau 36 năm, chưa thấy nhà xuất bản nào làm việc này. Tuy nhiên, với những hỗ trợ của bạn bè, Thư Ấn Quán chúng tôi sẽ làm. Và, làm được.

Làm được không, bạn Trần Hoài Thư và bạn NG~? Tôi tin là chúng ta làm được sau số 18 phát hành về chủ đề: Y Uyên.

Cà Kê... Chút Xíu Với Chị Nga,

Ng~.

Chị ơi, hình như khi con người quanh quẩn lo tìm miếng ăn, thì mọi giá trị đạo đức, nhân cách, lễ nghĩa, tình bạn bè đều bị nhét vào hộc bếp, nơi người ta vất bỏ những chiếc ấm sứ vỡi, những chiếc nồi lủng đáy...? Chưa

chắc. Chỉ khi con người ta hèn nhát thì những thứ vừa kể trên mới bị nhét vào đáy thùng rác, chui trốn xuống gầm cầu?

Hình như chưa có thời điểm nào kinh hoàng cho bằng những chuỗi ngày dài. Có hàng lớp lớp người rỗng rần đứng xếp hàng từ hai giờ sáng trước cửa hàng lương thực, thực phẩm chờ xé tem phiếu đóng từng ký gạo, mua từng gram thịt... Và cảnh giành giật nhau, xô đẩy nhau, chửi mắng nhau một cách thô tục. Nếu đó là những người dân lao động nghèo khổ thì một lẽ. Đằng này là những cán bộ công chức, là những thầy cô giáo, những người tôi luôn kính trọng. Ấy vậy mà khi phân phối một sợi sên xe đạp, một hộp diêm quẹt, gói thuốc lá đen thì các người tôi kính trọng đó lại giành giật nhau, kể công sá phần đấu moi móc phê bình đồng nghiệp này nọ... chỉ để ưu tiên mua cho kỳ được một cái ruột xe, một hộp diêm quẹt!/? Một đời chỉ có vậy thôi sao?

Chị này, tôi cũng có thời đứng trên bục để rao giảng cho đám môn sinh những điều thiện, nhưng rồi tôi không thể đứng trên bục để tiếp tục rao giảng những điều thiện chỉ có trong chút “nước bọt”, phi thực tế giữa thời buổi gốc cây chống ngược lên trời còn ngọn thì cắm xuống đất!. Tôi không thể rao giảng những điều không thật, không cam lòng nói láo, chứng kiến những cảnh tượng bê bối sinh thú nên đành bỏ nghề. Bỏ nghề và tiếp tục chứng kiến những điều trật khớp, lỗi nhịp kia cứ trầy trật chạy trên đường ray chỗ phẳng, chỗ gầy đoạn, chỗ chùng cong như sợi dây nối hai đầu đoạn gỗ mục. Với tôi, lúc này, lúc mà thời hoàng kim “bao cấp” ngự trị trên các vỏ trái,

tấm mẩn, cái ăn quả thật là quan trọng. Cái dối nằm ngay trên miệng chén mấy đứa trẻ con. Ngồi nhìn người bạn bưng chén cơm lưng lửng, sốt ra cho mấy đứa con anh, mỗi cháu một chút xú, chén anh còn lại chút xú, ngang với mỗi phần anh sốt cho các con anh, nước mắt tôi ứa ra, chảy dài xuống. Tôi khóc không phải cho anh, cho các con anh, con tôi... mà khóc vì uất hận, vì những điều man trá, phi lý... phủ chụp lên đầu dân tộc! Chuyện ấy xảy ra cách đây đã khá lâu, có thể kêu là cổ tích. Nhưng cổ tích là cái đã cũ, qua lâu trong quá khứ xa vắng, chờ sao có kiểu cổ tích lặp lại, cổ tích thì présent?

Trong cảnh bần cùng lay lắt đó, mọi người chỉ nghĩ đến bản thân, đến vợ con. Không ai còn hơi sức đâu để nhớ về một chút kỷ niệm cũ với bè bạn. Mà có nhớ nhau, chưa chắc đã thực hiện được mơ ước thỏa lòng. Như bạn tôi, khi ra tù, áo rách, dép bình-trị-thiên, đội cái nón mê lụp xụp như tên tù khổ sai, như kẻ ăn mày, đến gõ cửa nhà một ông “nhà thơ hồi nãy”, để hỏi han địa chỉ bạn bè, để thăm nhau còn mất, vậy mà ông ta đành đoạn lắc đầu từ chối lời khẩn cầu của ông bạn vẫn vừa mới ra tù? Ông ta lắc đầu kêu không biết, nhưng thực tế ông ta biết rõ từng chân tơ kẽ tóc chúng tôi, luôn đeo bám chúng tôi tìm mọi sơ hở để báo công! Hoá ra, ông ta làm thơ ca tụng tình yêu, cái đẹp chỉ là chuyện không thật, là bịa đặt, là dối lòng. Hăm mấy năm sau, nghe kể lại chuyện này, tôi nổi điên, muốn phóng xe ngay tới đứng trước cửa nhà thằng mất dạy đó, vén quần đái vào cửa nhà hắn và có thể tôi đè hắn xuống đái vào mặt hắn, nói rằng mày là thằng mất dạy nhất trần gian, mày là thằng nhà thơ bẩn nhất trần gian. Con giận ấy tới giờ chưa

ngươi và thỉnh thoảng “cơn điên” lại nổi lên, khiến vợ tôi phải ôm giữ lại, phân giải hơn thiệt. Xin lỗi chị Nga, chị từng viết thư khuyên nhủ tôi rằng “chớ có la lớn kéo mang hoạ vào thân. Ai làm chi mượn kệ cậu cứ lo lấy bản thân, gia đình con cái”. Chuyện gì chị khuyên tôi cũng nghe theo, nhưng đứng trước “chuyện bất bình” không chửi chúng nó, không xong chị ơi? Mấy dòng này là phần mở ngoặc nói riêng với chị Nga tí chút.

Hôm qua, trời mưa lay bay, tôi rủ anh H. ra vỉa hè ngồi uống chén rượu nhạt, nhắc lại chuyện cũ, anh cà tàng, an ủi: “có con người ra người, có con người ra khỉ, chú mày đứng có lằm lằm giữa ông Táo và cục đất sét?”. Nghe anh nói phải, tôi hứng chí “nốc tới bến” đến nỗi “say nhổng phao câu, say đờ lưỡi”, mò về được đến nhà bà vợ kêu trời. Tôi bèn giở giọng đàn anh ra “bây giờ có bọn người khỉ và bọn người dơi. Ta phải biết chọn mà chơi”. Vợ tôi càng hoảng, tưởng tôi điên thiệt rồi. Bà mẹ vợ yêu dấu của tôi lại phía bàn thờ gia tiên thấp nhang, rì rầm khấn vái ông bà tổ tiên trời phật độ trì...

oOo

Căn nhà lá mái năm gian, đêm âm u. Trăng hạ tuần lơ mờ dọi vào, nhập nhoạng những chân nhang đỏ trên bát hương. Tôi nhìn sững và nghĩ rằng đó là chốn thanh tao dành riêng cho ông bà, tổ tiên. Tôi cầu nguyện cho linh hồn của họ, một đời đã chịu nhiều tủi cực, được thông dong trên cõi niết bàn. Cứ nửa khuya về sáng, trực giấc lúc nào tôi lâm râm cầu nguyện lúc đó. Cho tất thấy mọi vong linh đều thênh thang trên chốn bồng lai, tất thấy chứ không phân biệt “các bác địch lui ra, các bác ta mời

vào” những ngày giỗ chạp, cúng Rằm mồng Một của “lũ bọn họ” mà tôi mấy lần chứng kiến. Thiệt là kinh hãi, thiệt là bất nhơn và tội nghiệp cho lũ người mãi mãi bị nhét cái ngu vào đầu mà không hề hay biết, tưởng khôn?

Tới đây, bỗng dưng tôi nhớ tới người bạn văn, người anh đã nằm xuống trong cuộc chiến tranh tương tàn vừa qua: Y Uyên. Nghe nói những người từng làm một tờ báo văn nghệ quân đội to nhất thời đó, cũng không hề có lấy một chữ tiếc thương. Và mãi mãi sau này, họ cũng không hề nhớ lại có những chiến hữu năm xưa đã nằm xuống vĩnh viễn. Họ đứng đưng như lũ người quay mặt. Nghe nói, các bạn tôi góp nhau chữ nghĩa để tưởng nhớ người bạn văn, tài hoa mệnh bạc, tôi hăm hở giúp họ tìm chỗ này tập truyện, chỗ kia cái ảnh cũ, mà lòng cảm thấy thanh thản lạ thường.

Hồi anh ra trường đi dạy, tôi mới là thằng học trò “lên cấp 3”. Truyện ngắn đầu tiên của anh xuất hiện trên Bách Khoa với cái tên lạ hoắc, mà truyện thì đọc “chán phèo”. Rồi sau đó trên Văn cũng vẫn chưa lấy gì hấp dẫn tuổi học trò bọn tôi. Cho tới khi Bão Khô xuất hiện cùng với những truyện khác sau đó, chúng tôi mới lần la tìm tới nhìn anh và ngưỡng mộ anh. Mới hay anh dạy học tại ngôi trường sát nhà ông cụ, rồi hiệu trưởng một trường cách đó 3 cây số. Tôi lần la làm quen, bạn bè mê văn chương cũng vậy. Dần dà thân nhau. Tôi mời anh lên nhà ông cụ ăn giỗ, ngủ trưa trên tấm phảng gỗ. Anh kêu bọn nhỏ chúng tôi vào quán Mị Châu Thành uống ly la ve, rồi rủ nhau ra sông tắm. Trong truyện dài Ngựa Tía có đoạn anh tả “hai cậu học trò miền ngoài vào thị

xã chuẩn bị thi, chiều rủ nhau ra sông tắm, tắm xong, nằm lẩn trên bãi cát đọc mấy câu thơ vừa sáng tác ráng chiều, hoàng hôn gì đó...” chính là hình ảnh người bạn thơ Nguyễn Phương Loan (hy sinh trên Dakto, Kontum). Năm tôi học Classe Terminale ở Võ Tánh Nha Trang, anh và Nguyễn Phương Loan từ Tuy Hoà vào thăm tôi ở 36 Nguyễn Tường Tam (khu Xóm Mới). Đêm ngủ, bị bọn trộm móc ví anh, nhưng chẳng có gì để lấy, ngoài đồng giấy tờ tùy thân chúng vất bữa bãi trên nền. Sáng ra Võ Hồng đến thăm, nhắc lại chuyện hồi tối, anh cười hiền “thân tôi như mấy mảnh giấy chúng bỏ lại đó”. Khi anh còn trong trường Bộ Binh Thủ Đức, một hôm ra phép chiều thứ Bảy, gặp nhau trên đoạn Công Lý-Nguyễn Du, rủ tôi về nhà ở Gò Vấp. Nhà ở sâu trong con lộ lớn, rộng, có vườn tre trúc bao quanh. Anh giới thiệu tôi với cả nhà.

Cuối năm 1968, trước khi xuống Cần Thơ, tôi ghé lại toà soạn Văn đưa cho anh Trần Phong Giao truyện ngắn “LMLN”, Gặp Y Uyên cũng đến tạm biệt để ra Phan Thiết nhận nhiệm sở. Hai anh em chia tay ở ga hàng không Phạm Ngũ Lão, anh nói “cậu viết được đấy. Cứ sống thực với mình để có chất liệu hay...”.

Chúng tôi không liên lạc thường xuyên, chỉ nhận duy nhất một lá thư viết từ đồn Nora khuyên tôi gắng học hành, chuyện viết lách như kiểu cơm không nấu gạo còn đó, miễn sao đừng có vào lính! Đó là lá thư cuối cùng của anh cho tôi, như một người anh nhặn nhủ một đứa em.

Anh mất, báo chí thời sự lẫn báo chí văn nghệ đổ xô chửi chửi cục Chiến Tranh Tâm Lý, ra một vài số tưởng niệm, nhớ thương... rồi thôi, coi như anh vĩnh viễn ngao du trong một thế giới khác, không ai nhớ đến anh, ngoại trừ gia đình những ngày giỗ anh và bạn bè thân trong buổi trà dư tửu hậu.

Mãi tới năm 1986, trước khi tôi leo lên rặng Massif Central để tới vùng l'Aveyron thì hân hạnh được “ăn theo” cuộc hội thảo “Thơ miền Trung” tại Nha Trang. Đêm đó, cả đám nhà văn Việt Cộng lẫn nhà văn “Cộng Hoà” rủ nhau ra sân ga Nha Trang uống rượu. Có mấy anh bạn thơ gốc “nẫu”, nơi Y Uyên dạy học và nơi thành danh của anh, nhà thơ Việt Cộng Thái Bá Lợi kêu lên: *“Mấy ông xứ nẫu phải tự hào có một Y Uyên, và tôi nghĩ các ông nên dựng tượng Y Uyên ngay trên đường vào thị xã. Anh ấy là nhà văn lớn!”*. Cảm ơn ông Thái Bá Lợi, Tôi nghĩ rằng ông nói thật lòng, bởi ông đối trá làm gì với người đã nằm xuống, phải không? Và dấu gì thì ông cũng còn một chút nhân cách để tôi nghĩ rằng không phải tất cả bọn ông không hề có trái tim, không hề chân thật bao giờ. Mà nghĩ cho cùng ông đưa đẩy để làm gì? Phỏng có ích gì cho ông và cho chúng tôi, trong thời buổi nhiễu nhương này. Tôi nghĩ ông không như tên “nhà thơ hồi nẫu”, nên cảm khái cụng một ly với ông. Lần đầu tiên tôi thò tay cụng ly với một ông nhà văn Việt Cộng mà lòng rưng rưng. Rưng rưng chẳng phải vì ông nhắc đến một nhà văn mà bọn các ông đã *“bóp cò súng viên đạn thứ nhất có thể chấp nhận nhưng những viên đạn bồi là phi lý, là vô nhân”*. Tôi nghĩ, lúc đó, rằng ông nhắc với tấm lòng thành, bởi Y Uyên không thể ngồi dậy được để nghe ông nói thật hay giả. Mà dấu cho các ông có

thật hay giả, thì đó cũng là phần các ông. Chúng tôi có riêng phần chúng tôi, luôn trân trọng Y Uyên, coi anh như một nhà văn viết về chiến tranh có một không hai ở miền Nam này. Chúng tôi luôn biết trân trọng cái đẹp. Ví như chúng tôi không thích và đánh giá thấp nhân cách của Hoàng Phủ Ngọc Tường, Chế Lan Viên nhưng bút ký của ông Tường thì tới nay chưa ai viết hay bằng và thơ của ông Chế vẫn có những rung cảm ở tầng sâu trí tuệ. Cái đáng trách là sự hèn nhát của người cầm bút, để tới lúc nào đó sẽ biến thành “con ngựa già của chúa Trịnh”.

Mà cũng không đợi Thái Bá Lợi nhắc, tượng Y Uyên, chúng tôi, cụ thể là điêu khắc gia Đỗ Toàn đã tạc và đưa vào dựng ngay tại mộ anh ở nghĩa trang quân đội Gò Vấp trước đó khá lâu, sau đưa về nhà, nơi thờ phụng anh.

Mà tối nằm nghĩ lại, ông cảm tài, hứng chí nói thế chứ ai cho dựng tượng Y Uyên ? Ví phỏng ông có là chủ tịch tỉnh, là lãnh tụ nước phán bảo thế, thì cái “đám bọn họ” sẽ gồng mồm lên mà la, mà thét gào. Bao nhiêu tượng to tượng nhỏ qua một đêm đã bị thông dây giật đổ ngã rồi đó. Tượng mà chi? Đài mà chi hả ông Thái Bá Lợi? Chúng tôi vô vàn cảm ơn tấm lòng thành của ông. Bức tượng của Y Uyên đứng ngay trong lòng mỗi chúng tôi, những người bạn, những độc giả một thời của anh sẽ mãi chói rục niềm tiếc thương, yêu mến anh ấy mà !

Tôi , với tư cách như một độc giả, lại vô vàn cảm ơn những người khởi xướng thực hiện số tượng niệm này. Đứng đầu sổ bìa đỏ là Trần Hoài Thư đã chịu khó lái xe 5 tiếng trong mưa tuyết đến thư viện tìm lại tư liệu...Xếp

hạng hai là ông bạn già Phạm Văn Nhân, tối 1 –2 giờ sáng còn ngồi gõ máy lốc cốc cho số TQBT 18, rồi xếp đồng hạng ba là nhị vị phu nhơn của hai ông nhà văn số 1, 2; những phu nhơn chịu chơi nhứt trần đời, để cho đức lang quân tư tình với chữ nghĩa, văn chương bỏ quên chiếc giường trống trơn lạnh ngắt. Hai vị có quơ tay mò tìm thì cũng chỉ đụng chữ nghĩa văn chương thôi!

Lấy chồng chi những nhà thơ

Suốt ngày ngẩn ngẩn ngơ ngơ nhìn trời

Lấy chồng chi những nhà văn

Cả đêm lẫn trở, trở trăn nợ tầm.

Sướng ích chi, phải không chị Nga yêu mến của tôi?

Sống với một thời đã qua

Trần Bang Thạch

Hơn lúc nào hết, những ngày gần đây, tôi thấy câu nói: “ Lịch sử là một sự lặp lại” đúng vô cùng. Hay nói một cách nôm na: “Đi loanh quanh rồi cũng về chỗ cũ”. Chỗ cũ ở đây chính là điểm, là nơi gặp gỡ của những người bạn văn đối với nhau, cho dù lận đận đường đời, cho dù muôn thu cách biệt. Mấy mươi năm trước có những việc muốn mà không làm được. Bây giờ làm lại càng thấy hăm hở thêm. Từ vài tháng nay, nhóm chủ trương TQBT chuẩn bị làm một số kỷ niệm nhà văn Y Uyên. Các bạn của tôi, những người chủ trương TQBT và những người cộng tác trong và ngoài nước, đã gia công sưu tầm tài liệu, hình ảnh, tác phẩm của Y Uyên, viết về Y

Uyên...Có người từ Phan Thiết, Phan Rang, Tuy Hòa vượt hàng trăm cây số vào Sài Gòn tìm một người tình của Y Uyên, có người ở vùng Đông Bắc Hoa Kỳ lái xe hàng chục tiếng đồng hồ vào thư viện Đại học Cornell tìm tác phẩm của Y Uyên. Chúng tôi thường gọi nhau để thông báo mỗi khi có tài liệu mới nhận được về Y Uyên. Có lúc tự mình nói với mình: Nói về một người đã chết mà nghe như nói về một đề tài thời sự đang xảy ra bây giờ. Người khôi nguyên của giải Nobel văn chương 1949 William Faulkner thật chí lý khi cho rằng dĩ vãng chẳng những không trôi qua, mà cũng không chấm hết một khi mình còn có dịp sống với nó. Thì đây, chúng tôi đang sống với cái dĩ vãng hơn ba mươi năm.

Cách đây gần 35 năm, tại căn phòng số 302 trong đại học xá Minh Mạng trên đường Minh Mạng, Chợ Lớn, nhóm chủ trương tạp chí Chỗ Đứng quyết định đăng một truyện ngắn của Y Uyên với lời tiếc thương của ban biên tập, sau gần ba tháng Y Uyên mất. Đó là truyện ngắn Bão Khô đăng trên Chỗ Đứng số 4. Tôi còn nhớ hai chữ Y Uyên nằm trên một khối đen hình chữ nhật và ở cuối mỗi trang của truyện là một lần đen đậm chạy theo chiều ngang của trang báo. Đó là một cách chúng tôi thương tiếc Y Uyên. Trước đó, vào một ngày cận tết của năm 1969, trên căn gác của một bạn văn ở trong con hẻm đường Kỳ Đồng, mấy anh em chúng tôi sửng sốt nghe tin Y Uyên đã ra đi vĩnh viễn. Lúc đó nghe nói anh bị viên đạn bắn sẻ từ phía sau lưng; sau nghe là anh bị chém bằng mã tấu của một tên du kích chém vè nằm bên đường trong lúc cánh quân của anh Y Uyên đi mở đường. Nghe tin anh mất mà nhóm chủ trương Chỗ Đứng chúng tôi không nghĩ tới chuyện làm một số kỷ niệm Y

Uyên, có lẽ lúc đó các phân khoa đã bắt đầu nghỉ tết, chúng tôi đa số chuẩn bị về tỉnh nhà đón mừng năm mới. Sau tết lại bận túi bụi chuyện thi cử, học hành; lại không dốc tâm tìm tài liệu, nên cuối cùng làm sổ kỷ niệm Y Uyên rất đơn sơ và quá trễ.

Thuở đó tôi đọc văn Y Uyên khá nhiều nhưng chưa một lần gặp mặt, chỉ biết anh là một nhà văn nổi bật trong số những cây viết trẻ thời đó. Có thể nói anh là cây viết trẻ hàng đầu của thập niên bảy mươi. Anh và một số vài cây viết trẻ khác tôi nghĩ là đã khơi mào cho một lối viết truyện mà không có chuyện. Như một Samuel Beckett trong *Waiting For Godot* (1952). Gặp cái gì cũng nói tới, dù nhỏ, để đọc giả thích thú đi theo mình tới chỗ chấm hết thật tự nhiên, không cần phải tình tiết éo le, mùi mẫn... hay không cần phải có nút thắt, nút mở gì hết. Chỗ Dừng kỷ niệm anh trước hết là vì văn tài của anh và vì những ý tưởng bao trùm trong tác phẩm của anh: viết về chiến tranh với những tàn tệ và những hệ lụy của nó bằng lời văn nhẹ nhàng, khách quan; viết thật thà cái khổ của người dân sống trong vùng lửa đạn, không than không trách; ngòi bút của anh lúc nào cũng xuất hiện với lòng bao dung, không một chút hận thù. Thứ đến là chúng tôi kỷ niệm anh vì chúng tôi thương tiếc anh: một tài danh yếu mệnh: 26 tuổi với một văn tài đang hồi nở rộ.

Vậy mà gần 35 năm sau, tại một nơi chốn xa cách ngàn trùng với một căn học xá cũ, tôi viết mấy dòng về Y Uyên đêm nay, như ngày xưa tôi mò mẫm đánh máy truyện ngắn *Bão Khô* của anh để đem cho nhà in sắp chữ. Quả là diệu kỳ! Một sự lặp lại diệu kỳ !

... một thiên bạc mệnh

Cao Vị khanh

... khúc nhà tay lựa nên chương

một thiên bạc mệnh lại càng nảo nhân... ()*

Năm Kiều 15 tuổi, tài sắc vẹn toàn, văn chương thi phú lâu thông mà đặc biệt cái ngón đờn ca lại mùi mẫn tốt chúng. Có điều không biết do đâu xúi bẩy mà âm nhạc nàng chọn chỉ toàn là mấy cung thương oán. Làm như cặp mắt long lanh kiêu nước mắt chực chờ, con tim se sắt đã buồn đâu sẵn chỉ dành để rung theo những âm giai nảo nuột... Chẳng vậy mà ai đời mới gặp lại người ta lần thứ hai sau khi phải lòng người ta lần thứ nhất ngoài bãi mộ địa (nghĩa là con tim thiếu nữ hẳn nhiên còn đang đập từng từng theo kiểu nhạc trời-hồng-hồng-sáng-trong-trong) đã cầm lấy đàn và chơi ngay một bản nhạc buồn đến nỗi cái anh chàng tình nhân vô-tích-sự nhất đời là Kim Trọng cũng phải khi-tựa-gối-khi-cúi-đầu-khi-vò-chín-khúc-khi-chau-đôi-mày.

Rồi đến khi gặp gia biến, giữa lúc ai nấy còn đang bối rối chỉ biết khóc lóc than van, chỉ có nàng mới 15 tuổi là sáng suốt (!) mà nhảy ra thế thân chuộc tội cho cha. Nếu tính theo tập quán thì chính Vương Quan là con trai dù là con thứ mới có đủ chức năng và bổn phận làm việc đó. Còn nếu kể về nhân dáng và tánh tình thì phải nói cái cô em Thúy Vân hoa-cười-ngọc-thốt-doan-trang mới là kiểu trung hiếu tiết nghĩa cùng mình để đem thân cáng đáng chữ hiếu. Vậy mà không, không Quan không

Vân gì ráo. Chỉ có Kiều nhi thôi.

Vậy đó rồi trải qua 15 năm lưu lạc thanh-lâu-hai-lượt-thanh-y-hai-lần ngon ơ.

Nói theo kiểu Nguyễn Du thì nỗi đoạn trường này đã nằm sẵn trong cái bản đàn bạc mệnh mà Kiều đã chọn cho mình từ trong vô thức. Một thiên bạc mệnh...

Ngày 8 tháng 1 năm 1969, chuẩn úy Nguyễn Văn Uy tức nhà văn Y Uyên, bị trúng đạn tử thương bên một dòng suối gần chân núi Tà Lơn ở Phan Thiết, khi lệnh hoán chuyển về một đơn vị thích hợp hơn (chiến tranh chính trị ?) vừa trở trêu xuống tới đơn vị. Ông vừa đúng 26 tuổi.

Những năm sáu mươi nghĩ lại chỉ toàn điều buồn bã. Chiến tranh kéo dài đã quá lâu và số thương vong không tính xuể, chưa kể đến sự thương tổn của lòng người là cái không bao giờ tính được. Bản tin chiến sự hàng ngày không còn làm ai tin nữa. Sự xúc động lâu ngày trở thành nhàm. Thêm một cái chết của một người lính trẻ không còn làm trăn trở thêm ai ngoại trừ số thân nhân gần xa. Tuy nhiên hồi đó, cái chết của nhà văn Y Uyên dường như cũng đã gây ít nhiều xốn xang cho những-người-không-chịu-chết.

Thứ nhất ông là một nhà văn có tài trong số hiếm hoi những người trẻ làm văn nghệ thời đó. Từ những truyện ngắn đầu tay được đăng ngay trên Bách Khoa như một giá trị bảo đảm tức thời đến tiếp đó, dài theo bán nguyệt san Văn, là cái giọng văn rất trầm tĩnh, chừng chặc đến quạnh quẽ của một người già trước tuổi, cái buồn có sẵn từ một người trẻ có lòng nói riêng về xóm làng đìu hiu của mình trong cái thời đại bi đát chung của nó, cái nhìn sắc mắ đầy những thao thức biểu lộ trong cách dùng

chữ vừa chính xác đến lạnh tanh vừa tha thiết đến làm người đọc như nghe được cả hơi thở hấp hối của quê hương vật mình trong cơn đau chết. Y Uyên thời đó viết hay lắm. Mỗi truyện ngắn của ông là một chứng tích nào nùng về những tiếng kêu thét nuốt ngược không thành lời, những nỗi khổ nhằn nhịn đến bầm gan, những cay đắng chịu đựng đến cực kỳ vô lý... của loại công dân hạng chót trong tai họa chiến tranh. Chiến tranh trong truyện của ông là thứ chiến tranh ở đằng sau những âm ỉ của trái pháo, thứ chiến tranh không giết xấn xả mà giết nhằn nha, mà tiêu hao dần mòn như vết cắt ở cườm tay rỉ máu từng giọt... Thứ chiến tranh không có tên gọi trong sách sử mà đục ruỗng con người như mỗi một găm giấy... Nhân vật trong truyện của Y Uyên vì vậy, vật vờ như cái bóng của chính mình.

Hồng chừng cái hình ảnh của người đàn bà nửa điên nửa tỉnh, lội lên lội xuống khúc sông gần cạn khô ở một vùng nào đó của miền trung để tìm cánh-tay-có-mang-cà-rá của chồng chết vì mình cùng một lúc với sáu mươi mấy mạng người khác, kết thúc truyện ngắn Bão Khô có nói lên được một-cái-gì-không-nói-được trong triệu triệu điều không nói được về cuộc chiến tranh vừa qua. *"Trên con đường lổn nhổn đá xanh dẫn lên trên đó, người đàn bà có khăn tang đang nhảy qua nhảy lại, rượt theo một con chó ngậm trong mồm một khúc xương."*

Do sống ở miền trung, vùng Tuy Hòa Phú Yên, mà truyện của ông đều viết về miền đó, dường như là cái miền đau khổ nhất nước trong suốt cuộc chiến dài trên cả nước. Miền trung đất-cày-lên-sỏi-đá, có chỗ đất sống rộng không quá trăm cây số, kẹp cứng ngắt giữa một bên là ngồn ngang núi đá và một bên là trùng trùng biển mặn. Chật hẹp như vậy nên mình pháo đội lên dập xuống

không sót một chỗ nào. Và người dân hứng đi chịu lại đến quen lì thảm họa- còn sự quen lì nào khủng khiếp đến vậy không? Miền Trung của khô khốc gió Lào, của lụt lội giông bão mỗi năm. Và cũng là chiến địa của những trận đánh lớn, với đầy đủ biểu hiệu của chiến tranh thời mới, xe tăng đại pháo máy bay... nghĩa là biểu hiệu đầy đủ nhất cho hiệu năng tàn phá ghê gớm của những thử nghiệm vũ khí mới. Miền Trung cong quẹo như tấm lưng xương xẩu của một người ngồi bó gối. Ngồi như vậy mà chịu đựng tai ương. Chính trong truyện của Y Uyên mà khúc thân gãy guộc đó đã lộ ra hết xương xóc tang thương nhất của mình.

Ngày 8 tháng 1 năm 69 ông bị phục kích và tử thương. Con người tài năng đó chết khi tài hoa đang ở vào thời sung mãn. Trong ba năm ông cho xuất bản 5 tác phẩm dù rằng cũng giống như nhiều người trẻ đồng thời khác, ông chưa bao giờ được viết một cách thoải mái như một người đã chọn nghề văn. Ở trong quân đội, ông phải làm cái việc lính tráng ở đơn vị tác chiến trước cái việc viết văn. Không quen biết văn hình dung được sự khó khăn này. Chắc không khác gì với Trần Hoài Thư viết trong giao thông hào, viết dưới ngọn đèn pin lập lờ che dưới poncho... Có gì là quá đáng không nếu nói cái chỗ của Y Uyên, của Trần Như Liên Phụng, của Doãn Dân... và bao nhiêu người viết văn làm thơ chết trẻ khác không phải ở đó. Lẽ ra họ phải ở một chỗ khác...

Nhưng mà rồi, ở đâu?... Ở đâu để nói về những xóm thôn vốn dĩ đã hẻo lánh lại càng trống hoang thêm sau mỗi bận hai bên giành qua giựt lại, những người dân đã nghèo sát ván lại còn nghèo hơn nữa sau mỗi lần bỏ nhà bỏ cửa chạy lấy thân, những giây mơ rê má lẳng nhằng

có mà không có của những nhân vật lảng vảng qua lại giữa đời mà như không có mặt...

Và nhất là ở đâu để nói về một nỗi sầu kín của lớp thanh niên lớn lên giữa cái thời buổi kỳ cục đen trắng nhập nhằng, lớp thanh niên đã già khi tuổi còn trẻ, và đã buồn khi chưa kịp biết vui...

Thì thôi đã sống ở đó thì viết ở đó...

Đã sống ở đó thì chết ở đó. Như cái phận rủi may đã chực chờ đâu sẵn từ những dòng chữ đầu tiên....

Như sự gắn bó của con người với cái thời đại nó sống vốn dĩ là điều tất yếu của mọi hoạt động sáng tạo.

Đã có lúc người ta than phiền về loại văn chương thấp-ngà, văn chương viễn-mơ, văn chương hiện-sinh... là trốn tránh thực tại, chối bỏ trách nhiệm của người cầm bút trong một xứ sở đang có chiến tranh thì cái chết của Y Uyên như một người lính là điều không tránh được dù đáng tiếc hết sức, còn như cái chết của Y Uyên như một nhà văn thì có phải là một điều chẳng-đặng-đừng (một thứ mal nécessaire !) dù rằng cũng không ai đòi hỏi tới vậy. Đó có phải là một câu hỏi đành đoạn, vô tình và độc ác ? Có điều văn chương của ông khác lắm, khác xa với văn-chương-phòng-trà, văn-chương-pagode, văn-chương-máy-lạnh... Văn của ông chính là hơi thở hắt của cỏ cây rầu rĩ, là tiếng kêu rêu của đá sỏi ngậm ngùi, là máu chảy lặng lẽ, là nước mắt khóc lặng lẽ, là cơn đau thất lặng lẽ vì bất lực của một ý thức bén ngót trong cơn rối mù trời của lịch sử.

Sự nhập cuộc (dù dưới bất cứ hình thức nào) vẫn là cái may (hay cái rủi ?) của một người làm nghệ thuật.

Nếu trước đây trong cái thời của mình, Rimbaud đã không sống hết mình cái mình đang có, yêu đương đồng tính luyến ái mặc cho xã hội kết tội, không la cà trà đình tửu quán mặc cho thiên hạ rửa xả, không lê lết giang hồ đến kiệt sức, không bỏ đi buôn lậu đến bán mạng... thì thi ca của ông có đạt tới mức phóng túng của con-tàu-say ? Và người đời sau còn lấy gì mà nhớ tới... chàng-tuổi-trẻ-tóc-bay !

Cũng như nếu Thúy Kiều vẫn tiếp tục ngủ yên trong cơn gia biến thì bất quá cũng chỉ là một thứ hoa hữu sắc vô hương có gì mà ba trăm năm sau còn người thương tiếc.

Tại vậy đó, tại không phải ai muốn mà được, cũng không phải ai không muốn mà có thể từ chối... có cưỡng lại cũng không được, cái thiên bạc mệnh có nhường ai đâu !

Đọc lại Y Uyên, thấy sao văn chương câu cú của ông như được viết ra từ một cung ai cung thương nào đó. Cái thuở viết văn ông còn trẻ lắm. Hai mươi mấy tuổi vậy mà sao văn ông buồn quá đỗi. Hình ảnh, nhân vật, tình huống... trùng tréo nhau chằng chịt như một cuộn chỉ rối mà người tháo đã lạc mất cái gút mở ngay từ đầu.

Có phải Y Uyên cũng như Kiều, đã chọn cho mình từ thiên bạc mệnh đó, cái phần số vinh quang một cách hẩm hiu.

... anh hoa phát tiết ra ngoài
ngàn thu bạc mệnh một đời tài hoa (*)

(*) *Kiều*



THƠ

TỪ THẾ MỘNG • NGUYỄN ĐỨC NHƠN •

TỪ THẾ MỘNG

**THƯƠNG NGƯỜI
KHÔNG THỂ CẦM TRONG TAY ***

Ta với người tuy quen đã lâu
lặng đênghàn dặm tình không sâu
bỗng đứng một sáng nghe người mất
buông thông hai tay ta cúi đầu

Nhớ khi ta đối về Tuy Hoà
trời chưa muốn sáng trăng còn xa
bảo: “Suốt cả đêm nay ta đánh phé”
rủ: “Hôm nào cậu tối chơi cùng ta”

Cái thằng hiền khô con gà chết
thấy ta để râu con cá chột
cậu cười: Ta đưa ống sáo nâng ngang mày
chào tuốt người thương và kẻ ghét

Ta yêu tiếng nấc sâu em xanh
sâu như em Thúy sầu lênh đênh
người yêu tiếng hí xa ngàn dặm
hồn vọng phu hơi sương còn long lạnh

Có lần người muốn người thay đổi
ánh mắt người buồn hơn thuở xưa
trời mới lên cao trời sáng lắm
mắt người chìm khuất phương trời xa

Ta đi biệt người biệt
hồn trai không kín mộng giang hồ
nghe người vào lính ta đang lính
súng đạn như đùa với kẻ thơ

Ta tròn hai mắt ra kinh ngạc
mắt người dịu dịu màu ca dao
người áo quần xanh đường kẻ mới
hai hàng ánh sáng ngã lao đao

Người về Phan Thiết đang mùa gió
chuyện vẫn chưa vừa được mấy câu
đã mịt mù xa người lửa đạn
ta phương trời cách mấy trùng sâu

Mấy trùng sâu cách người nằm xuống
Nora còn chùng bông cỏ may
Nora chùng lòng dăm đưa bạn
thương người không thể cầm trong tay

Thương người lũ bạn quây quần lại
đánh phé vui tràn suốt cả đêm
vui quá nên vui tràn nước mắt
hồn buồn không thấy mộng Y Uyên !

Phan Rí 1971

** Đề tựa bài thơ này khác với đề tựa bài thơ đã đi trên tuần báo Khởi Hành trước 1975.*

Xin trích một đoạn trong lá thư của tác giả gửi từ quê nhà cho PVN về nguồn gốc bài thơ của ông:

"...Một năm, sau giờ giảng văn anh nhớ Y Uyên, liền ngưng ngay, cho học sinh làm luận văn đột xuất. Anh ngồi cảm hứng tuôn trào. Và, bài thơ "Thương Người Không Thể Cầm Trên Tay" ra đời. Bài thơ được đăng ngay trên Khởi Hành. Kỷ niệm một năm Y Uyên mất. Viên Linh bảo như vậy. Trên Khởi Hành, Viên Linh sửa lại đề là: Mộng Y Uyên."

(thư ngày 24-10-2004).

NGUYỄN ĐỨC NHƠN

CÓ LẦN QUA ĐÔI NORA CHỢT NHỚ Y UYÊN

Rừng chồi im phăng phắc
Ta một bóng xiêu xiêu
Vai trần chân bám đất
Nặng một gánh đìu hiu

Kéo kịt trên đường mòn
Ngõ về xa hun hút
Bóng của buổi chiều tà

Đuổi theo ta bên gót

Ngang qua đồi Nora
Ngậm ngùi bao kỷ ước
Một sáng nào năm xưa
Anh già từ chiến cuộc

Một dặm đường Anh qua
Bỏ sau lưng một kiếp
Chiều nay ngồi trên đồi
Ta nghe buồn da diết

Tựa lưng gốc cây già
Ngủ vùi trong mộng寐
Chợt bóng Anh hiện về
Cùng ta ngồi uống rượu

Ta tựa mình ngơ ngác
Nhìn quang gánh hững hờ
Con dốc dài trở giấc
Thở khói chiều lúa thừa

Ta lặng lẽ lên đường
Mấy mùa phơi râu tóc
Nhuộm trắng cả mái đầu
Trong nỗi buồn se sắt

Ta ngó về phương xa
Từ một nơi vô định
Con chim trời bay qua
Ta rùng mình ớn lạnh.



TUỞNG
NHỚ
Đốt Lò
Hương Cũ

- THU AN NGUYỄN THỊ BẢY
 - BÙI ĐĂNG
- TRẦN THỊ UYÊN NGỌC
 - MANG VIÊN LONG
 - TRẦN HUIỀN ÂN
- TRẦN PHONG GIAO
 - LÊ VĂN CHÍNH
 - THÀNH VĂN

THU AN NGUYỄN THỊ BẢY (*)

(....Suốt cả tuổi ấu thơ và tuổi trưởng thành, tôi mong được nổi nghiệp anh; không phải vì muốn “giống hệt” anh, mà là vì vốn dĩ tôi cũng thích theo đuổi nghiệp văn chương...)

DĨ VẮNG

(Kính tặng hương hồn anh Nguyễn Văn Uy)

Những kỷ niệm về anh thì thực là nhiều, hai mươi mấy năm trường, nói làm sao cho xuể. Anh, người anh cả của tôi!

Suốt cả tuổi ấu thơ và tuổi trưởng thành, tôi mong được nổi nghiệp anh; không phải vì muốn “giống hệt” anh, mà là vì vốn dĩ tôi cũng thích theo đuổi nghiệp văn chương...

Nhưng rồi... cuộc đời khuất khúc, thế sự đổi dời... tài năng của tôi cũng có ít nhiều cơ hội phát triển, và tôi đã không thực hiện được những điều mơ ước... Buồn vui không đáng kể... Tôi chỉ biết nơi đây, tôi viết đôi điều về anh.

Bạn anh hồi đó đã có một số người làm thơ văn để nhớ đến anh, tôi thích một câu thơ:

“... Mắt người dịu dịu màu ca dao...”

Màu ca dao là màu gì? Nó có trong xanh không? Nhưng tôi cũng nghĩ đó là màu mắt của anh. Cái màu chơn chất, hiền lành.

Thuở thiếu thời, khi những người anh khác dạy tôi tinh thần khoa học và sự dũng mãnh, thì anh lại sửa sang, góp

ý để tôi trở thành “con gái”.

Anh cho tôi tiền để may sắm quần áo, băng dờ, giày dép... Nhưng tiếc thay, tôi thường lén đi mua sách, truyện, và ăn mặc thật xuềnh xoàng!!!

Khi tôi học lên Trung Học thì anh với tôi cùng ở trọ nhà bà cô tôi. Một ngôi nhà xinh xinh, có những hàng dừa, ao nước... có ao cá tra nuôi bằng hèm rượu và có những tiếng vọng cổ vang lên trong những buổi trưa, chiều... Đối với tôi lúc bấy giờ, cuộc sống thật đơn sơ nhưng cũng thật ấm cúng.

Học cấp hai, tôi thường được lãnh bảng danh dự cũng là do sự hướng dẫn của những người anh. Anh Uy là người đầu tiên dạy tôi làm toán chứng minh hình học, loại toán mà lúc đó nữ sinh chúng tôi thường rất ớn.

Hàng ngày, anh đạp xe đến học tại trường Sư Phạm... Suốt đời, gần như anh chỉ mặc áo sơ mi trắng hoặc màu xanh nhạt. Anh nói: “ Mặc vậy người ta không nghĩ là ít áo, là nghèo...”.

Bây giờ tôi mới để ý là lúc đó anh không kiếm được nhiều tiền.

Nhà văn...lương giáo viên...chẳng có là bao. Thỉnh thoảng anh cũng gửi một ít về giúp đỡ gia đình.

Anh thường nói: “ Hãy làm một điều gì đi, dù có làm sai, và đừng than vãn!”. Nhưng khi thấy tôi chập chững viết những đoạn văn, ghép những vần thơ ngô nghê, thì anh lại bảo: “Hoa đến mùa sẽ nở, đừng nên nở quá sớm!”.

Và cứ thế, anh em dặt dìu nhau mà sống... Tôi thích nhất thời gian sau này (không nhớ rõ là lúc nào), mỗi lần cả hai anh em cùng ở nhà... anh ngồi viết văn, còn tôi lo

dọn dẹp nhà cửa...thỉnh thoảng còn chạy ra chợ mua trái cây, bánh cốm về đưa anh ăn; nhiều khi tiện tay lại xách nước mang vào buồng tắm cho anh... Anh la quá, nhưng rồi lại cười xoa. Dĩ nhiên, trong nhà có việc nặng anh cũng giúp.

Thoạt đầu, anh viết bài cho tờ báo Tuổi Xanh, một số nhật báo khác, rồi đến Văn, Bách Khoa .v.v. Những chuyện ngắn đầu tay của anh thường đượm màu cổ tích, hoặc những kỷ niệm về xóm làng, quê hương... và về tình yêu của những đôi trai gái mới lớn...

Tôi không thích nói về thời gian anh đi dạy ở xa, dần thân vào nghề viết văn, rồi đi lính. Lúc đó cuộc đời anh ít nhiều cũng bị pha trộn lẫn rồi. Tôi chỉ muốn nhắc lại ít nhiều kỷ niệm nhẹ nhàng thuở ấu thơ. Để thấy là anh lúc nào cũng điềm tĩnh, hiền lành. Chúng tôi thích nói chuyện và săn sóc anh, và ai cũng có cảm tưởng là được anh để ý tới.

Bạn trai, bạn gái đều thích kể những câu chuyện về anh để cười đùa và vui nhộn. Các cô gái má ửng hồng vì được anh hỏi thăm và gọi là “tiểu thư” và “cô bé”. Cả những ông già, bà già cũng rất mến yêu anh.

Mất anh, chúng tôi như mất một khoảng trời bình an, khoảng trời của tuổi thơ... Có những tiếng cười giòn dã của bạn bè và của các nhân vật; có những việc làm đơn sơ nhưng thấm đậm nghĩa tình... Và có những cổ tích, có những vườn hoa, những cô hàng xóm xinh đẹp... Và có những dòng sông, những lũy tre, những quê nhà mơ màng ẩn hiện...

Tất cả...như là những kỷ niệm, hiền hoà, dịu dàng và

đằm ắm nhất □

(*) *Chị Nguyễn Thị Bảy là em gái út của Y Uyên. Khi bài viết này đến tay chúng tôi, thì nghe tin chị “đột tử”. Một tin bất ngờ đến sờ sững những dòng chữ chạy trên vì tính, để cuối cùng tất cả đều là những kỷ niệm, đều là “dĩ vãng”... TQBT xin thấp nén hương và cầu nguyện hương linh chị bay lượn trên cõi niết bàn (TQBT)*

BÙI ĐĂNG

VÀI DÒNG CHO NGƯỜI ĐÃ KHUẤT (*)

Bùi Đăng tên thật là Bùi Đăng Khuê, tác giả truyện dài Cúi Mặt đăng nhiều kỳ trên Bách Khoa, sau được in thành sách, mô tả lại một đoạn đời ngắn ngủi của chính tác giả bị Việt Cộng bắt (trên đường anh lên vùng xôi đậu dạy học) lên núi học tập cải tạo trong nhiều tháng. Ở đó các nhân vật là những người bằng xương bằng thịt rất cụ thể với những lời rao giảng, cảnh sống khốn cùng trong các hang hốc, những đêm đi khuôn vác lương thực dưới làn đạn bay...

Bùi Đăng cùng di cư vào Nam, học cùng khoá Sư Phạm với Y Uyên, cùng dạy học tại Tuy Hoà, cùng trọ chung một nhà, là đôi bạn rất thân của nhau...

TQBT xin trích bài viết này của đôi bạn năm xưa với những ngậm ngùi thương tiếc của những người còn sống đối với anh, Y Uyên. (Hiện BD còn ở Việt Nam). (TQBT)

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 1 năm 1969.

Uy thân,

Một thằng bạn, thằng Cấn ấy, mày nhớ chứ Uy? Chính nó đã vén mùng lôi tao dậy và báo cho tao biết tin cái chết của mày. Nó lặp lại câu nói nhiều lần. Câu đầu tiên làm tao tỉnh hẳn cơn ngủ. Tao ngóc đầu dậy nhìn nó nhưng rồi không hiểu tại sao, ngay sau đó tao lại nằm xuống, uể oải và chậm chạp như một thói quen lười biếng. Tao nhắm mắt, thu hai tay vào trong mền đủ tỉnh táo để nhận ra hơi ấm phủ lên hai cánh tay trần vừa nghe rõ những câu lặp lại cách khoảng của thằng Cấn. Phải mất đến gần một phút, tao mới có được một cảm giác mới, cái cảm giác bàng hoàng của một người khi nhận được hung tin của người thân. Tao ngồi bật dậy như một chiếc lò xo. Hình như tao đã loay hoay thật lâu để kiểm tra đôi dép dưới chân giường. Cấn đem đến cho tao mẫu tin đăng trên báo. Tao đọc đi đọc lại nhiều lần cho tới lúc toàn thân hoàn toàn tê dại, tao buông rơi tờ báo trên giường, ngồi như té vào đồng chăn mền lẫn lộn. Tao hít một hơi dài, người cứng nhắc như một pho tượng. Thật lâu sau đó tao đứng dậy soi gương. Mắt tao đầy nước, chất pomade bôi hồi tối trước khi đi ngủ làm mu mắt bóng nhẫy. Tao đi rửa mặt, đánh răng, mặc quần áo rồi ra đường. Tao trôi đi trên những công việc ấy ngơ ngẩn, lạnh lùng, cho tới lúc chiếc xe jeep tiến sâu vào những con phố đông người, tao mới thật sự thấy lòng chua xót. Mày chết thật rồi đó hả Uy? Tao không ngờ đấy, tại sao mày có thể chết nhanh chóng và ngon lành đến vậy? Chiếc xe rẽ vào bộ chỉ huy Quân Đoàn. Tao phải trình diện ở đây mỗi ngày trước khi lên đường đến nhiệm sở

cố định. Một vài đứa bạn cười với tao từ xa. Rồi thì là điểm danh, rồi những câu chuyện vãn, rồi những cái bắt tay... và thế là xong! Tao đi như chạy khỏi tiếng ồn ào sau lưng. Tao cần được ở một mình, được yên tĩnh để gặm nhấm những ý nghĩ về mày. Tao thấy mình có lý để uống một chút la-de cho say, say đến như người để rồi một giấc ngủ nữa. Tao chọn một cái quán vắng. Tao ngồi ngửa người trên thành ghế thấp, hai chân duỗi dài. Để đưa chất rượu, tao kêu một đĩa củ kiệu tôm khô, một món nhắm đơn giản mà tụi mình vẫn thích. Đối diện, phía mé tường bên kia có hai gã đàn ông ngồi nhấm nháp những ly cà phê nóng, đầu cúi vào nhau. Thùng nhạc chạy bản Hòn Vọng Phu của Lê Thương, giọng hát ấm áp và nồng nàn. Đó trong cảnh đó tao uống đến tê môi để nhớ đến mày, để khơi lên cơn đau đốn trong người. Những kỷ niệm về mày ùa về như sóng, tao ngập lặn trong đó để nhớ mày xót xa. Không gian tràn ngập mày và hình như ngay cả trong ngụm la-de tao uống cũng có gì dính líu đến mày, đến ngày xưa tụi mình đã sống.

Có một lúc mắt tao nhoà đi, tao giơ tay chùi lên mi mắt, nhưng phải, mắt tao ráo hoảnh. Tao không khóc? Đúng! Tao biết là sẽ chẳng bao giờ tao nhỏ được một giọt lệ cho mày, không một giọt nào cả, nhưng tao tin là mày hiểu được và chẳng bao giờ áy náy về một chuyện con con như vậy. Tao chợt nhớ tới thằng Diễm và tự hỏi giờ này trong cái khoảng núi rừng của nó, nó có biết mày đã vĩnh viễn xa cách nó và tao? Nhưng thế nào rồi nó cũng phải biết. Chắc nó sẽ khóc nức nở như một đứa trẻ tựa ngày nào nó đã khóc tao (*). Tao thêm có nó bên cạnh để giữa cơn đau đốn tao thấy mình đỡ cô đơn. Tao sẽ vỗ

về nó, sẽ cười, sẽ nói một câu khôi hài; tao sẽ kéo cho đầu nó dựa vào ngực tao, vừa vuốt ve bờ vai nó vừa nghe ngao những câu hát không có đầu đuôi. Trong lúc hát, thì bên cạnh tao, trước mặt, sau lưng tao trong tận cùng ý thức của tao vẫn ngân lên điệp khúc buồn thảm. “Thế là hết! Hết hẳn rồi!”.

Phải! Uy ơi! Hết hẳn rồi! Không còn nghi ngờ gì nữa, tao thật sự mất mảy rồi. Không còn khoảng cách nào xa xôi hơn khoảng cách tụi mình đương có. Bây giờ, tao đương ngồi đây, một mình trước chai la-de để lắng nghe cái điệp khúc buồn thảm đó gõ lên những nốt buồn. Uy ơi! Lòng tao đương đau như cắt. Có cái gì đó đưa lên ngang cổ, nghẽn lại rồi lại trào lên, trào lên nữa. Mắt tao tối lại và tao cảm thấy những thớ thịt trên mặt mình run rẩy. Vậy mà tao không khóc, không chút nước mắt nào ứa được trên mi.

Thật hết rồi! Làm sao mình có thể sống lại những ngày đã sống. Làm sao còn có được những đêm trăng mờ, trải chiếu trên bờ hè nằm nghe nhạc Phạm Duy, nghe tiếng chim kêu trên tàu dừa, trông trăng xao xuyến trên những tàu lá chuối? Làm sao còn có được những đêm khuya khoắt, khoắt áo mưa sấn quần lội nước để thưởng thức những đĩa bánh bèo? Xa mảy, xa Tuy Hoà tao mất đi nhiều thói quen trong cuộc sống. Bây giờ mất mảy, tao như người giữa biển mất luôn cái phao để từ ở đó dùng làm điểm tựa ngóng vào bờ. Đã đôi lần, ở một xóm nào đó trong Sài Gòn, tụi mình ngồi chuyện gẫu nhớ lại dĩ vãng và cùng công nhận những ngày ở Tuy Hoà là ngày sống thần tiên. Tuy Hoà với con đường ra biển thẳng tắp hai hàng dương, với Ngả Năm mà mỗi chiều tiếng haut-parleur rè rè lải nhải các mẫu tin. Tuy Hoà với những

quả chuối nủn, những miếng thịt bò dai, những cái bàn đầy ruồi và nồng mùi nước mắm của tiệm My Châu Thành. Tuy Hoà với những lời xôn xao về giá cả, tiền nong và tin chiến sự từ các vùng lân cận. Tuy Hoà với những tiếng đại bác làm rung cả mái nhà mỗi đêm, với ánh đèn pin lấp loáng và tiếng gót giầy khua nặng nhọc trên các lối đi. Tuy Hoà với lũ học trò ốm yếu, nghèo nàn sống như loài chuột đồng mà tội mình muốn ấp ủ trọn trong tay. Tuy Hoà! Nhiều quá! Làm sao kể hết được hử Uy? Ngày ra trường, mày vội vã trở lại thăm Tuy Hoà trước khi đi đơn vị. Mày muốn tìm lại ở cảnh cũ dư âm những ngày đã sống và mày đã thất vọng. Tao biết vậy vì thằng Diễm đã viết cho tao. Nó nói là từ trên xe jeep nhảy xuống, nó thả bộ lãng quăng khắp chỗ để cuối cùng có cảm tưởng như rơi vào một bãi tha ma và nó ngậm ngùi muốn khóc. Nó năn nỉ tao đừng trở lại Tuy Hoà, chẳng bao giờ tìm được thanh gươm đã mất ở chỗ đánh dấu của mạn thuyền.

Tuy vậy, rồi tao, cả tao nữa Uy ơi, tao biết là một ngày nào đó tao sẽ trở lại Tuy Hoà. Tao sẽ đi đủ hai mươi mốt nhịp cầu để ngắm dòng sông cạn và những bãi cỏ lác đác hoa vàng hai bên triền cát. Tao sẽ thức dậy sớm để ngắm những tia nắng loé đầu tiên trong các cụm mây đầu núi phía xa. Tao sẽ đi thông thả một buổi chiều trong các con đường đất để hít vào đầy phổi mùi thơm của ruộng lúa mới lên đồng. Tao sẽ đi ngược con đường Trần Hưng Đạo một giờ tan học để ngắm những tà áo trắng, những mớ tóc thề óng ả chấm xuống vai. Tao sẽ khoác một manh áo ấm ra quán Thăng Long ngồi đón những cơn gió lạnh và nhìn những sợi guốc trên đĩa bánh cuốn bay đi. Và nếu đường không bị cấm, tao sẽ ra biển một

đêm như đêm nào đó ngày xưa lúc trời mưa bão, tao với mày đội áo mưa, cong lưng leo qua con dốc để ngăn người đứng ngắm những bức tường đen lừng lừng đổ vào bờ. Đêm đó tao đã ngược mắt đón những giọt mưa tạt vào da mặt và cố nghĩ mình cũng có một khoảng bao la trong người. Rồi tụi mình về, đi như chạy khỏi tiếng gió gào và cánh hải hùng của biển. Tao sẽ trở về Tuy Hoà. Tao sẽ đi tìm và làm lại những giờ phút ấy, dẫu tao biết rằng có thể sẽ không lên cơn sốt sau khi đi biển, cũng không có mày để nói trong cơn gió rít: “mình chẳng là gì cả”.

Uy ơi! Tao sẽ gắng sống lại những giờ đã sống, dẫu cho đôi mắt Minh không còn đẹp, đôi môi Trâm không còn cong và những vũng nước mắt mèo từ trên cao nhìn xuống không còn xanh nữa. Rồi tao cũng sẽ thất vọng như mày, cũng ngậm ngùi muốn khóc như Diễm, nhưng cần gì, tao chỉ muốn biết được ít ra trong dĩ vãng tao đã có mày. Mày và cá tính của mày đã tạo ra ở tao một số thói quen. Mày đã dự vào cuộc sống của tao như một thứ nhu cầu thoải mái và cần thiết. Mỗi lần nghĩ đến mày, tao lại thấy thơ thới như khi nghĩ đến một giòng nước trong, thanh khiết từ hốc núi tuôn ra, như khi nghĩ đến một buổi chiều êm ả có gió nhẹ và nắng dịu dàng. Không còn mày, tao chợt thấy mình vô vị và thiếu thốn. Ly cà phê tao uống không còn đậm, diều thuốc lá sẽ mất mùi thơm và những đêm trăng không còn huyền diệu nữa. Mày cần cho tao là thế, vậy mà mày chết. Tao đã đón tin mày khi chưa kịp mở mắt nhận buổi bình minh. Và bây giờ ngồi đây, tao uống một mình đến tê môi, nặng mắt. Rồi, tao trở về, bước loạng choạng trên vỉa hè của một thành phố lạ. Có một lúc, tao thèm khát được

đắm vào mặt tất cả những kẻ đi đường. Đừng cho tao là say, tao chỉ hơi chuyếch choáng; tao còn đủ tỉnh để nhận ra cái thân hình đồ sộ, cái mũi bóng như quả nhót của một thằng Mỹ đang ôm súng lừ lừ nhìn tao sau những mắt kính gai, tao còn nhận ra mái tóc rối và bộ mặt xanh mướt của một người lính Việt ngồi vắt vẻo trên mũi chiếc xe tăng chạy ngược chiều, tao còn giơ tay gạt những ngón tay cong cong khô bản của một tên ăn mày nào đó xòe ra trước mặt.

Uy thân,

Bây giờ, tao có đủ bình tĩnh viết nốt lá thư cho mày. Tối qua, lúc leo lên giường nằm ngủ, lúc nửa người nằm gọn trong chăn, tao đã không ngừng nghĩ đến mày và ôn lại những kỷ niệm về mày. Có một lúc tao định gọi mày vì cứ ngỡ mày đang quanh quất ở đâu đó rất gần tao. Rồi tao tự hỏi mày đã chết thế nào? Trong trường hợp nào? Mẩu tin đăng trên báo quá ngắn không cho tao biết gì hơn. Tao vẽ ra trong trí một cái chết. Tao hình dung đến cái đồn Nora mày đóng với tất cả vẻ đìu hiu của nó, có những bãi cỏ xanh, có một con sông nhỏ và những cánh rừng phía xa. Mày đã sống ở đó như mày đã viết: *“tự giam mình vào một nơi yên ổn để vừa ngắm cảnh, vừa có thể làm những việc riêng cho mình”*. Trong những lá thư gần đây tao đọc được sự thanh thản của mày. Phổi căng phồng gió núi, mày khởi viết một cuốn chuyện đầy cỏ xanh, chim chóc và những bà già? Tao không hiểu mày định viết gì nhưng tao biết là mày rất sung sướng và say mê với những suy tưởng của mình đến nỗi quên khuấy mất là giữa cái yên ổn nơi mày đang sống đã ngầm mang những bất trắc. Và rồi, bãi cỏ xanh chung quanh đồn, một đêm tối trời nào đó đã đầy đặc những đốm lửa

và những câu reo hò? Và mày chết nhanh chóng, vội vàng với những mặc cảm yên ổn đặc sệt trong đầu. Tao không hiểu khi lâm trận mày đã chiến đấu thế nào? Mai kia, báo chí sẽ nói rõ. Nhưng chắc họ sẽ không quên vẽ rồng, vẽ rắn cho cái chết của mày. Họ cũng không quên nói đến cái sâu sắc, thâm trầm của những câu chuyện mày đã viết. Cuối cùng họ sẽ đau đớn, và luyến tiếc cho mày. Mà không chừng họ đau đớn thiệt tình nữa. Đã vậy thì tất cái chết của mày đẹp lắm. Thân thể của mày trải được quãng đường dài đi đến hoà bình, hay ít nhất cái chết của mày cũng là một tiếng kêu hùng hồn nhất, bi thiết nhất đánh thức mọi người nghĩ đến tiền đồ dân tộc.

Uy ơi!

Hãy tha lỗi cho tao nếu thật tình những ý nghĩ của tao về mày là quấy. Tao chẳng nhìn thấy một vẻ đẹp nào trong cái chết của mày. Tao chỉ thấy nó ngớ ngẩn và bi thảm. Giữa cái chết của mày và cái việc viên đạn vô tình nào đó bay đi xoáy ngập thân thể mày cũng na ná như nhau, vẫn chỉ là ngớ ngẩn và bi thảm. Là bạn thân, tao hiểu được những gì mày nghĩ và cảm được những gì mày cảm thấy. Bản tâm mày chan chứa nhân từ, con người mày dễ xúc động dầu mày đã cố gắng che đậy nó bằng cái vỏ ngoài trầm tĩnh và bình thản. Lòng nhân hậu đó đã thúc đẩy mày có những cái nhìn khác lạ về chiến tranh mà đáng ra mày không nên có khi muốn khẩu súng trong tay mày trở nên giá trị.

Uy thân! Làm sao mày có thể chiến đấu hăng say như những đồng đội dũng cảm của mày khi ngón tay mày vừa siết mạnh cò súng vừa sợ rằng sáng mai khi mặt trời ló dạng sẽ phải trông thấy những vấy máu vương trên mặt cỏ, những khuôn mặt còn nguyên vẹn vẻ thơ ngây gục

chết bên bờ rào kẽm gai. Mày sẽ đau đớn ngần nào khi đứng trước xác những tên địch nhỏ bé như vừa qua cái tuổi chơi diều, chơi đố. Không chừng mày lại cầu nguyện cho tất cả những viên đạn mày bắn đêm qua lạc lên trời tất cả. Không chừng mày sẽ nguyện rửa Thượng Đế đã xô mày vào cái vị trí mà ở đó mày phải chống cộng sản bằng một cách hạ sách nhất là giết người cộng sản. Và nếu mày còn có những ý tưởng đó trong đầu, thì mày chỉ có thể chiến đấu như hai khẩu súng, một khẩu mày cầm trên tay, khẩu thứ hai là mày, một khẩu ít hoàn hảo nhất. Nhưng mày lại chết! Mày có oán hận gì không? Mày có tiếc những giọt máu mày đã đổ xuống để nuôi ít ngọn cỏ hoang đó không?

Uy thân mến của tao,

Tao muốn viết nhiều, Viết tràng giang đại hải để nói lên những điều u uẩn của mày, nhưng tao chợt nhận ra những điều tao vừa viết lại rơi vào chỗ ngõ ngẩn. Người ta đã tốn mực để nói lên mọi vẻ của cuộc chiến tranh này. Mày cũng không phải không biết gì về điều đó. Vậy tao viết làm gì nữa nhỉ. Tốt hơn hết là để mày nằm yên. Hội nghị Ba Lê đang nhóm họp. Người ta đang bàn cãi sôi nổi về hình thể của cái bàn để phân định những nguyên tắc căn bản cho cuộc hoà đàm. Chắc thế nào rồi cũng có hoà bình dù sớm hay muộn, dù cái bàn tròn hay méo và cũng chắc ngay bây giờ người ta đã cẩn thận sửa soạn cho một lần nội chiến khác. Nhưng, những điều đó đâu ăn thua gì! Minh, bạn bè mình và những người dân quê rằng đó bã trầu kia dính líu gì vào chuyện đó. Vậy mày hãy ngủ đi. Uy, ngủ cho yên giấc. Tao chỉ tiếc cho mày khi sống đã không tìm được một người yêu như mày vẫn muốn, một người yêu đơn giản và chân thành để

mày có được chút tình an ủi trên bước cô đơn. Tao ân hận không có mặt bên mày phút cuối và cũng chẳng có được giọng hát trong để thay những người con gái hát những lời hát của Trịnh Công Sơn: “... Tôi có người yêu chết trận Nora, chết thật tình cờ, chết thật bất ngờ... không hận thù nằm chết như mơ”. Điềm tháng trước có viết cho tao một câu hơi cải lương nhưng đầy nhiệt tình: “*Oi! Những bạn bè yêu dấu của tao, chúng mày đều là thiên thần ráo trời !*”.

Uy ơi! Với tao, với nó mày đã thành thiên thần rồi đó. Mày đẹp diễm ảo và xa vời. Mày hãy thắp cánh bay đi khắp dải đất nước này kêu lên những tiếng tuyệt vời để cho đứa trẻ có thể nằm mơ cười trong giấc ngủ, để cho người vợ còn biết nhìn ra song cửa ngóng chồng mỗi bữa ăn. Còn tao, tao tự hứa là nếu không chết vội, tao sẽ trở lại Tuy Hoà để nhấm nháp những cánh hoa hồng trong sân bà má và để thay mày một buổi sáng mùa đông, gỡ những sợi tóc rối của Nhung, của Đào dính vào răng lược

□

Bạn mày

(Trích Bách Khoa TĐ số CCCLXLII)

(*)Vũ Viết Điềm (là bạn cùng khoá SP với Y Uyên và Bùi Đăng, ra trường cùng về dạy học tại Tuy Hoà, trọ cùng nhà rồi nhập ngũ) khóc Bùi Đăng, khi anh bị VC bắt lúc đang đứng trên bục giảng tại trường Tiểu Học Hoà Vinh, cách Tuy Hoà về phía Nam, trên QLI, 10km.. Bùi Đăng bị giam giữ trên một khu đến hơn nửa năm sau mới được thả, do anh bị nhiễm nhiều căn bệnh, hiểm nghèo ! (TQBT)

TRẦN THỊ UYÊN NGỌC

Bài viết của chị Trần Thị Uyên Ngọc, người yêu của nhà văn Y Uyên. Chị Uyên Ngọc là cô giáo. Tốt nghiệp SP/QN. Bài viết của chị là những dấu hỏi đau xé lòng của hàng trăm ngàn thiếu nữ trong giai đoạn lịch sử khốc liệt nhất của đất nước. Tiếng kêu bi thương ấy, chúng tôi đã sao lục được, trên tập san VĂN số đặc biệt Thương Nhớ Y Uyên (số 129. Phát hành ngày 1-5-1969) và xin trích nguyên văn gửi đến quý độc giả TQBT để cùng chia sẻ với những đau thương, những chịu đựng quá mức của các thiếu phụ trong thời chiến tranh Việt Nam. (TQBT)

THƯ GỬI NGƯỜI ĐÃ CHẾT

(...Người ta độc ác. Thượng đế bất công, cướp cả tình thương. Tâm tư em kêu gào quặn quại giữa tiếng nấc, thân thể em tê dại như viên đạn xoáy vào ruột gan anh để cho anh tắt thở, giây phút cuối cùng không có ai, không có em, chỉ có những bộ mặt quái ác, sát nhân, đang muốn ăn thịt, xé cho được cái thân thể thân yêu đó...).

Tuy Hoà, ngày 22-3-1969

Anh Uy của em,

Vẫn ngồi lại đây với bộ óc mênh mông suy nghĩ. Anh đi rồi sao Uy? Như thói quen không nhớ không được, thân xác anh bây giờ sắp rã trong lòng đất, thật thế rồi phải không Uy? Anh đành bỏ em lại sao?. Hay anh du hành ở một tinh cầu nào khác như em gái anh đã nói, phải rồi, cô ấy an ủi vậy thôi chứ làm gì có chuyện đó.

Cô đơn và hụt hẫng trong thương nhớ, em làm sao có nghị lực, mất anh rồi còn ai mà nói chuyện, bất nạt mỗi khi em có ý nghĩ quấy, hình hài anh đâu để mà gần em cho em nũng nịu. Con đường của chúng mình còn đó mang đầy kỷ niệm của hai đứa đi bên nhau, anh nói bô bô, em cười phụ họa. Anh kể chuyện vui, em lắng nghe, nghe thế giới chỉ có hai đứa mình; chân bước chậm, những ngọn gió nhẹ thổi qua như mơn trớn, đường vắng thưa người thỉnh thoảng vài chiếc xe lính chạy ngang qua mang theo sau đám bụi mờ, em vẫn mang trong mình chiếc áo len đỏ, rộng thùng thình, anh co người trong chiếc áo ấm “măng tô” chân mang đôi dép lẹp xẹp, nghịch ngợm đá những chiếc lon nhỏ lăn trên mặt đường. Em ngô nghê hát nhỏ: “Những đêm trời trăng lên tròn tròn... Gió đưa ngàn cây lên xào xạc...”. Anh cười tíu má nói, nghe tình cảm hơn những bài ca thường hát. Hai đứa ghé vào quán nước đầy bóng mát gần chợ, em do dự, vào mắc cỡ quá, anh nhăn mặt bực mình, uống hớp nước nhìn anh trêu mếu: “nom tóc anh bờm xờm”, anh tiếp lời, “em anh giống liêu trai” .

Căn nhà mang số 45 đường Phan Đình Phùng hôm anh về phép nôn nao tìm đến giữa đám bạn gái luôn luôn trêu chọc, em hiện ra trước mặt anh, chúng mình nhìn nhau sau thời gian xa cách, bây giờ sung sướng và thiêng liêng sao ấy.

Em như bàng hoàng, sự hiện diện đột ngột không đưa đón, còn gì cảm động bằng, chúng mình như trút hết bao nỗi nhớ thương trong ánh mắt, em bỗng nhiên mất cỡ vì ý nghĩ gặp người yêu sẽ nói được nhiều để kể lể công thương nhớ. Anh rõ ràng trước mặt: “sao gầy thế”, giọng hỏi đầy lo lắng, không trả lời em đang quan sát anh đây

mà anh không biết, nè, mái tóc của anh ngắn trông lạ quá, lính tráng làm da anh đen thêm, làm cho gương mặt mang vẻ mạnh, mà sao anh không mặc áo quần của lính mới cho em “chiêm ngưỡng”, anh dễ ghét quá, hai đứa nhắc lại cho nhau những kỷ niệm trong thư, anh bảo, anh không kể chuyện lính cho em nghe để chứng tỏ tình yêu phong phú, ba ngày phép của anh nhưng đua nhau chạy làm cho mình bàng hoàng phải xa nhau. Anh đổi về Phan Thiết. Nỗi nhớ thương như tỉ lệ với thời gian. Anh đi rồi, em lủi thủi một mình với thành phố nhỏ với những lá thư kể nỗi nhớ thương. Em than buồn, anh gửi cho em người bạn thân trông coi, em mắc cỡ quá, anh làm như em quá bé nhỏ. Anh Điềm cười chửi mình đó. Lỡ anh Điềm tha em đi sao? Tình yêu của anh là tình yêu thiên thần, là lòng tin tuyệt đối. Anh sợ em buồn vì vắng anh. Anh bảo: “Em ngơ ngác như con ngựa tía, phải giữ mình nghe cô, khôn lên chút ít để cho anh yên lòng”. Đường đường một đấng cô giáo, hét ra lửa, tụi học trò phát sợ anh không biết sao? Anh chưa thấy cái vẻ oai của em đó.

Những chiều tan học, con đường đầy nắng nhạt và mát chạy dài từ trường Bình Tịnh trở vào ngã Năm mang đầy bước chân em, lòng nặng trĩu suy tư. Những buổi chiều thường buồn, em thả bước trên những con đường dài nhìn người qua đường miễn cưỡng, em đang sống với ý nghĩ cho anh, cho em, cho chúng mình, tình yêu của chúng mình đẹp quá, gần em anh thường chọc quê em đó, xa cách, anh lại lo lắng hỏi han cho sức khỏe, những hội ngộ, những xa cách, những hứa hẹn tô điểm cho tình yêu của chúng mình. Không có anh, những buổi trưa nắng rảnh rỗi, em treo cây trứng cá, leo trèo là cái vốn sẵn có từ nhỏ để bây giờ bị anh trêu là em “cao nhất”. Anh lại

có ý nghĩ rất ham, rất người lớn: “ Tại sao em không có một đứa con với anh để bồng bế cho bớt cô đơn khi vắng anh”. Em đỏ mặt, anh khỉ quá, coi chừng với anh đó nghe không? Nghèo mà ham. Con đường kỷ niệm được kéo dài thêm từ đường Lê Lợi đến nhà ga xuống Nguyễn Huệ rồi qua Trần Hưng Đạo, nhà sách Tân Tiến nơi hò hẹn đón đưa vào những buổi trưa trời nắng, đúng 2 giờ 30 em nhé, đáng anh cao cao tiến về phía em, miệng mỉm cười mang đầy vẻ thương yêu. Hai đứa lại đi bên nhau trên những mặt đường soi rõ hai chiếc bóng dài. Chiếc xe lam với vạt áo lụa dài theo gió vương qua phía chân anh khi chúng mình cùng đi một chuyến. Ngồi đối diện với khuôn mặt lầm lì, kiểu cách, yên lặng nhìn đi nơi khác, những ngón tay vàng đậm vì khói thuốc. Vườn hoa Diên Hồng, nơi chúng mình chia tay, anh vẫn còn vẻ dửng dăng không chịu bước để đợi cho em quay mình, đi trước. Hôm anh về phép hai đứa bịn rịn chưa muốn rời nhau, lần tiễn đưa đó không ngờ là lần tiễn đưa cuối cùng để không bao giờ em được tiễn đưa anh nữa.

Anh Uy, em đau lòng quá, viên đạn vô tình cướp mất anh, tàn nhẫn quá con người sao không có lương tri nữa hãm hại lẫn nhau, tranh giành quyền lợi nghe nó buồn thảm như cái chết của anh. Bạn bè anh không muốn kể cho em nghe cái chết đó, em có đủ can đảm mà anh, em sẽ chấp nhận cho nó lọt vào tai, vào tâm tư, vào thơ thịch...

Mất anh rồi thiệt không Uy? Hay chỉ là một giấc mơ tầm thường để khi tỉnh dậy anh vẫn còn đó, chúng mình đang còn ở trên thế gian này. Anh biết không, em đang cô đơn và đang sụp lặn trong nỗi cô đơn hãi hùng.

Nhận được điện tín do anh Học đánh về, em bật cười với

ý nghĩ sao anh nghịch ngợm quá, muốn người ta lên Phan Thiết chơi thì cứ nói thẳng đi, rõ bày chuyện. Hàng ngày anh vẫn mong em lên trên đó. Anh tham lam lắm, ghét anh ghê, thôi kệ, cho điện tín vào hộp và tiếp tục đi may áo với một cô bạn. Nhưng sao ý nghĩ về anh bắt đầu gặm nhấm. Gặp anh Mang Viên Long trên hè phố, em trình bày điện tín và cười, anh Long tư lự: “tôi có nghe đài nói hình như có trận đánh ở Phan Thiết vừa rồi, tôi lo cho thằng Uy quá”. Thật không anh Long? Em đi như chạy. Về đến nhà, thật thế không Uy? Người em bỗng có cảm giác khác lạ, cái gì dâng tận cổ... Sắp trào ra... Mắt em ráo hoảnh, không, em không tin. Tờ nhật báo nằm trước mặt với mục phân ưu. Thực không Uy? Anh đã chết rồi sao? Anh vừa mới về thăm em với gương mặt gầy gầy, dáng cao cao, mái tóc ngắn, giọng nói quen thuộc như còn ở bên tai... Em ngơ ngác bên đám học trò và bè bạn thân thuộc.

Anh vĩnh viễn xa em rồi. Thân xác anh nằm trong lòng đất. Đời sao phi lý, anh vừa đang nói chuyện với em, thư anh gửi còn đó, lá thư gửi hôm 1-1 với những câu nói vu vơ giận hờn, với mục hứa hẹn anh sẽ về, sẽ về Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị, sẽ về với em trong ngày Tết.

Người ta độc ác. Thượng đế bất công, cướp cả tình thương. Tâm tư em kêu gào quặn quại giữa tiếng nấc, thân thể em tê dại như viên đạn xoáy vào ruột gan anh để cho anh tắt thở, giây phút cuối cùng không có ai, không có em, chỉ có những bộ mặt quái ác, sát nhân, đang muốn ăn thịt, xé cho được cái thân thể thân yêu đó. Nâng niu tấm thẻ bài mang tên NGUYỄN VĂN UY có một cái gì cứ ăm ức dâng lên, mắt mờ dần, nhìn loại máu A Rh+. Còn gì nữa? Anh chết đi, thế là hết. Anh

Uy, anh chết đi để lại cho em chừng ấy sao? Thân xác anh nằm ở lòng đất, cho em cô độc, cho em đang ở biên giới của một tình yêu mờ ảo không có lối đi. Anh xa em rồi, xa không khoảng cách. Em muốn hình hài mình tan biến để hoà mình vào thế giới hư vô.

MANG VIÊN LONG

“...Sau 75, một đêm ông cụ nằm mơ thấy Uy trở về bảo hãy mang anh về nhà, anh đang bị lạnh lẽo, buồn bã. Sáng ra ông cụ nói chuyện với cả nhà, vì lâu nay ông cụ ít khi thấy lại Uy... Đêm sau cũng lại thấy anh về... Chiều hôm ấy một người bạn quen với Uy lúc xưa đến báo cho gia đình biết, trong lúc dắt xe đi bán “giò chéo quẩy”, tạt qua trụ sở công an phường, thì thấy bức tượng đồng Y Uyên đang “nằm” ở đó...”

THĂM LẠI GIA ĐÌNH Y UYÊN SAU 15 NĂM

Nhà văn Y Uyên mất ngày 8-1-1969 tại Nora, Phan Thiết. Sau đó ít lâu, anh em thân hữu ở Tuy Hoà, nơi Y Uyên đã sống và dạy học nhiều năm, cùng quý thân hữu trong cả nước, làm cho gia đình anh một bức tượng đồng bán thân, để kỷ niệm nhân ngày giỗ đầu của anh.

Khi hiểu được tấm lòng của anh em, và cũng xuất phát từ lòng yêu mến tài năng của Y Uyên – điêu khắc gia Đỗ Toàn – lúc ấy đang sống ở Qui Nhơn – rất nhiệt tình nhận lời tôi. Thế là công việc được tiến hành: Tôi liên

hệ với chị Nguyễn Thị Tẩu, chị ruột thân quý nhất của Y Uyên lúc sinh thời để xin ảnh chụp từ nhiều năm, nhiều kiểu khác nhau của Y Uyên cho anh Đỗ Toàn làm phác thảo.

Bức tượng đồng bán thân cao lớn bằng người thật, nặng khoảng 50kg đã được hoàn thành đúng hẹn. Tôi về Qui Nhơn mang tượng vào Tuy Hòa, chờ dịp chở vào Sài Gòn... Tôi đặt tượng Y Uyên trong phòng trọ của tôi mấy hôm. Đêm thứ hai, tôi ngủ mơ bỗng thấy Y Uyên về, cười nói, chuyện trò như ngày nào. Tuy vậy, trông nét mặt và dáng vẻ, có đượm nét buồn. Đêm thứ ba, gặp lại Y Uyên. Tôi hơi lo. Và cũng hơi sợ (!), vì tôi sống riêng một mình trong căn phòng vắng vẻ nằm sâu trong một con hẻm. Tôi mua một thước vải vuông màu đỏ, phủ lên bức tượng...(…)

Tượng được gửi xe tải chở vào Sài Gòn. Đến nơi tôi liên hệ với Phan Việt Thủy để có thể chở tượng về Xóm Mới – Gò Vấp; nơi gia đình Y Uyên đang sống. Ở Sài Gòn, tình cờ tôi gặp một văn hữu, ông ấy đề nghị sẽ lo tổ chức buổi tưởng niệm, và sẽ lo việc xây bệ đặt tượng ở nghĩa trang Gò Vấp...

Tôi và “Y Uyên” ngồi trên chiếc Vespa của Phan Việt Thủy đến nhà của anh. Ông bà cụ thân sinh của Y Uyên rất hoan hỉ nhận “món quà đặc biệt này”, và nói trong nước mắt: “Gia đình chúng tôi xin cảm ơn tấm lòng của quý anh em đã tưởng nhớ đến em nó...” Tôi đem ý kiến của ông bạn văn nọ trao đổi với gia đình. Thay mặt gia đình, chị Tẩu trả lời là gia đình sẽ xem ngày, tự lo lấy

được, không dám làm phiền anh em nhiều. Tôi ngẫm hiểu ý chị – không muốn có hình thức rườm rà. Nên gói gọn trong tình thân gia đình.

Từ dạo ấy, cho đến năm 1984, gần 15 năm sau tôi mới có liên lạc với gia đình Y Uyên. Nói đúng hơn, là liên lạc với chú Nguyễn Văn Vương, em trai út của Y Uyên. Vương có dịp đi công tác (chú ấy đang làm cho Cty XNK tân được Cavi Medin của một người anh du học ở Canada trước năm 1975 về nước thành lập) ra Qui Nhơn, lần theo trí nhớ, dò tìm nơi ở của tôi, nhưng không gặp. Chú lại viết thư. Lần này thì tôi may mắn đọc được thư, biết rõ địa chỉ. Thế là tôi tìm dịp vào Sài Gòn, ghé lại Cty tìm chú.

Chúng tôi gặp nhau. Chú Vương nhận ra tôi ngay, còn tôi thì ... không nhớ ra chú hồi còn nhỏ, khi tôi ghé nhà thăm Y Uyên. Thế là chú hăm hở chở tôi về nhà thăm ông bà cụ, gặp lại chị Tẩu, cô Tám, cô Bảy...Xóm Mới ngày ấy cũng khác lạ với Xóm Mới ngày xưa, đến nỗi tôi không còn nhớ ra được một nét nào: khu xóm vắng, thưa thớt, đường đất, nhà lợp tranh và tôn...nay đã được xây dựng khang trang sạch đẹp.

Chị Tẩu giới thiệu tôi với ông bà cụ như nhắc cho ông bà nhớ lại: "Đây là anh bạn của Uy lúc xưa cùng dạy học ở Tuy Hoà!". Ông vui vẻ hỏi chuyện tôi, nhưng dường như sự nhớ lại của ông, khiến bà hơi se thắt, buồn ngủ! Tôi được chị đưa ra phía sau vườn, nơi có ngôi nhà thờ nhỏ, trong đó có bàn thờ dành cho Y Uyên và bức tượng đồng bán thân của Y Uyên ngày nào dựng ở nghĩa trang.

Chú Vương đặt một bàn tay nơi lỗ tai bị cửa đứt của bức tượng, kể cho tôi nghe lại đầu đuôi của câu chuyện, mà chú cho là “rất kỳ lạ”: Sau 75, một đêm ông cụ nằm mơ thấy Uy trở về bảo hãy mang anh về nhà, anh đang bị lạnh lẽo, buồn bã. Sáng ra ông cụ nói chuyện với cả nhà, vì lâu nay ông cụ ít khi thấy lại Uy... Đêm sau cũng lại thấy anh về... Chiều hôm ấy một người bạn quen với Uy lúc xưa đến báo cho gia đình biết, trong lúc dắt xe đi bán “giò chèo quẩy”, tạt qua trụ sở công an phường, thì thấy bức tượng đồng Y Uyên đang “nằm” ở đó.. Anh cho biết, trong buổi đi tuần tra công an đã bắt được một người vác bao tải khả nghi. Kiểm soát bắt gặp tượng đồng, chưa rõ của ai. Kẻ trộm khai đã cửa mất một bên tai để xem thử có phải là đồng thật hay không. Và mờ sáng hôm ấy đã đục bệ để lấy đem đi bán đồng vụn... Được tin, gia đình đến trụ sở công an phường viết giấy báo cáo và xin nhận lại bức tượng mang về đặt bên cạnh bàn thờ của Y Uyên như hôm nay.

Nghe Vương kể Lại, tôi cũng lấy làm “rất lạ”. Và nhớ lại lúc đặt tượng của Y Uyên trong phòng trọ của mình ở Tuy Hoà và trong mấy ngày chờ dịp chở tượng vào Sài Gòn: Uy cũng thường “trở về” ... Nhìn bức tượng đồng bị mất đi một bên tai, tôi rất buồn và có ý nghĩ sẽ nhờ anh Đỗ Toàn (lúc ấy đang sống ở Đà Nẵng) làm lại cho hoàn chỉnh. Nhân dịp này, chị Tẩu cũng có cho tôi biết hoàn cảnh vô cùng khó khăn của gia đình sau ngày Uy mất. Sau 75 nhờ có chú Nhã, chú Hương... về nước giúp xây dựng nhà cửa, chăm lo cho ông bà cụ tươm tất, gia đình cũng khá hơn! Chị không nói tôi cũng có thể biết được,

sau ngày Uy mất, gia đình nghèo, nhiều em nhỏ, chỉ trông cậy vào sự lo toan của chị từ trong ra ngoài...

Tôi được gia đình giữ lại dùng cơm trưa, trò chuyện thân tình như người ruột thịt. Chúng tôi nhắc lại những kỷ niệm cũ lúc Uy mang tôi về nhà, phải bắt gà làm bữa. Về cô T.TN, người tình của Uy, về một số bạn văn, bạn đồng nghiệp... Những nhớ tưởng nào cũng khiến cho tất cả ngậm ngùi thương tiếc cho cuộc đời vắn số, bạc mệnh của Uy.

Thời gian sau này, tôi có dịp “lưu lạc vào Sài Gòn” đều đến thăm ông bà cụ, chị Tẩu, anh Nhã, chú Vượng, cô Bảy... và không quên nhìn lại bức tượng, thấp cho Y Uyên một nén hương. Đứng trước bàn thờ anh, có lúc, tôi lại nghĩ: kéo dài cuộc sống như tôi, là một nỗi khổ! Biết được hoàn cảnh không được thuận duyên của tôi, gia đình đã hết lòng giúp đỡ.

Năm 1988, bà cụ thân sinh Y Uyên mất, tôi không có điều kiện vào Sài Gòn. Các dịp sau này tôi vẫn thường lui tới thăm gia đình Uy như một nơi gần bó thân thiết. Ông cụ thân sinh Uy sau năm 1995 bị bệnh huyết áp cao phải ngồi xe lăn nhưng trông rất khỏe, sáng suốt. Đầu năm 1998, tuy phải nằm trên giường bệnh, nhưng nghe có “bạn của Uy đến thăm” là cụ đòi ngồi dậy, hỏi chuyện. Tháng 10-1998 cụ mất. Dịp này, đầu được tin của chú Vượng, tôi cũng không “đu duyên” để vào tiễn cụ lần cuối. Tôi đành phải gửi điện chia buồn cùng gia đình!

Điều khiến tôi ân hận tiếp theo, là tôi chưa có dịp ra Đà

Nặng để nhờ Đỗ Toàn hoàn chỉnh lại một bên tai của bức tượng đã bị cửa mất, thì anh (Đỗ Toàn) cũng đã vĩnh biệt bạn bè !

Nay, đã ở vào tuổi trên 60, cuộc sống vẫn còn lao đao muộn phiền và cô độc; tôi nghĩ nhớ về Y Uyên như để hoài niệm về thân phận mình, cuộc đời mình. Tất cả rồi cũng chỉ là những áng mây thấp thoáng bên những **“Tượng Đá Sườn Non”** mà thôi!

Có phải vậy không Y Uyên?

Quê nhà, tháng 11-2004

TRẦN HUIỀN ÂN

... Và thật ngạc nhiên thấy tượng của Y Uyên để nơi góc phòng. Anh ta liền hỏi, mấy người Công an cho biết: Cách đây mấy đêm họ đi tuần tra, gần nghĩa trang thấy có người khệ nệ vác một vật nặng... (Nói về Y Uyên)

I.

Y UYÊN, NIỀM TRỐNG VẮNG ĐỂ LẠI

Chiều hôm ấy, như thường lệ, trên đường từ đồn trại về nhà tôi ghé hiệu sách Hùng Cường. Đang lướt qua những hàng chữ 8 cột trên mặt báo thì Lộc –một người

bạn- vỗ vào vai tôi:

-Này! Thăng Uy chết rồi!

Tôi ngắt lời ngay:

-Ai nói?

-Vừa có điện tín của một thằng bạn, và đây...

Lộc đưa cho tôi tờ *Công Luận* hay *Hòa Bình* tôi không nhớ rõ.. Những dòng chữ “*Thương tiếc Y Uyên*” trong một khung đen. Thật tình tôi không muốn tin. Như mấy lần trước, được tin Nguyễn Nho Sa Mạc rồi Vũ Liên Châu mất tôi đã không muốn tin. Nhưng những dòng chữ thương tiếc rành rành ra đó. Và Nguyễn Nho Sa Mạc, Vũ Liên Châu từng thật sự ra đi. Tôi từng sờ sờ tờ báo xuống sập. Từ ngã năm Tuy Hòa về nhà tôi phóng xe nhanh, muốn đâm đầu vào bất cứ người nào, muốn được gây ra một tai nạn. Nhà tôi ở sâu trong ngõ hẻm, cái ngõ hẻm mà mỗi lần Y Uyên đến, nhìn dáng anh trong đó tôi tưởng nó ép chặt anh lại, khiến anh càng thêm gầy guộc. Chưa kịp dựng xe, tôi đã kêu:

-Ông Uy chết rồi!

Cả nhà tôi đổ ra sân, cùng nhận lấy nỗi sững sờ. Bởi Y Uyên không những là một người bạn văn nghệ của tôi, mà đối với cả gia đình tôi anh là chỗ thâm giao.

Năm 1964, sau khi tôi đọc những truyện ngắn đầu của Y Uyên đăng trên *Bách Khoa* không lâu, một hôm tôi được nghe hình như Y Uyên cũng ra dạy ở Tuy Hòa. Dù không biết đích xác, song với nguồn tin đó, tôi đến Ty Tiểu học tìm sự vụ lệnh bổ nhiệm các giáo sinh lớp sư phạm 2 năm Sài Gòn. Và tôi tạm đoán Y Uyên là Nguyễn Văn Uy. Thế rồi chúng tôi quen nhau trong một

buổi họp tại trường Nam Tiểu học Tuy Hòa nhân dịp Phan Việt Thủy đề nghị làm một tờ báo cho giáo chức trong tỉnh.

Những bạn đồng khóa sư phạm của Y Uyên ra Tuy Hòa còn có 3 người nữa là Vũ Quỳnh, Vũ Viết Điềm và Bùi Đăng Khuê. Bốn anh thuê chung căn nhà của một bà cụ ở đường Nguyễn Công Trứ. Quỳnh trở về nhập ngũ sớm. Rồi Điềm. Điềm mãi khóa trở lại Phú Yên ra đơn vị. Khuê chuyển vào Cần Thơ rồi cũng nhập ngũ. Y Uyên vẫn còn ở căn nhà đó. Căn nhà gần như là gia đình thứ hai của Y Uyên, bà cụ chủ nhà thương mến Y Uyên như một người con.

Lúc đầu Y Uyên được phân phối đến dạy tại trường Tiểu học Hòa Thắng, cách Tuy Hòa 5km về phía tây. Năm 1966 anh làm Hiệu trưởng trường Tiểu học Đông Phước, một trường vừa được công lập hóa, cũng trong xã Hòa Thắng, rồi đổi về trường Nam Tiểu học Tuy Hòa. Năm 1967 anh trình diện khóa 26 SQTĐ Thủ Đức, được trả về vì dư tài nguyên, dạy trường Tiểu học Phước Bình quận Hiếu Xương. Tháng 1 năm 1968 anh nhập ngũ khóa 27.

Chúng tôi thường đến chơi với nhau vào những buổi tối. Nếu ở nhà anh trọ, chúng tôi trải chiếu ngoài hiên rộng, nằm hút thuốc, nhìn lên bầu trời cao đầy hỏa châu tận bên kia sông, bên Hiếu Xương, nhìn lên căn gác bên cạnh có một ngọn đèn luôn luôn thấp sáng bên cửa sổ. Phía ngoài sân gạch là những chậu hoa hường. Không biết có phải là những hoa hường Y Uyên nói đến trong di cảo *Cao nhất* ? Nếu đến nhà tôi Y Uyên thích nằm vông đưa kéo kẹt. Chiếc vông đó anh đã cho một nhân vật trong *Chiếc cối xay dưới đồng bằng* nằm “cho đỡ tức ngực”.

Y Uyên thích hoạt động. Anh tham gia các trại công tác, các cuộc cứu trợ. Một lần trại...những sinh hoạt khổ khổ của dân quê, những đứa bé lượm từng hạt gạo vương vãi, những lễ lối phát tặng phẩm ...đã được anh ghi lại trong truyện *Người đã lên tàu*.

Phần lớn quãng đời viết văn của Y Uyên sống ở Phú Yên. Vì thế, truyện của anh tuy không hề mang một địa danh nào ở Phú Yên, người Phú Yên đọc bao giờ cũng thấy gần gũi bên mình. Bởi khung cảnh đó là khung cảnh Phú Yên, nhân vật đó là nhân vật quen thuộc ở Phú Yên. Như chiếc cầu và anh dân vệ trong *Tiếng hát của người gác cầu*, như thằng bé trong *Miền không vết chân người*...Và cái chợ xép trong *Bão khô* đều không thể lẫn lẫn với cái chợ nào khác. Sau khi đọc *Bão khô* mỗi buổi trưa đi qua con đường này tự nhiên tôi thấy rờn rợn khi nghĩ đến người đàn bà điên đi tìm chồng, đến hai ông khách lạ đi truyền giảng sấm, đến những hình phạt của đất trời.

Y Uyên nói chuyện rất rành mạch, rất có duyên, dễ dàng cuốn hút bạn bè. Anh thường dùng hai tiếng “*buồn cười*”. Một lần Y Uyên đưa tôi xem lá thư của ông Trần Phong Giao giục anh gửi bài số *Văn* mùa hè. Trong thư, ông Trần Phong Giao có bảo nếu số *Văn* đó mà không có bài của Y Uyên thì sự nghiệp văn chương của anh coi như chấm dứt. Y Uyên hỏi tôi: Trần Phong Giao nói thật hay đùa? Nếu thật thì, tại sao “*sự nghiệp văn chương*” của anh phải chấm dứt? Tại sao Trần Phong Giao dọa thế? Y Uyên kết luận bằng hai tiếng “*buồn cười*”. Hai tiếng ấy Lê Tất Điều có nhắc lại trong bài *Tưởng niệm Y Uyên* trên *Bách Khoa*.

Những lúc hứng chí, Y Uyên cũng ngêu ngao ngâm vài

câu thơ, tuy giọng Y Uyên phá đổ hết mọi nghệ thuật diễn ngâm. Một trong những bài Y Uyên thích là bài *Vô căn* của Quang Hoài, có câu :

Con chim lạ khởi bình đao.

Gợi từ ý đó Y Uyên lấy nhan cho truyện *Bóng chim lạ*. Cũng như khi chọn nhan cho truyện dài *Ngựa tía* Y Uyên cứ nhắc đi nhắc lại mãi câu ca dao:

Con ngựa tía ăn quanh Đèo Cả

Vàng nguyệt đêm rằm bóng ngã về đông

Câu này Y Uyên không thuộc trọn, tôi cũng không thuộc trọn. Mùa hè 1967 tôi vào Sài Gòn với Y Uyên, ghé lại nhà anh ở Xóm Mới Gò Vấp. Nửa khuya, Y Uyên chợt nhớ đến Miên, một bạn “khảo cổ” của chúng tôi mới nhập khóa 25, Y Uyên thức tôi dậy. Và hôm sau, chiều thứ bảy, tôi phải vào Thủ Đức hỏi Miên.

Đối với gia đình tôi, Y Uyên thường đòi được ăn. Những bữa ăn đối với anh không cần thịnh soạn, không cần nhiều, mà cần vui, cần không khí quây quần. Gia đình tôi thường chiều Y Uyên về điểm này. Mỗi lần anh đòi là được ngay. Nhưng thường không bằng lòng Y Uyên ở chỗ anh hay đánh bạc. Nhiều đêm anh thức thâu sáng, gây rạc hẳn đi. Tôi có ngờ ý với Y Uyên, anh hứa không đánh bạc nữa, nhưng rồi lời hứa ấy anh không giữ được. Cũng có khi anh đánh được, đem tiền đến gởi cho vợ tôi, để rồi vài hôm sau đến lấy dần, lấy dần và có thể lấy hết ngay. Dịp tôi ghé nhà Y Uyên bà cụ anh phàn nàn chuyện anh không chịu lập gia đình và hỏi tôi về nếp sống Y Uyên ở Tuy Hòa rằng :”*nghe đâu thằng Uy nó bài bạc dữ lắm*”. Tôi trả lời quanh co với bà cụ vì tôi không dám nói thật, mà cũng không muốn nói dối bà cụ. Gia đình tôi vốn đồng quan điểm với bà cụ của Y Uyên nên thích làm mai cho anh một người vợ. Nghe giới thiệu

cô nào Y Uyên cũng tỏ vẻ như đã yêu ngay cô đó. Thành ra gia đình tôi lại giục. Chỉ riêng tôi mỉm cười mỗi khi bàn đến chuyện ấy. Vì tôi biết lối bày tỏ kia chỉ là để cho vui, để khỏi phụ lòng tốt của gia đình bạn mà thôi. Người con trai nào chẳng vậy.

Không biết khi bước vào nghề giáo, chọn Phú Yên, Y Uyên nghĩ thế nào. Chứ sau này tôi thấy Y Uyên nặng tình và chung thủy với Phú Yên lắm. Từ Thủ Đức, Y Uyên viết cho tôi:

“Viết cho anh một thư trước Tết, nhưng không gửi được, rồi làm biếng im hơi luôn. Nhưng tin tức Tuy Hòa thì vẫn không ngớt nghe ngóng. Lúc này đành coi đó như quê hương nữa để lúc rảnh có chỗ mà nghĩ lui nghĩ tới vậy...Khóa tôi coi như cái khóa đặc biệt nhất, rất hiếm phép ra ngoài và ở vị thế chiến đấu thường xuyên. Kể ra ngày tháng cũng có vẻ thắm thoát, ngày ra trường cũng không đến nỗi chán chờ. Tôi chưa biết có nên xin ra lại ngoài đó không. Nửa muốn trở về không khí cũ, nửa muốn kiếm “không gian” mới nên rút cục như không phương hướng. Nói vậy thôi, sự lựa chọn lúc này chắc hơi sớm và nếu có cũng là giới hạn... Bảo chị ấy có một điều tôi vẫn buồn là suốt thời gian ở Tuy Hòa chị không giúp tôi kiếm được một cô bồ để lúc này có nơi chốn mà thư từ ngày đêm. Giá kiếm được cho tôi một cô vợ có phải anh chị đã giữ được một người “bạn quý” chung thủy với Tuy Hòa không?...”

Đến khi mãn khóa Y Uyên được phân phối đi Tiểu khu Bình Thuận. Trong mấy ngày phép anh đã ra thăm lại Tuy Hòa, hay để thăm lại ít nhất là một người đang ở Tuy Hòa. Buổi chiều trên đường Lê Thánh Tôn Tuy Hòa, gặp Y Uyên đi với một người bạn gái. Anh không giới thiệu, khiến tôi tưởng đó là M. -người mà bà cụ Y

Uyên tỏ ý muốn đi hỏi cho anh. Tôi nghĩ: Chắc Y Uyên đã làm vừa lòng bà cụ. Nhưng lát sau, Y Uyên đến nhà tôi với một người bạn trai, anh Mưu đang đóng ở Bình Tuy, tôi hỏi về cô bạn lúc nãy, Y Uyên cười: “Cô N. đó”. Tôi hiểu. N. cũng là một đồng nghiệp, hiện làm việc tại đây.

Chiều hôm sau Y Uyên và Mưu từ già tôi để đi Phan Thiết. Tôi không ngờ anh vĩnh biệt tôi từ lúc đó. Tôi không ngờ cái bắt tay –Y Uyên bao giờ bắt tay cũng mạnh và ấm- lần đó là lần cuối. Anh không còn trở lại nhà tôi để cho đôi vai gầy thêm gầy trong ngõ hẻm.

Lá thư cuối cho tôi, từ Nora, Y Uyên đầy vẻ yêu đời:

“Cái tên nửa Chàm nửa Thượng ở đầu thư là cái tên đồn tôi đang đóng. Ở đây cách Phan Thiết cỡ 30km nhưng hơi khó về. Tuy nhiên đời sống thực nhân. Ăn + ngủ + đếm tiếng 155 ly của ông bạn trước kia từng đặt bản doanh trên Tháp Nhạn... Tóm lại, nếu vài tháng nữa được biệt phái về chắc tôi sẽ kể chuyện ở đây với tư cách một giáo viên đi nghỉ hè trên núi... Hơn một tháng sống ăn chơi ở Phan Thiết đã thấy “bén rễ” với xứ này. Có gặp các bạn cũ ở Ty Phú Yên đổi về đây. Ngày nào cũng gặp anh Sùng ở phòng Quân bưu, hàn huyên đủ mọi thứ ấm ở của nghề dạy học... Mong anh cho tin gia đình và tin Tuy Hòa. Rất cần cho tên Diêm tin tức và địa chỉ của tôi. Anh gắng giúp cho việc đó. Tôi sợ cái địa chỉ của nó có nhiều rắc rối núi non nên chỉ giữ làm kỉ niệm... Cũng nhờ anh kiếm giúp tin và địa chỉ của những bạn cũ: Trương Can, Cao Trọng Cung, Lộc-đờn vân vân... Tôi đang tự dàn xếp với những kỉ niệm bừa bộn ở Tuy Hòa để viết một truyện dài về “5 tuần ở Phan Thiết” ... Anh cho xin cái địa chỉ Võ Hồng để viết thư thăm. Cái tài nhớ địa chỉ của tôi thật đúng để các bà ở Đông Phước mở xẻ. Anh cho gởi lời

thăm hai bác, chị và các cháu...”

oOo

Nhưng Y Uyên đã không có dịp trở về. Hoặc nói khác đi, như Lê Tất Điều ”*Khoảng 4 giờ chiều ngày 11-1-1969, Y Uyên trở về Sài Gòn trong một cái quan tài bằng kẽm...*”. Tôi viết vội cho Diễm mấy dòng, nhờ một sĩ quan ra đơn vị đó đưa cho Diễm. Đại đội của Diễm đóng ở một quận xa, cách Tuy Hòa lối 50km về phía tây bắc. Vài hôm sau, Diễm về gặp tôi ở Tiểu khu với nét mặt chấy đen, càng thêm hốc hác. Tôi nhớ lúc Diễm ra trường (khóa 23) thì Y Uyên còn đi dạy, Y Uyên từng lo ngại cho Diễm sẽ phải “truy tặng – truy thăng”. Tôi không nói ra ý nghĩ đó. Diễm tỏ vẻ chán nản:

-Bạn bè bây giờ chết nhiều quá rồi! Còn lại bọn mình làm gì cũng phải gấp đôi gấp ba. Ngày xưa chơi bởi một, bây giờ phải chơi bởi gấp đôi gấp ba. Ngày xưa ăn uống một, bây giờ phải ăn uống gấp đôi gấp ba. Cho ta và cho bạn. Khi hôm tôi cũng suýt chết đó. Quả B40 thụt lại gần tí nữa là giờ đây tôi đã gặp thằng Uy dưới đó rồi. Thằng đó thiêng thật. Biết chết yếu nên nó cóc thêm lấy vợ.

Diễm có nói đến người mà bạn bè gọi là “bồ” của Y Uyên. Theo tôi thì dù sao người yêu cũng ít chịu thiệt thòi hơn lũ bạn. Dù có hết lòng yêu ai đi nữa, khi mất đi, người con gái cũng phải quên, cũng sẽ yêu một người tiếp theo, và họ lại yêu hết lòng. Còn bạn bè, mất đi là mất vĩnh viễn. Cái tình đối với người bạn này ta không đem dành cho người bạn khác. Cho nên bạn bè mới thật sự thương nhau, mới mãi mãi nhớ nhau. Sự trống vắng lớn lao Y Uyên để lại cho chúng tôi là vì thế

(Tập san VĂN số 129 ngày 1-5-1969 – xb tại Sài Gòn)

II.

NÓI VỀ Y UYÊN

Một lần tại buổi tưởng niệm Y Uyên tổ chức trong phạm vi trường Nguyễn Huệ, tôi có mượn ý thơ Nguyễn Bính nói rằng những thương nhớ có hạn và đến lúc nào đó vẫn trong niềm mến tiếc nhưng chúng ta sẽ “kể chuyện chàng như một chuyện vui”. Bây giờ đã hơn 35 năm kể từ khi Y Uyên vĩnh viễn ra đi, chúng ta nói về Y Uyên không phải như một chuyện vui nhưng cách nói đã có khác, trầm tĩnh và lắng đọng, cùng ôn lại những kỉ niệm.

Trong bài viết trên tập san Văn tôi có nói về lần đầu gặp nhau tại trường Nam Tiểu học Tuy Hòa. Hồi ấy tôi ở Văn phòng Ty Tiểu học Phú Yên, Phan Việt Thủy dạy trường Nam. Ông Ty trưởng Lê Trọng Phiếm giao cho tôi và Thủy làm tờ nội san Vì Trẻ, bìa in typo ruột in ronéo. Y Uyên có một truyện ngắn miêu tả không khí nhà trường với quan hệ thầy trò nông thôn thật dễ thương: “Một đứa học trò biết thương thầy” ký Nguyễn Văn Uy.

Cuối năm 1969 tôi và Thủy làm tờ Hiện Diện, cũng ở Tuy Hòa, có sự cộng tác của Doãn Dân, Lữ Quỳnh, Nguyễn Kim Phụng, Quán Như, Mang Viên Long, Đặng Tấn Tới, Trần Hoài Thư, Từ Thế Mộng, Tô Đình Sự, Phạm Cao Hoàng, Khánh Linh, Đỗ Chu Thắng (lúc ấy ký Nhã Nam) và một số anh em. Hiện Diện số 1 là số “tưởng niệm Y Uyên” đăng truyện ngắn “Niềm vui xa

gần” của anh.

Từ năm 1970 hàng năm đến ngày kỵ Y Uyên chúng tôi họp nhau tưởng niệm. Lần đầu tổ chức tại chùa Bửu Tịnh, sau đó thường tổ chức tại trường Tiểu học Bồ Đề Tuy Hòa (nay là trường Trung học Lê Lợi), có lần tổ chức ở trường trung học Nguyễn Huệ (nay là trường trung học Hùng Vương). Một số học sinh trung học Bồ Đề và Nguyễn Huệ cũng đến dự. Trong nhóm văn nghệ Tuy Hòa có 2 vị tu sĩ là thầy Thiện Đạo và thầy Minh Tâm. Mấy lần có bạn bè xa đến như Tạ Chí Đại Trường, Thế Vũ... Rồi anh em tản mác nhiều nơi, các buổi tưởng niệm không thực hiện được. Lần sau cùng chỉ có mấy người ngồi trên căn gác nhỏ của Khánh Linh. Nay nhắc lại thì Doãn Dân, Đỗ Chu Thăng, Thế Vũ đã không còn nữa.

Chúng tôi vận động anh em văn nghệ góp nhau kẻ ít người nhiều đúc một tượng đồng cho Y Uyên. Các bạn trong Nam cũng nhiệt tình hưởng ứng. Việc đúc tượng giao cho Đỗ Toàn (lúc ấy ở Qui Nhơn, nay cũng đã qua đời). Đỗ Toàn chưa gặp Y Uyên, chỉ căn cứ vào những tấm ảnh và lời góp ý của anh em, nhất là có Mang Viên Long bên cạnh. Tượng đúc xong chuyển vào Tuy Hòa, chúng tôi lại cử Long chuyển vào Gò Vấp và cùng gia đình Y Uyên đặt nơi mộ anh.

Từ năm 1975 do hoàn cảnh tôi không có dịp ghé gia đình Y Uyên. Mãi sau này, khá lâu, tôi mới ghé lại thì đã nhiều đổi khác. Không phải là căn nhà cũ tại Xóm Mới trong con đường đi sâu vào như ở quê mà một ngôi nhà

bên con đường lớn rộng rãi kang trang. Tôi nhớ lúc ở căn nhà cũ ông cụ thân sinh Y Uyên vừa xây một cái bể chứa nước mưa, bà con chung quanh toàn là người Bắc đến xem trầm trồ thích thú. Tôi cũng được ngồi chung với các cụ trong những bữa ăn nấu theo kiểu Bắc, các cụ vừa mời nhau vừa chuyện trò vui vẻ. Tôi có quen một số gia đình người Bắc, song tôi nghĩ có lẽ ở đây cái phong cách Bắc thật đậm đà và nguyên vẹn. Ngộ lắm! Hồi ấy mấy người em Y Uyên chưa trưởng thành, cô Bẩy đang là học sinh trường nữ trung học Lê Văn Duyệt, cậu Vượng còn học tiểu học. Bây giờ –tức là lần tôi trở lại sau 1975- cô Bẩy là giáo viên, Vượng đi làm cho một hãng tân dược, bà cụ đã qua đời, ông cụ đã lẩn. Chị Tẩu nhắc tôi là hồi ấy tôi có hẹn sẽ sưu tầm đầy đủ cho ông cụ những bài thơ về các dòng đế hệ, phiên hệ của nhà Nguyễn trong sách vàng, ông cụ nhắc mãi. Thật ra tôi không nhớ là đã hứa! Bình thường tôi không quên lời hứa với ai, nhưng sao có trường hợp này. Tôi rất ân hận. Tôi đọc vài bài nhưng ông cụ chỉ ậm ừ vì như chị Tẩu nói thì cụ không còn nhớ biết gì nhiều! Tôi bước ra chỗ thờ phượng giữa vườn sau thấp hương bên tượng Y Uyên, cảm thấy nhớ không khí căn nhà cũ trong Xóm Mới. Đến nay (2004) ông cụ ra đi đã lâu và trong năm này cô Bẩy cũng không còn.

Ở trên tôi có nói tượng Y Uyên đặt ở nghĩa trang, nay đặt ở đây. Xin thuật lại chuyện do Vũ Viết Diễm kể.

Y Uyên có một người bạn, là sĩ quan, sau khi đi cải tạo về thì làm bánh tiêu bánh rán đem bán dạo. Một bữa anh ta nằm mộng thấy Y Uyên về nói: “Tao đang ở chỗ đồn

Công an, mày nhấc giùm gia đình tới đưa tao về”. Thức giấc, anh ta ngạc nhiên, nghĩ: “Uy chết từ lâu rồi, sao lại ở đồn Công an? Chắc là vì mình đã đi cải tạo nên còn những ám ảnh và tưởng tượng ra chuyện Uy bị Công an giữ”. Thế là anh ta quên chuyện mộng mị. Vài hôm sau, anh ta đi qua đồn Công an thì họ gọi vào mua bánh. Đây không phải là lần đầu anh ta bán bánh ở đồn này mà đã có nhiều lần, tuy không phải hàng ngày. Mọi khi mấy người Công an mua bánh thì trả tiền ngay và anh ta đi ngay. Lần này họ vào phòng trong ăn, mãi nói chuyện nên chậm trả tiền, anh ta phải vào nhắc để còn đi bán tiếp. Và thật ngạc nhiên thấy tượng của Y Uyên để nơi góc phòng. Anh ta liền hỏi, mấy người Công an cho biết: Cách đây mấy đêm họ đi tuần tra, gần nghĩa trang thấy có người khệ nệ vác một vật nặng. Nghi là kẻ gian họ gọi đứng lại để kiểm tra thì người kia vụt chạy. Họ liền đuổi theo, người kia đành quăng vật nặng xuống để thoát thân. Vật nặng ấy là cái tượng này, chưa biết của ai, họ đem về đồn. Xem lại, tượng đã bị cưa mất một tai, có lẽ kẻ gian đã cưa thử trước, biết là đồng mới nên ăn cắp. Được anh bạn kia báo tin, gia đình Y Uyên đến trình bày rõ lý do và bằng cớ nhận tượng về, không đưa ra mộ lại, hiện nay đang thờ ở nhà, đúng là bị mất một tai. Đó là tôi thuật đúng lời Vũ Viết Diễm.

Bây giờ nhắc lại chuyện Y Uyên, không còn là chuyện buồn như năm xưa, cũng không phải là chuyện vui. Chỉ là để nhớ. Trong lòng ta vẫn còn nhớ về một người bạn dù đã 35 năm rồi với biết bao nhiêu thay đổi, mỗi người phải nếm trải biết bao vị đời qua những nổi thăng trầm. Trong đó có những hình ảnh thật đơn giản như cái bề

chứa nước mưa, có những chi tiết mang màu sắc tâm linh như chuyện pho tượng đồng. Đây là chuyện để ta nhớ bạn. Người ngoài có thể nghĩ khác □

LÊ VĂN CHÍNH

(Sướng Biên Thùy)

(...Sau ngày anh ta mất đi, những chiến hữu của anh còn sống trong sôi bỏng của chiến trường Bình Thuận, nhìn về núi Tà Dôn như một ám ảnh của Định Mệnh..).

NÚI TÀ DÔN VÀ DẤU CHÂN UY

Đêm 8. 1. 69

Tôi nghĩ là hấn. Đúng là hấn. Chẳng thể nào là ai khác, ngoài hấn. Tôi biết hấn đóng ở Nora. Tôi biết ngay khi đến đây, hai tháng sau ngày hấn đến. Trình diện phòng I, hỏi thăm, được biết hấn đang ở Nora, tôi thú thật: tôi thất vọng. Thất vọng vì người ta đã không dùng hấn như một nhà văn có tài (26 tuổi với 4 tác phẩm vững vàng, phong phú biết bao). Người ta dùng hấn như một chuẩn ụy, trung đội trưởng địa phương quân. Nhớ đến thơ Luân Hoán: *Tôi là một sĩ quan mù, chỉ huy một trung đội*

điếc... Lúc này, nếu gặp Uy, tôi ắt hỏi: mày có mù, lính có điếc, hỡi Uy!

Tôi nghĩ đến hấn. Tôi nghĩ ngay Uy như thế khi người lính truyền tin ở yếu khu Phú Long nói cho tôi biết, có một chuẩn úy ở đồn Nora đã mất tích!

Đêm nay đến phiên tôi dẫn lính giữ cầu Phú Long, ngủ dưới gầm cầu. Tôi nghĩ là Uy không thể chết. Chỉ những viên đạn vô tình thì mới không phân biệt được, còn như nếu bị bắt, Uy không thể chết. Việt cộng có thể sẽ không coi trọng Uy như một nhà văn. Nhưng biết đâu chúng chẳng dẫn Uy ra Bắc rồi tuyên truyền âm ỉ là chính Uy đã “trở về với nhân dân”. Rồi Uy sẽ được dẫn đi khắp nơi, sẽ lên tiếng ở đài phát thanh, sẽ kêu gọi bạn bè của anh trong ban biên tập nguyệt san Bộ Binh... hãy “quay súng về với nhân dân”. Rồi Uy sẽ được một thiếu nữ xinh đẹp, ngon lành nhất Hà Nội ôm hôn và choàng hoa. Có thể nữa, Uy sẽ làm tờ chối từ những tác phẩm của anh. Rồi Uy sẽ bắt đầu lại từ đầu, trong sự dẫn đường “của Bác và Đảng”. Tôi nghĩ đến Uy trong một cuộc đời mới. Tôi cũng định tâm từ nay theo dõi đài Hà Nội, để chờ nghe hấn lên tiếng. Tôi không một mảy may nghĩ rằng hấn sẽ chết. Tôi không nghĩ là hấn sẽ chết nếu bị rơi vào tay Việt cộng, nhưng tôi tin hấn sẽ thoát xác một cách chóng vánh và tức cười.

Ngồi trên thành cầu đến khuya, tôi nhìn về phía ngọn núi Tà Dôn và tôi nghĩ, lúc này có lẽ hấn đang bị trói tay, cũng có thể không bị trói tay nếu gặp được những đứa Việt cộng biết trọng nhân tài, và đoàn người có Uy đang đi chuyển trong đêm lấy núi làm chuẩn.

Ngày 9. 1. 69

Đến nhà Nguyễn Hiếu Học lúc 1 giờ 30, tôi gặp Thái Phi Kích. Và bây giờ thì tin Uy tử trận đã rõ ràng. Chúng tôi lặng người. Trước mọi cái chết, sự lên tiếng, dù thế nào cũng đều lố bịch – nhất là trước những cái chết của những trường hợp như Uy, những người hiếm hoi như Uy. Học nói cho tôi biết về những giấy tờ do đầu đó làm chậm trễ, gây nên cái chết của Uy, chứ đáng ra Uy đã được về cục CTCT. Lúc đó, hình như tôi có chửi đổng một câu.

Cũng không mấy tin tưởng là tin Uy tử trận sẽ sớm được thông báo cho gia đình Uy nên chúng tôi chia nhau đi gọi nhờ điện thoại vào Sài Gòn, tới hai nơi mà chúng tôi tin là có người biết nhà của Uy: toà soạn *Bách Khoa* và *Văn*. Buổi chiều hôm đó, Thái Phi Kích đã nói chuyện được với Sài Gòn. Chúng tôi tạm yên tâm là hôm sau thế nào cũng có thân nhân của Uy ra.

Chúng tôi lên Quân y viện Đoàn Mạnh Hoạch thì tin xác Uy chưa được chở về.

Tôi để Học và Kích lại nhà, rồi lên đồn, trong ý định xin đại đội trưởng về nhà một đêm để tiếp tay các bạn. Tôi vừa lên đồn – lúc đó khoảng 6 giờ chiều – thì nhận được lệnh cùng với đại đội trưởng đi hành quân mở đường khoảng Phú Long - Tuy Hoà cho đoàn công voa chở xác Uy về. Khi đến Ba Cây, tôi gặp chiếc xe hồng thập tự. Người tài xế cho biết ông chuẩn uý nằm trên băng ca, còn dưới sàn xe là hai người lính. Lúc đó, tôi vạch tấm vải làm cửa xe và tôi chỉ kịp nắm bàn chân Uy vừa khi chiếc xe rồ máy chạy. Trở về đồn là đã hơn 7 giờ, tôi phải ở lại đồn, chẳng giúp gì được Học và Kích đêm đó. Uy ra trường trước tôi một tháng. Ngày còn ở trong

trường Thủ Đức chúng tôi thường gặp nhau vào chiều thứ sáu mỗi tuần. Ngày bàn giao ban biên tập, chính nhờ Y Uyên mà chúng tôi, trong số đó có anh Dương Kiên, Lê Tất Điều... được ăn một châu hột vịt lộn, nhậu bia 33.

Đến khi về Phan Thiết, tôi được tin anh đóng đồn ở Nora, thỉnh thoảng mới có dịp xuống phố. Vài lần anh tìm đến thăm tôi, nhưng không gặp. Mấy lần, nghe tin anh về, tôi tìm thăm, nhưng anh đi vắng.

Chiều nay, bên lề đường, tôi nắm chân anh trong lúc giữ phần an ninh lộ trình cho chuyến xe chở xác. Lúc trở về đồn, tôi không thể ngăn mình suy nghĩ mông lung. Mọi người sinh ra, mọi người phải chết. Mọi người, với tư cách công dân, phải góp phần cho sự trường tồn của tổ quốc. Nhưng mỗi người thực sự chết *có nghĩa lý* khi y được sử dụng đúng. Trường hợp của Uy, cái chết dưới chân núi Tà Dôn, năm 26 tuổi, là một cái chết uống...

Chiều đến, tôi chở Kịch và Học tìm lên nhà xác của Quân y viện. Đó là một đỉnh cát trắng, trông ra biển cả. Những ngọn gió quất tứ tung vào mặt, thổi cát lấp lên lá cờ vàng ba sọc đỏ phủ trên áo quan. Nắm cơm và bọc nước cam vàng trong túi nylon cùng với điều thuốc do người chị đốt cháy mời gọi Uy trở dậy, *sao em tôi nằm đây, em tôi không cần tổ quốc ghi ơn, Uy ơi là Uy...* Tất cả, thực sự để làm gì? Để đổi lấy những cái chết, để chứng kiến những cái chết, để đợi chờ những cái chết. Can đảm, sáng suốt, hiên ngang cách mấy, trước buổi chiều đó, trước cái chết đó, trước vẻ thê lương ảm đạm của cái cảnh bạn bè nằm xuống đó, người ta cũng nghẹn ngào tức tối. Trong chúng tôi, những thằng bạn cũ của Uy đứng đó, đều thấy rằng, khi ta còn sống, còn lên mặt trận, ta còn được bọc quanh mình bằng những gian trá,

bằng những lừa dối. Nhưng khi ta chết đi, điển hình là Y Uyên nằm đó, trong quạnh hiu, buổi chiều nay, trên đồi cát này, có ai làm được cái gì hơn là cho một làn kềm để bọc, một lá cờ vải để che.

Một làn kềm để bọc. Còn như ngại đường xa, thêm một làn kềm nữa, tang gia phải trả thêm ba ngàn đồng phí tổn..

10.1.69

Sáng nay chúng tôi được tiếp chuyện trung úy Q..., người chỉ huy trận đánh và cũng là đại đội trưởng của Uy. Theo anh thì Uy chết ngay loạt đạn đầu tiên vì bị phục kích. Việt cộng đào hầm độn thổ từ trước, có đến cỡ tiểu đoàn. Chúng chờ phục kích đoàn công voa của Tỉnh từ Sông Mao về. Trung đội của Uy phát giác một phần của lực lượng địch nằm dưới hầm bắn lên. Với gia đình, bè bạn của Uy, với văn học Việt Nam, anh chết là một mất mát lớn lao. Còn như đối với chính quyền Phan Thiết, với đại đội 784 Địa phương quân thì đây là một chiến thắng: địch để lại trên bốn mươi xác chết; bên ta chỉ có một chuẩn uý và hai binh sĩ hy sinh.

11.1.69

Tôi nghĩ Uy sẽ không bị chết nếu bị bắt, nếu Uy biết cách nói cho những người ở phía bên kia biết Uy là một nhà văn. Tôi cũng nghĩ đến trường hợp, sau khi bị bắt, Uy sẽ được ra Hà Nội, và guồng máy tuyên truyền phía bên kia sẽ khai thác nhà văn của chúng ta. Nhưng tất cả những điều tôi tưởng tượng đều trái ngược với thực tế, một thực tế phũ phàng, tàn nhẫn: Y Uyên, sau khi chết rồi, còn bị bắn bồi mấy phát súng ở mắt, tai và đâm bồi

thêm mấy nhát dao ở hai cánh tay và hai bên hông. Tôi không có mặt khi bạn hữu tắm liệm chàng, nhưng Học nói lại những nhận định như thế khi quan sát xác chết với những dấu đạn, dấu dao trên mình chàng. Có những dấu đạn người ta biết được là từ đâu, như thế nào, và người ta cũng biết được những dấu đạn nào là vô ích, là của hận thù. Trên thân xác của Uy, khi chở về Quân y viện, có những dấu đạn thừa, những dấu dao vô lối. Những dấu đạn, vết dao không thể cắt nghĩa được. Nếu không phải là chúng có từ những thù hận ghê gớm, những chất ngất căm hờn, thì không thể làm sao tìm ra lý do giải thích sự hiện diện của chúng trên thân hình một người đã chết.

Từ những dấu đạn vết dao đó, tôi có một nhận định về những người ở bên kia chiến tuyến. Tôi không hiểu bằng cách nào, trong cuộc chiến tương tàn, dòng dã hơn hai mươi năm này, những người lãnh đạo cộng sản đã dạy cho binh lính của họ như thế nào để lòng thù hận chất ngất mênh mông đến thế? Tôi chấp nhận những viên đạn thứ nhất là hợp lý – Ủ, thì cứ cho là hợp lý. Nhưng những viên đạn bắn bồi, những nhát dao đâm thêm trên một xác thân đã chết là những viên đạn, những nhát dao không thể cắt nghĩa, không thể chấp nhận được. Những người Cộng sản Việt Nam đã làm những điều dã man như thế, khởi đi từ lòng thù hận, từ sự cuồng tín. Từ đó, chúng ta có một nhận thức mới, họ mù quáng trong khi chiến đấu, họ không mảy may hiểu về những căn nguyên cuộc chiến tương tàn này.

12.1.69

Tôi có đọc Y Uyên, nhưng anh không phải là một nhà văn tôi thích. Người ta chỉ chọn thích một số nào đó thôi trong những tác giả mình đọc. Tôi thì không thích Y Uyên vì văn anh khô và khó quá. Không thích, nhưng tôi không thể không đọc anh vì anh là một trong số ít nhà văn có chân tài. Ngay từ những tác phẩm đầu – những tác phẩm dù không toàn bích – bút pháp của anh đã phải khiến người ta chú ý và tin tưởng. Hai mươi sáu tuổi, bốn tác phẩm đã in (hầu hết, do những nhà xuất bản đứng đắn, có uy tín ấn hành), điều đó thiết nghĩ đã đủ để chứng tỏ anh không phải là một tác giả có thể xem thường và sự thành công của anh không phải chỉ là một may mắn tình cờ, như một vài trường hợp khác.

Trước ngày nhập ngũ, anh đã viết nhiều truyện thời chiến, lúc đó anh còn là nhà giáo, nên truyện thường mang nặng tính chất tưởng tượng hoặc dựa theo những kinh nghiệm chiến tranh mà anh được nghe kể lại. Nhưng nay, anh lại là lính chiến, thứ lính chiến của một chiến trường thường xuyên sôi động là Bình Thuận – nơi mà Cộng sản đã có cơ sở từ năm 1954 – hẳn nhiên anh phải thường xuyên mở to đôi mắt, lắng đôi tai để đối đầu. Trong chờ đợi, trong tham dự, anh hẳn quan sát được nhiều. Từ đó, chúng ta đủ tin rằng, nếu anh sống, biết đâu từ anh, văn học Việt Nam sẽ chẳng có những tác phẩm viết về chiến tranh bình tĩnh sâu sắc và lớn lao.

Nhà văn Việt Nam, trong chiến tranh Việt Nam, đã thiếu thốn quá nhiều thứ. Hoàn cảnh để sống, phương tiện để viết và nhất là, họ thiếu sự rõ ràng của chính nghĩa để phụng thờ, để làm sáng tỏ. Nhà văn Việt Nam, sống

trong sự mù mờ, dường như đã thiếu tin tưởng ở những lẽ phải để phụng dưỡng, nuôi nấng. Từ một hoàn cảnh như thế, một tâm trạng như thế, nói ra những nhận định của mình, nhất là nói ra một cách bộc trực, sợ dễ dàng sai lạc và không chùng lại đặc tội với lịch sử.

Giờ đây, một trong những nhà văn trẻ của chúng ta, một trong những cây bút sống, lớn và viết về cuộc sống đang tàn phá chúng ta, đã nằm xuống – hay nói theo kiểu một nhà thơ trẻ khác – đã “về trời”.

Chỗ anh ta nhắm mắt là dưới chân núi Tà Dôn, nơi nổi tiếng từ những ngày chiến tranh Việt-Pháp (trong chiến trường Phan Thiết, núi được xem là đích cho những lần hành quân và bố phòng).

Sau ngày anh ta mất đi, những chiến hữu của anh còn sống trong sôi bỏng của chiến trường Bình Thuận, nhìn về núi Tà Dôn như một ám ảnh của Định Mệnh. Họ trầm nghĩ, một mai, một ngày nào đó, chẳng biết rồi sẽ tới phiên ai trong bọn họ? Rồi họ sẽ quay đầu hay quay chân về phía núi để cố thu lấy những hình ảnh cuối cùng của cuộc đời trước khi nhắm mắt? Vì rằng, như một nhận thức, gần như thế trong cuộc chiến dai dẳng này, cái chết là một cái vốn mà ai cũng nắm dễ dàng trong tay, còn như số lời thì đã trở nên hiếm hoi lắm lắm.

1.3.69

Uy ơi, mày bỏ đi thế mà đã hơn hai tháng. Nay tao thuyền chuyển về đồn Sara, cách chỗ xưa mày đóng khoảng 4 cây số, cách chỗ xưa mày chết khoảng 3 cây

số.

Mới hơn hai tháng trời, mà nay nhắc tới mây đã như nhắc chuyện “ngày xưa...”. Có phải tao say? Không biết nữa, chỉ biết mỗi lần nhớ đến mây là mắt tao lại rưng rưng muốn khóc. Mà không phải chỉ khóc cho mây.

Tao về gần rồi đó, chỗ xưa mây nhắm mắt và ngọn Tà Dôn như tao chỉ với một tay là tới đỉnh. Mỗi ngày tao mở mắt cùng với tiếng la om sòm của những con đò lui tới, và ban đêm tao nhắm mắt lại cùng với tiếng te te. Và bao giờ, và ở đâu, cái chết của mây dưới chân Tà Dôn này cũng là điều làm tao nhớ, nhớ hoài hoài không thôi. Tao định một ngày rất gần, sẽ dẫn lính lên vùng trận địa mây ngã, thăm lại con suối mây chúi xuống để chết. Hình như cỏ ở đó xanh hơn mọi ngày, và một bóng **Ngựa Tía** chờn vờn mỗi đêm trên ngọn Tà Dôn – ngọn Tà Dôn, vùng đất **Quê Nhà** của mây rồi đó – quần quanh bên những **Tượng Đá Suối Non**. Nhưng tất cả, phải còn gì nữa chứ? Chẳng lẽ như thế rồi hết! Tao không tin đâu. Qua cơn **Bão Khô** này..., những gì còn lại... hơn là những dấu chân mây...

(Trích từ Tạp Chí Văn, số 129, phát hành ngày 1 tháng 5 năm 1969- Tưởng Nhớ Y Uyên)

TRẦN PHONG GIAO

(....ngay sau lúc một cú điện thoại khác báo tin Y Uyên đã

từ trần, chiều hôm trước, tại Phan Thiết. Trả lời anh bạn văn tôi cố lấy giọng bình tĩnh: “Cám ơn anh. Có điều muộn mất rồi vì Y Uyên đã tử trận”. Đầu dây bên kia anh bạn vắng tục và nói cao giọng: “Này, ông đừng hòng qua mặt tôi bằng lối đùa cợt bậy bạ đó...”. Như mọi người, anh không tin là Y Uyên đã chết. Anh chỉ tin điều đó vào buổi sáng hôm sau, khi anh, mặc quân phục, cùng mấy quân nhân khác đặt tay vào sợi dây chảo, từ từ thả chiếc quan tài bọc xác Uy xuống sâu trong lòng đất lạnh!...)

NHỚ Y UYÊN

Bây giờ, thú thật, tôi không còn nhớ nổi những liên lạc đầu tiên giữa Y Uyên và tôi. Có điều chắc chắn đó là, ít nhất trong giai đoạn khởi đầu, mối liên lạc bình thường giữa một thư ký toà soạn và một nhà văn trẻ có nhiều triển vọng.

Một trong những chủ trương của VĂN, ngay từ những số đầu tiên, là quy tụ, hướng dẫn và khám phá những cây bút trẻ. Nếu việc “bắt liên lạc” với Thế Uyên là do anh Nguyễn Mạnh Côn, thì việc tìm tới Y Uyên hẳn do anh Võ Phiến. (Tôi không nhớ rõ, vì lẽ để lạc đầu đó những thư từ liên lạc với Y Uyên).

Y Uyên có mặt trong VĂN số 6, tuyển tập đầu tiên giới thiệu những cây bút trẻ. Đăng truyện ***Bấm đốt ngón tay***, rồi tôi có gửi cho Y Uyên một lá thư. Thư này dường như làm cho anh không hài lòng, nên mãi lâu lắm về sau, tới số 16, VĂN mới lại đăng truyện ***Sương rơi ngoài vườn***. Cùng với bưu phiếu nhuận bút, lại có một cánh thư dài của toà soạn. Mặc dù thư được viết rất khéo léo, nhưng

chắc chắn cũng đã làm cho người nhận không vui lòng. Gần tết Ất Ty, nhận được bài mới của Y Uyên, tôi biết là anh buồn mà không giận (truyện ***Vết chân thần thoại*** đăng trong VĂN số 28).

Tới đây ghi dấu giai đoạn “căng thẳng” quan trọng trong mối giao tình giữa Y Uyên và toà soạn VĂN. Những bài anh viết gửi về, liên tiếp bị chúng tôi gửi trả lại anh, kèm theo những lá thư luôn luôn thúc giục đòi hỏi nơi văn tài anh một cái gì “khác hơn thế nữa, mới hơn thế nữa”. Tôi nhớ, vào dạo đó, có một lần tôi viết gửi anh đại ý “ *cậu có cố chẻ sợi tóc ra làm tư đi chăng nữa thì giỏi lắm cậu cũng chỉ bằng được Võ Phiến là cùng; hãy viết khác đi, hãy dời bỏ những thăm dò ngược về quá khứ, hãy xông vào cuộc đời trước mặt, chất liệu truyện hãy lấy ngay từ cuộc sống thường nhật, cuộc sống của một thầy giáo dạy trường làng miền Trung đang chìm trong khói lửa...*”.

Thiết tưởng tôi cũng cần mở một dấu ngoặc để nói rõ thêm về sự “trả lại bài” các cộng tác viên. Chúng tôi làm việc đó chỉ vì mong muốn các bạn mình sẽ đi xa, đi nhanh hơn. Nếu các bạn đó đưa bài gì chúng tôi cứ thế mà đăng thì, chao ôi, yên ổn quá. Sẽ chẳng làm gì có chuyện mất lòng mất bề với bất cứ ai... Cùng lúc với Y Uyên, chúng tôi còn trả lại bài của nhiều anh chị em khác. Có người, giận, không bao giờ đưa bài cho VĂN nữa, nay đã trở thành một tác giả có sách bán chạy. Một tác giả khác, bạn thân của Y Uyên, đưa chúng tôi ba truyện, chúng tôi đăng một, hoàn lại hai. Anh bạn này giận, không cho truyện nào khác. Ít lâu sau, gặp chúng tôi, anh kêu “Nhất, truyện Bão Khô của Y Uyên là nhất”. Chúng tôi chỉ còn biết cười buồn, vì biết làm sao

hơn với người tự bằng lòng đứng giậm chân tại chỗ!
Khác với mấy bạn vừa kể, Y Uyên lẳng lẳng viết, có phần nào nghe theo ý kiến của các anh em trong toà soạn VĂN. Truyện ngắn *Tượng đá sườn non* đăng trong VĂN số 40, tôi còn nhớ gửi cho Y Uyên hai bưu phiếu: một bưu phiếu nhuận bút còm và một “để cậu đi nhậu với một vài bạn ngoài đó, coi như đã nhậu với anh em trong này, để ghi dấu ngày cậu bắt đầu viết khác...”.
Truyện đăng trong VĂN số 42 (cái nhan do toà soạn đặt *Có heo may Hà Nội*) là một trường hợp ngoại lệ, cho hợp với chủ đề của số báo.

Truyện *Tiếng hát của người gác cầu* đăng trong VĂN số 46, ngoài bưu phiếu nhuận bút, tôi có gửi Y Uyên hai lá thư. Một thư viết trên giấy mang tiêu đề của nhà xuất bản Giao Điểm, hẹn sẽ in một tập truyện của anh, gồm một số truyện do tôi lựa chọn. Thư sau, tôi còn nhớ đã viết trong một buổi tối kẹt mưa, phải ngồi lại tòa soạn tới khuya, thư viết dài tới bốn trang giấy pelure. Trong thư này tôi thuật lại trường hợp đặc biệt của đoạn tác *Thư từ Tuy Hoà* (của Cảnh Cửu, đăng trong VĂN số 45): đọc bài này tôi thích quá, không chuyển cho Ban Tuyển đọc Tác phẩm như những bài lai cáo khác, tự ý cho đăng ngay vào trong một số không phải là tuyển tập thơ văn (số 45 là số giới thiệu (Francoise Sagan). Bài đăng rồi, anh em “chịu” tôi là tỉnh, và đồng ý nên khuyến khích tác giả. (Đáng tiếc thay, tác giả này đã làm chúng tôi thất vọng. Mặc dù sau đó chúng tôi đã cố vớt, cố đăng thêm một hai đoạn thiên nữa của anh, nhưng anh không thể đi được xa hơn). Tôi lưu ý Y Uyên về cái “không khí đặc biệt Tuy Hoà” trong đoạn tác vừa kể. Tôi còn dẫn Camus (*on ne pense que par des images*),

dẫn thêm nhiều kinh nghiệm khác rút trong cuốn *Esquisse d'un roman..v...v...* và dặn: cậu có thể rời bỏ những nhân vật thầy giáo cô giáo rồi đó.

Truyện ***Những ngày cuối năm trên miền núi*** đăng trong VĂN số xuân Bính Ngọ; truyện ***Bên ngoài khán đài*** đăng trong VĂN số 52, ngoài bưu phiếu nhuận bút, tôi không viết gì. Điều ấy dường như làm cho Y Uyên thấp thỏm. Uy viết gửi tôi, rào đón, ngần ngại. Tôi trả lời: được rồi, cứ tiếp tục, tôi sẽ in những truyện đó trong tập truyện đã dự trù.

Đầu tháng 5/1966, nhận được truyện ***Bão khô***, tôi vội viết ngay cho Y Uyên: tới rồi, cố giữ lối viết đó, không khí đó, cái souffle đó. Trong thư, tôi kể tên sáu truyện đã chọn và đề nghị đặt nhan tập truyện là ***Bão khô***, nhà Giao Điểm sẽ lo ngay việc xuất bản. ***Bão khô*** đăng trong VĂN số 58 rồi, tôi viết gửi Uy, đại ý: từ nay, cậu gửi bài về, tôi không cần đọc lại nữa, cứ thế cho xếp chữ in ngay. Ít lâu sau, tôi nhận được thư Uy, có vẻ xúc động trước lời ngợi khen biểu lộ qua sự tin cậy của tôi, nhưng lúng túng vì nhà Thời Mới lấy trước mất hai truyện tôi đã chọn để in thành sách (***Mùa xuân qua đèo*** và ***Tiếng hát của người gác cầu***), Uy đề nghị tôi thay thế bằng hai truyện khác: ***Ngoài khán đài*** (VĂN số 52) và ***Cái cối xay dưới đồng bằng*** (Nghệ Thuật số 51). Tôi trả lời Uy đại khái không tiếc vì hai truyện đã bị “phổng tay trên”, nhưng chỉ tiếc là nếu nhà Thời Mới in hai truyện đó với những truyện Uy viết trước ***Tượng đá sườn non*** thì hơi uổng, vì sách sẽ không được “nhất trí”. Tôi cũng tiếc ***Bão khô*** không là tác phẩm đầu tay của Uy.

Đoạn văn ***Trong ánh sáng lân tinh*** là trích đoạn truyện dài, Uy yêu cầu tôi đăng để “có trốn viết tiếp”, và Uy

cũng hỏi han tôi nhiều về sự khác biệt giữa truyện ngắn và truyện dài. Tôi thu thập ý kiến của nhiều anh em và trả lời Uy trong một thư khá dài.

Truyện **Kiểm Diện** đăng trong VĂN số 66, Uy đã viết vội để **Bão khô** có đủ số trang.

Những đoản tác đăng sau đó trên VĂN, hoặc là trích đoạn truyện dài, hoặc là đoản thiên, đều không có gì đặc sắc (**Gió cuối năm**, VĂN số 71; **Đáng thú** số xuân Đinh Mùi; **Cái xương lá mục** số 87; **Pho tượng đứng đó** số 92; **Có mùa hoa nào lấy vợ** số 97, nhưng tôi không nói gì với Uy về những nhận xét của riêng tôi hay của anh em, bởi lẽ tôi biết Uy đã hoàn thành những sáng tác đó trong nỗi ám ảnh nặng nề: ám ảnh bị gọi lính! Sau lần vào quân trường mấy ngày rồi lại được về vì “thặng dư tài nguyên”, Uy có than thở với tôi “rã rời, hết muốn viết, anh ạ!”.

Truyện dài **Ngựa tía**, thật ra nhà Giao Điểm không nhận in. Sau khi đọc một vài trích đoạn, tôi có viết thư cho Uy, trình bày những nhận xét cùng đề nghị của riêng tôi. Uy không trả lời thư này và cũng không gửi bản thảo cho tôi, tuy là cách đó ít lâu, Uy nói:”sắp viết xong những trang cuối”. Tôi còn đang đinh ninh là Uy đang còn sửa, viết lại không chừng, thì một hôm anh Võ Phiến đến, đưa cho tôi tập bản thảo **Ngựa tía**, nói “ông in đi, tôi đi khắp cả mà không nhà in nào dám nhận, vì tác giả viết chữ nhỏ quá, khít quá, thợ sắp chữ không nổi”. Tôi nhận tập bản thảo rồi viết gửi Uy. Trả lời: tôi biết là anh không thích, nhưng nếu có thể thì anh in giùm, tôi sắp đi lính.v.v

Từ Tuy Hoà, Y Uyên vào Sài Gòn lấy khoản tác quyền **Ngựa tía** để “đi thanh toán một chuyện tình cảm vương mắc đã từ lâu, mong là lần này nó sẽ dứt khoát’. Dứt

khoát rồi, anh chàng buồn, đòi tôi dẫn đi uống rượu say mèn, đêm khuya tôi phải chở về nhà; ít bữa sau anh chàng trở ra Tuy Hoà, quên cả ghé nhà in ký tên trước lên cahier đầu sách. (Chuyến về này Y Uyên đem biếu thân phụ tôi một chai rượu sâm Cao Ly. Chai rượu này mới với có phân nửa, mà người cho rượu đã ra người thiên cổ!)

Thời gian sau đó và suốt cả thời gian sống trong quân trường Thủ Đức, Uy không viết được gì. Mãn khoá, ngay sau khi trở lại miền Trung, Uy gửi về đoàn tác **Cao nhất**, một vài ghi chép đầu tiên cho một thiên truyện dài sẽ được khởi viết *“trong những ngày không phải xuống đồi dẫn lính đi lấy nước”* (Trích thư ngày 14-10-1968).

Thư 30-10-68 Y Uyên nhớ tới hai việc:

Việc thứ nhất: *“có một thằng bạn văn vừa mới chết một cách khá thảm, để gián tiếp báo tin cho một số bạn bè và coi như thấp cho nó một nén hương, nhờ anh đăng cho ít lời chia buồn (đính kèm)...”*

Việc thứ hai: *“...nếu anh thấy có thể in giúp được tập **Đuốc sậy**” mà không phiền lòng anh Võ Phiến, nhờ anh in cho một tập nữa...”*

Việc thứ nhất, tôi cho đăng mẫu “chia buồn”, ngay trong VĂN số 118. Việc thứ hai, hôm mới đây, gặp Võ Phiến, tôi nói: ‘Nếu ông không in **Đuốc sậy**, ông có thể chuyển nó cho tôi. Tôi sẽ in, mặc dù hai lần in sách của Y Uyên rồi, lần nào tôi cũng bị lỗ khá nặng...’. Võ Phiến xem thư Y Uyên, rồi ít bữa sau, anh đưa tập bản thảo **Đuốc sậy** tới giao cho tôi. Chúng tôi dự định tập hợp tất cả những truyện ngắn khác chưa in thành sách của Y Uyên, phân loại lại, rồi sẽ in, có lẽ thành hai hoặc ba tập (*).

(Nhân đây, xin được thưa thêm một chuyện: chúng tôi

được biết, trước ngày nhập ngũ, hồi còn ở ngoài Trung, Y Uyên có viết được một số đoản tác, giao cho anh em có ý định ra báo, in tuyển tập, nội san.v.v. Chúng tôi rất mong anh chị em nào còn giữ được bản thảo chưa in của Y Uyên vui lòng gửi cho chúng tôi, để việc xuất bản thêm phần đầy đủ. Trường hợp những anh chị em cho in những sáng tác đó trong những ấn bản phổ biến hạn chế tại địa phương, cũng xin vui lòng gửi cho chúng tôi một bản. Muôn vàn cảm tạ).

Trên đây chúng tôi đã ôn lại mối giao tình giữa Y Uyên, tác giả, và chúng tôi, thư ký toà soạn VĂN.

Nhắc lại những kỷ niệm về Y Uyên thì thật không có gì đáng nhớ. Tìm trong xấp thư cũ, thấy một vài điểm mà các bạn khác trong những bài đăng cùng số này, chưa nói tới, tôi lục chép ra đây, nghĩ cũng là để “soi sáng” thêm về cuộc sống của Y Uyên.

“...Trong đó anh kêu “thảm lắm!” thì ngoài này cũng muốn kêu “bực lắm!”. Suốt từ đầu niên học tới giờ, làm hiệu trưởng một cái trường toàn đàn bà với ông già, tinh thần chỉ còn như một chất công văn, chỉ thị. Ngoài một truyện gửi về cho Nghệ Thuật số gần đây vì dịp hè có lời hứa với anh Viên Linh, không còn viết được gì. Đầu óc lộn xộn toàn chuyện bỏ nghề mà không quyết được vì thấy kém thực tế. Nhận thư anh, mừng vì có phút được kéo khỏi những lo toan thường trực vụn vặt, nhưng cũng ngại không có bài gửi về anh kịp thời. Dù sao cũng phải gắng như từ trước tới giờ vẫn phải gắng nghe theo lời anh. Nhất là lại nghe anh nói “một tuyển tập lạ lắm”, thấy hấp dẫn không ít. Về...muốn hỏi ý anh trước...”
(Trích thư Tuy Hoà, 15-10-1966)

Thì ra cu cậu cũng đã có lần tính bỏ nghề. Không phải vì sợ bị “sa lầy” trong nghề dạy học, mà vì thấy “kém thực tế” – Ôi cái thực tế đã làm thui chột biết bao tài năng ở đất nước ta!

“...Ở ngoài này cháy đều đều – mùa lạnh cần lửa mà. Lại vừa gặp một “cú” tình cảm nên bỗng dưng thấy mình không còn là một tên viết lách mà là một nhân vật tiểu thuyết của bà Tùng Long – cái đó mới ly kỳ...”

(Trích thư Tuy Hoà, 15-12-1967)

(Lửa ở thư trên là lửa đam mê của thú đánh bài; cháy là cháy túi. Thư còn yêu cầu gửi một số VĂN trong có đăng bài của Uy tặng một cô gái ở đường Duy Tân, An Cựu, Huế)

Cô gái Huế này tôi không rõ là ai (báo nhờ gửi cho một người đàn ông, cạy chuyển lại), nhưng khi nghe Y Uyên hỏi ý trong chuyến về Sài Gòn, tôi có lèm nhèm, đại ý “gái Huế, ái tình lãng nhăng thì được, còn cái mục xây dựng thì đừng, ấy là dựa theo kinh nghiệm bản thân cùng là đúc kết kinh nghiệm của một vài anh em có vợ Huế khác”. Y Uyên gật gù. Không biết trong “vụ” này, cu cậu đã làm nhân vật tiểu thuyết đến đâu, được bao lâu?

“Hồi này đã hết sức tu thân, không hiểu các anh ở nhà có còn tiếp tục cái chuyện “coi như cho ăn mày...”

(Trích thư Tuy Hoà, 17-4-1967)

Hắn đến toà soạn và đòi đưa đi chơi. Chơi cái gì? Đang hẹn đến NĐT làm canh xì còm đây. Nghe thấy chữ “xì”, mắt hắn sáng hẳn lên. Gặp đồng đảo anh em quanh chiếu bạc, hắn mừng ra mặt. “Mòng đây, mòng mới từ Tuy Hoà về đây. Tây tấy xì, đi hai chục”. Anh em nhao nhao: “Hai chục rẻ quá, coi như cho ăn mày...” Hắn thích thú lối nói đó. Ra tới Tuy Hoà còn tiếc cái không

khí đó, cái không khí không thể nào có ở bất cứ một nơi nào khác, với bất cứ anh em bạn bè nào khác...

“Nhận được thư anh giữa lúc đang bệnh, lo bài gửi về sẽ không kịp đúng kỳ hẹn quá. Bây giờ viết hết được dòng cuối mới thấy mừng. Mừng như thoát nợ. Mừng hơn hết mọi lần khác. Mấy hôm trước cứ ân hận không biết rõ ngày số ra Nắng Hè ra nên lâm vào cảnh “cuối cùng vẫn phải viết”. Ngày hôm qua vừa đi mổ cái nhọt, từ nay mỗi sáng phải lên bệnh xá một lần, như vậy không mong gì tính chuyện về Sài Gòn. Lá thư vừa rồi của anh như có điều gì bất thường, đọc đi đọc lại vẫn không có được một giải thích hợp lý. Ở nhà có điều gì “kẹt” bất ngờ chăng? Đã định viết hỏi anh ngay hôm nhận được thư nhưng lại nghĩ phải viết bài trước đã, hậu tính. Giờ thì có thể nghỉ ngơi, mượn chuông về đọc và chờ thư anh...”

(Trích thư Tuy Hoà, 3-5-1967)

Mới đây nhận được bài của anh Trần Huiền An, tôi đã phì cười khi thấy anh nhắc lại chuyện đã làm cho Y Uyên thắc mắc trong thư dẫn trên. Tôi phì cười cũng như Y Uyên nói “buồn cười”. Số Nắng Hè tôi có ý định đăng bài của những anh em có mặt trên chiếu bạc nhà NDT hôm Y Uyên về chơi. Góp bài không đủ. Trong số người vắng mặt, có cả Y Uyên, mặc dù bị đau (phải đi mổ nhọt) vẫn cố viết bài gửi về mà không kịp kỳ báo. Cu cậu cố viết bài tuy đau, có phải tại vì đã “sợ” lời “đe dọa” của tôi? Nếu đúng thế, nghĩ thật tội nghiệp, tội nghiệp vì chuyện chỉ đáng “buồn cười”...

“Lộ xỉ, lộ hầu, tướng đi không chắc bước...tay này chết yểu...”, một nhà văn lão thành đã nói bằng quơ như thế, khi cụ nhìn theo Y Uyên lúc đó vừa bước ra khỏi cửa toà soạn.

Nghe lời vị túc nho cao niên nọ nói mà tôi bỗng rùng mình. Lúc đó Y Uyên đang thụ huấn trong quân trường. Tôi cố nói với một vài chỗ quen biết nhờ lưu ý để kéo cho hắn đi ngành. Tôi được trả lời là cứ yên chí. Vốn tính cả tin, tôi yên chí mãi. Mãi cho tới hôm hắn mãn khoá, về chơi nhà tôi, ngật ngưỡng nốc cạn ly cognac, chậm rãi ngã lưng vào thành ghế bành, rồi mới khặc khừ “em đi địa phương quân, anh ạ!”. Tôi bảo hắn nếu được chọn, chọn ngay vùng I cho tôi nhờ. Ít bữa sau, hắn ghé báo quán, cho biết đâu hắn được đi Côn Lôn, nhưng hắn tình nguyện xin đi Bình Thuận. Tôi xô ghế đứng lên, nói như quát: “cậu quên lời tôi dặn rồi à?”. Hắn nhìn tôi, nhìn thẳng vào mắt tôi, tia nhìn mới thanh thản và trong sáng làm sao, và hắn ấp úng: “tôi...tôi có duyên nợ với vùng duyên hải Trung phần lắm mà anh...”. Bữa đó tôi giận lắm, giận hắn, giận những người tôi đã cạy nhờ, giận tôi, giận tất cả, nên tôi để mặc hắn ra về mà không buồn dẫn hắn đi nhậu một bữa tiễn hành như đã dự trù từ trước. Duyên nợ? Hừ, duyên nợ cái mốc xì! Đại gái, hầu hết nếu không muốn nói tất cả những thằng con trai mới lớn đều đại gái. Tôi đã nghĩ về Y Uyên như vậy khi nhìn theo hắn leo lên chiếc xe lam ngừng bên mé đường bên kia rước khách...

Ít tuần sau, nhận được thư hắn báo tin nơi đóng đồn cũng nhàn, lại có an ninh, viết lách được nhiều, tôi cũng thấy người ngoai.

Ít lâu sau, chúng tôi được biết quân đội đã chiếu cố tới hắn. Một bưu điệp đã được gửi ra tiểu khu nơi hắn trú đóng, cho hắn nộp đơn xin chuyển về Sài Gòn. Chờ lâu chưa thấy hắn về, một nhà văn bạn lại xin với thượng cấp cho hắn được đặc cách chuyển về Sài

Gòn.

Tôi được tin văn hữu nọ đã lo xong mọi thủ tục cần thiết (việc gọi Y Uyên về Sài Gòn chỉ còn là việc thu xếp trong vòng vài ngày), ngay sau lúc một cú điện thoại khác báo tin Y Uyên đã từ trần, chiều hôm trước, tại Phan Thiết. Trả lời anh bạn văn tôi cố lấy giọng bình tĩnh: “Cám ơn anh. Có điều muộn mất rồi vì Y Uyên đã tử trận”. Đầu dây bên kia anh bạn văng tục và nói cao giọng: “Này, ông đừng hòng qua mặt tôi bằng lối đùa cợt bậy bạ đó...”. Như mọi người, anh không tin là Y Uyên đã chết. Anh chỉ tin điều đó vào buổi sáng hôm sau, khi anh, mặc quân phục, cùng mấy quân nhân khác đặt tay vào sợi dây chảo, từ từ thả chiếc quan tài bọc xác Uy xuống sâu trong lòng đất lạnh!

Tô Thuỳ Yên, xin cho tôi được cám ơn anh lần nữa. Con người ta sống chết, riêng tôi tin là có mệnh số. Riêng anh, anh đã lo lắng giùm Uy nhiều hơn là cho một bạn văn không thân thiết, với trọn vẹn tấm lòng thẳng thắn và đôn hậu. Tấm lòng đó làm anh khác hẳn với những người khác – những người miệng đã nói với chúng tôi nhiều điều nhân nghĩa, nhưng rút cục chỉ toàn là “đánh trống bỏ dùi”...Mặc dù tin nhắn thân nhân phải ra ngay nhận xác, nếu không sẽ không kịp; mặc dù tôi đã gạt hết mọi công việc, lao xe như bay lên Gò Vấp, báo tin cho gia đình Uy; mặc dù nước mắt đãứa ra... chính tôi, tôi vẫn chưa tin là Uy đã chết. Chết, Tại sao lại chết, trong lúc biết bao người chăm lo cho mạng sống của Uy? Biết bao nhiêu người chạy theo kim đồng hồ, cố kéo Uy về chốn an toàn?

Kỷ niệm của tôi về Y Uyên thật ít (một vài lần dẫn nhau đi ăn nhậu, đánh bài, du hí; một vài lần hấn đi phép ghé

nhà tôi “tắm một cái rồi thay đồ, vào trường cho khỏe”... có đáng gọi chăng là kỷ niệm?) nhưng tôi thật tình quý mến Y Uyên.

Tôi coi Y Uyên như em. Tôi đã làm tất cả những gì có thể làm cho Y Uyên nhà văn, Y Uyên chuẩn ụy. Việc làm của tôi có thể không có kết quả, hoặc kết quả chỉ đến quá muộn màng, quá chậm. Giờ đây, tất cả những gì tôi còn có thể làm cho hắn, ấy là tôi nghĩ thế, là thu nhặt những gì hắn đã viết rải rác đem in thành sách. Những cuốn sách đó có chịu đựng được sự thử thách của thời gian không, đó là một việc. Đối với riêng tôi, việc in chúng ra là việc cần làm. Tôi sẽ làm (*). Và tôi thiết tha mong mỗi anh chị em khắp nơi để tâm giúp đỡ tôi trong công việc đó. Không phải vì tôi, hắn thế, mà vì bạn của chúng ta, vì Y Uyên .

Trần Phong Giao
(17-4-1969)

(*) Anh Trần Phong Giao đã giữ lời hứa trước vong linh Y Uyên, đã in tiếp hai tập: **Đuốc sậy** và **Có loài chim lạ**, với sự trợ giúp của Nguyễn Lệ Uyên và Mang Viên Long sắp xếp bản thảo (TQBT)

THÀNH VĂN

(...Văn của Y Uyên bình thản hơn. Anh mô tả chiến tranh qua cái bóng đen của nó trùm phủ lên cuộc sống. Nhân vật của Y Uyên là những người dân, đa phần là nông dân, và những đứa trẻ, con của họ. Những đứa trẻ có thể là học trò

của anh. Chúng vừa đi học vừa chạy loạn, vừa phải giúp cha mẹ kiếm sống. Nhân vật của Y Uyên còn có những cô gái bán “bar”. Họ từ nông thôn bị chiến tranh dồn đuổi, giạt về thành phố. Để tồn tại, họ phải đêm đêm phấn son, đến quán rượu ngồi trên đùi lính ngoại quốc...).

ĐÔI ĐIỀU VỀ Y UYÊN

(Tùy bút)

Thực lòng mà nói, đối với Y Uyên, nhiều khi tôi không biết phải tự coi mình là người thế nào. Có nhiều lý do để tôi băn khoăn về điều ấy. Thời gian tôi quen biết anh không lâu. Những lần gặp nhau chuyện trò cũng không nhiều. Cả hai cũng chưa hiểu về nhau nhiều lắm. Lúc không còn ở gần nhau, chúng tôi cũng chẳng một lần thư từ hỏi han nhau. Từ trước đến nay, có người nào hỏi tôi về Y Uyên, tôi cũng chỉ nói tôi có quen biết anh. Thế thôi.

Vậy mà, sau này thỉnh thoảng tôi vẫn nhớ đến anh, vẫn nghĩ về anh, vẫn mường tượng ra khuôn mặt anh, cái dáng người gầy gầy và cái cử chỉ anh lơ mơ ngồi hút thuốc. Giờ đây, đã ba mươi lăm năm trôi qua kể từ ngày anh nằm xuống, tôi vẫn thỉnh thoảng nhớ đến anh. Mà không phải chỉ riêng tôi, những người không phải thân nhân ruột thịt còn nhớ đến anh. Tôi biết còn rất nhiều người nhớ đến anh. Người ta nhớ đến anh như người Mỹ nhớ đến Richie Valens của bản La Bamba bất hủ. Tôi thành thật xin lỗi nếu như sự so sánh này không hoàn toàn chuẩn xác. Nhưng thiển nghĩ, ngoài tài năng, con người ta còn hưởng thành quả rất nhiều từ sự may mắn. Richie Valens may mắn sinh ra ở một quốc gia rộng lớn

và giàu có là Mỹ, ông là ca nhạc sĩ. Còn Y Uyên sinh ra ở một nước nhược tiểu, đã nghèo khó còn chiến tranh liên miên và anh là nhà văn. Richie chết khi sự nghiệp đang lên. Y Uyên chết khi tài năng đang nở rộ, sung mãn.

Số phần anh không may. Quê hương anh bầm dập trong chiến tranh, tảo tơi trong hòa bình. Sự phân hóa trong lòng người khiến người ta không còn tâm trí đâu để nghĩ đến anh. Nhưng anh, một trong những chứng nhân của cuộc chiến. Sau này lịch sử văn học có thể sẽ có lúc cần đến những tiếng nói của anh qua những gì anh để lại cho đời.

Bài viết này không phải là một bài sưu khảo về một nhà văn. Không, tôi không đủ khả năng để làm chuyện ấy. Tôi chỉ muốn góp một phần nhỏ nhoi của những gì tôi biết về anh, để bức chân dung bạn bè vẽ anh thêm được nét nào hay nét ấy.

Tôi không phải bạn thân của anh. Nói là bạn cũng được. Bảo là người quen có lẽ đúng hơn. Bởi, đã gọi là một tình bạn thì ít ra người ta cũng phải giao tiếp với nhau nhiều, hiểu về nhau kha khá. Đến với nhau chia sẻ trong những lúc vui buồn. Một vài lần ngồi ăn với nhau, hay ít ra cũng những lần ngồi với nhau bên một ly cà phê. Anh và tôi chưa có cả những lần như vậy. Hơn nữa, trước đây cũng như hiện nay, tôi rất sợ phải gắn cái tôi của mình vào tên tuổi của những người đã có tiếng. Tôi rất sợ bị người khác hiểu lầm chuyện ăn theo danh giá người khác. Lúc quen biết anh, Y Uyên đã là một nhà văn. Còn tôi, mới ở cái giai đoạn mà như nhà văn Nguyễn Thụy Long gọi, của cái “thửa mơ làm văn sĩ”. Trong bài viết “Lạc đường vào văn học” (LĐVVH) tôi đã có viết sơ qua về anh. Lúc đó tôi đến với anh như một độc giả

ngưỡng mộ một nhà văn. Tôi chẳng có tư cách gì để trở thành bạn văn của anh. Còn một tình bạn thông thường thì cũng cần một số những điều kiện tối thiểu để có được cái chính danh. Qua những sự kiện tôi sẽ viết sau đây, tôi không biết chúng tôi ở bên này hay bên kia ranh giới của “bạn bè” và “người quen.”

Tôi gặp Y Uyên lần đầu tiên ở Tuy Hòa, cái thị xã nhỏ xíu ở một tỉnh cũng nhỏ xíu ở ven biển miền Trung. Tuy Hòa nhỏ, nhưng sạch sẽ ngăn nắp. Dân tình hiền hòa, chí thú làm ăn. Tuy Hòa có hai địa danh nổi tiếng nhiều người biết : Tháp Nhạn và núi Cháp chà, một ngọn núi đơn độc mọc lên giữa giải đồng bằng hẹp tạo nên phần đồng bằng của tỉnh Phú Yên. Cháp Chài, con mắt thiên nhiên hướng nhìn lên đỉnh Đá Bia trên đèo Cả thuộc dãy trường Sơn. Những hôm trời mây thấp, trên đỉnh núi bao phủ một vầng mây. “ Cháp Chài đội mũ, mây phủ Đá Bia”. Thị xã nằm vây bọc quanh chân núi Tháp Nhạn, một ngọn núi nhỏ hơn nhiều về phía Nam. Tuy Hòa có sông Đà Rằng, mà vừa rồi một chiếc cầu dài nhất miền Trung mới được khánh thành, bắc qua. Tuy Hòa cũng có đập Đồng Cam nổi tiếng, có hình trên giấy bạc của miền Nam trước đây.

Y Uyên sau khi tốt nghiệp trường Sư Phạm Sài-gòn anh ra dạy tại thị xã Tuy Hòa. Anh sống trong một căn nhà nhỏ dưới chân núi Tháp Nhạn. Căn nhà theo tôi nhớ được, có khung cửa sơn màu xanh nước biển. Tại căn nhà đó tôi có đến thăm anh vài ba lần.

Tuy Hòa nhỏ thế, nhưng lại có sinh hoạt văn học nghệ thuật không thua kém gì hai địa phương lớn hai bên; Nha Trang, Bình Định. Nhiều nhà văn nhà thơ xuất thân từ đó, trong đó có Y Uyên. Một vài tên tuổi khác như Trần

Huyền An, Nguyễn Lê Uyên, Mang Viên Long, Phạm Cao Hoàng... và Phan Long Yên (sau này) cũng là dân Tuy Hòa, Phú Yên.

Một lần đến thăm một cô bạn, tôi gặp Y Uyên cũng ở đó. Lúc đó tôi chưa biết anh. Thấy anh có vẻ ít nói, lúc anh ra ngoài, tôi khen với cô bạn : “ Anh gì bạn em trông hiền nhỉ !” Cô ta bảo : “ Không hiểu sao hôm nay anh ít nói. Chứ những lần khác anh nói dữ lắm, chứ hiền gì”. Tôi đùa bảo, chắc kỳ “giờ ” lính. Cô bạn bảo “ không đâu, mắc gì.”

Sau đó, tôi biết tên thật của anh là Nguyễn Văn Uy, biết anh là nhà văn, nên nể anh lắm. Về tuổi đời Y Uyên thua tôi một tuổi. Qua vài lần chuyện trò anh biết tôi dân Đà Lạt ra, nên cho tôi biết anh cũng có một người anh làm Huấn luyện viên tại trường. Ông anh tên là Nguyễn Văn Tạo. Ông Tạo (lúc đó mang lon đại úy) là thầy dạy khoa chiến thuật cho khóa tôi. Trong một dịp gặp đại úy Tạo tôi nói có quen Uy, ông Tạo gửi một lá thư nhờ tôi mang tay tới nhà. Có lẽ đây là nhã ý của ông muốn tôi và Uy trở thành bạn. Nhờ lần đưa thư, tôi biết nhà Uy. Từ đó thỉnh thoảng vào những lần về nghỉ, sau những cuộc hành quân, tôi ghé thăm anh.

Đến thăm Uy, hai đứa tôi, dù cùng suýt soát tuổi nhau, cùng dân Bắc kỳ di cư, nhưng cũng không có chuyện gì nhiều để nói. Có đôi khi Y Uyên hỏi tôi về trận mạc. Có thể anh chỉ hỏi cho có, cũng có thể anh muốn có thêm chất liệu cho những bài viết của mình. Vài lần tôi cũng có rủ anh đi uống nước, nhưng anh từ chối, ngại cỡ bạn. Mà có lẽ anh bận thật. Ngoài giờ đi dạy chắc có lẽ anh chỉ ngồi nhà để viết. Lúc đó, anh đang ham viết hơn tất cả những thứ khác. Sức viết của anh đang sung mãn, nên

anh muốn tận dụng khoảng thời gian này. Trong vòng ba năm, từ năm 66 đến năm 69 của thế kỷ trước, vừa đi dạy vừa viết, anh cho ra đời sáu tập truyện. (Vì không thân, nên không nắm vững, trong bài LỘVVH tôi viết “ khi mất, anh mới cho ra đời một tập truyện”).

Y Uyên có tật ghiền thuốc lá. Anh hút rất nhiều. “ Gu” của anh là loại thuốc Bastoz xanh. Anh hút gần như liên tục, hết điều này đến điều khác. Hút đến môi thâm xì. Không biết anh có uống rượu hay cà-phê không. Những lần đến thăm anh, tôi chỉ thấy anh uống nước trà. Nghệ sĩ nói chung, văn thi sĩ nói riêng, thường hay ghiền một thứ gì đó; cà phê thuốc lá, rượu chè...có khi cả thuốc phiện, nhất là các nhà văn tiền chiến. Họ cần những chất kích thích ấy để tạo “ yên-sĩ-phi-lý-thuần” (hứng).

Hồi đó, ở vùng tôi đóng quân, có hai nhà văn đã có tiếng là Y Uyên và Trần Hoài Thư (THT). Trần Hoài Thư là lính, Y Uyên là nhà giáo. Cuộc sống có phần nào ảnh hưởng đến văn phong của mỗi anh. Văn của Trần Hoài Thư mạnh, nóng, sôi nổi như cuộc sống anh đang đắm mình vào, chiến trận. Trong truyện của THT người ta nghe thấy nhiều tiếng nổ, ngửi thấy mùi khói súng, mùi tanh của máu. THT mô tả chiến tranh trực diện. Những nhân vật của THT chạy nhiều hơn đi. Đôi khi họ chửi thề, vì họ là lính.

Văn của Y Uyên bình thản hơn. Anh mô tả chiến tranh qua cái bóng đen của nó trùm phủ lên cuộc sống. Nhân vật của Y Uyên là những người dân, đa phần là nông dân, và những đứa trẻ, con của họ. Những đứa trẻ có thể là học trò của anh. Chúng vừa đi học vừa chạy loạn, vừa phải giúp cha mẹ kiếm sống. Nhân vật của Y Uyên còn có những cô gái bán “ bar”. Họ từ nông thôn bị chiến

tranh đồn đuổi, giạt về thành phố. Để tồn tại, họ phải đêm đêm phẩn son, đến quán rượu ngồi trên đùi lính ngoại quốc. Qua hai tác giả, chiến tranh mang hai bộ mặt khác nhau, nhưng đều bi thảm như nhau.

Y Uyên ở hậu phương, anh có nhiều thì giờ hơn. Cuốn “Tượng đá sườn non” nhà Thời Mới in năm 1966. Tác phẩm sau cùng “Đuốc sậy”, Văn Uyển xuất bản năm 1969, có lẽ sau khi anh đã nằm xuống. Sáu tập truyện chưa phải là nhiều, nhưng cũng đâu có ít. Hơn nữa, sự nghiệp của một nhà văn, một nhà thơ đâu chỉ tính bằng số lượng tác phẩm. Có người chỉ có dăm ba bài thơ, nhưng tên tuổi sống rất lâu. Cho đến nay chưa có ai đánh giá toàn bộ sự nghiệp của Y Uyên cả. Thời đại của anh có thể vì lý do này lý do khác, người ta không nhìn đến anh. Nhưng các thế hệ sau, khi nhìn lại toàn cảnh thời đại của chúng ta, với cuộc xung đột nổi da xáo thịt bi thảm nhất của dân tộc, chắc chắn họ sẽ không bỏ sót anh, bởi anh là một trong những chứng nhân còn để lại tiếng nói. Văn nghiệp của Y Uyên có thể không chỉ có thế. Di cảo của anh còn những gì ? Hy vọng thân nhân của anh sẽ thu thập lại để một ngày nào đó đưa ra góp mặt với đời. Mong lắm.

Đời lính, rày đây mai đó, khi không còn đồn trú tại Tuy Hòa nữa, tôi cũng không còn liên lạc với anh. Không liên lạc với anh, nhưng tôi vẫn để tâm nghe ngóng tin tức về anh. Sau đó tôi nghe anh cũng vào lính. Cuộc chiến chẳng tha ai cả. Tôi nghĩ đáng lẽ những người như anh không nên ra mặt trận. Cầm cục phấn đứng trước bảng đen, cộng thêm cây bút trong tay, anh có ích cho đất nước hơn. Nhưng mà thôi. Mọi chuyện đã qua rồi. Nhắc lại chỉ mang tiếng oán than, đổ thừa này nọ. Y Uyên đã

sống, đã viết, đã nằm xuống cho vùng đất anh sinh sống. Nhưng rồi chính cái vùng đất ấy cũng kiệt sức, không sống nổi.

Hôm nay, ngồi viết lại những gì tôi biết về anh. Tôi chỉ muốn hạn chế bài viết vào những gì tôi biết về anh. Như đã viết ở trên, bạn bè, độc giả, những người yêu mến anh không quên anh, cũng muốn những gì anh đóng góp cho đời không sớm chìm vào quên lãng, nên cố thu thập những tư liệu về anh, cố vẽ lại bức chân dung của một văn tài chết trẻ. Những gì tôi biết về anh quá ít ỏi. Nhưng hy vọng thêm được nét nào trong bức chân dung ấy càng hay. Y Uyên, một ngôi sao sớm tắt. Gội như thế có gì quá đáng không ?

Bloomington, cuối Thu 2004



NHỮNG TRUYỆN NGẮN CỦA Y UYÊN

Nhân ngày giỗ thứ 36 của nhà văn Y Uyên. Tạp chí TQBT chúng tôi đã email về trong nước, nhờ bạn bè, xem ai có còn giữ lại những tờ báo cũ đã đi truyện ngắn đầu tiên và cuối cùng của anh. Có như thế, để chúng tôi, dù mới chỉ làm có một phần “ tổng quan” về những tác phẩm mà anh Y Uyên đã viết. Để chúng ta thấy lại từ lúc khởi đầu sự nghiệp văn chương của anh, cho đến ngày anh nằm xuống.

Và, những bạn bè trong nước đã:

...Khi lật tung đóng sách báo cũ mấy năm liền giấu kín trong các thùng carton để tìm chút tư liệu, sáng tác của Y Uyên, chúng tôi chỉ tìm thấy được một số ít truyện ngắn đã in thành tập và rải rác trên Văn, Bách Khoa; còn hầu hết đều đã thất

lạc từ biển cổ 1975, phải tìm đến những nơi cần đến để sao lục, photo. Tuy vậy cũng không thể đầy đủ như mong muốn. Một buổi trưa nọ, người bạn chúng tôi, sau khi hoàn tất những công việc cuối cùng cho số báo này (TQBT 18), anh đang nằm lơ mơ trên phảng gỗ, thì nghe như có lời thì thầm rất xa mách bảo. Bạn chúng tôi, ngồi bật dậy, lật lại từng tờ Văn, Bách Khoa còn giữ được (đa phần bị một sách đục nát) và tìm thấy truyện ngắn đầu tay **Niềm An Ủi Cuối Cùng** và di cảo **Cao Nhất** của Y Uyên.

Truyện trước, (NAUCC) đăng trên **Bách Khoa số 149** ra ngày 15-3-1963 và di cảo cuối cùng trên **Văn 123+124** số đặc biệt Xuân 1969.

Hình như, Y Uyên bên côi đời khác đã cảm thông với công việc làm của chúng tôi, nên đã mách cho người bạn chúng tôi tìm thấy những tác phẩm đầu và cuối của anh, (những sáng tác của Y Uyên, chúng tôi sẽ tập hợp lại để in thành sách trong nay mai, như một nén nhang thấp lên trong ngày giỗ lần thứ 36 của anh)

Từ truyện đầu tay đến truyện cuối cùng chỉ cách nhau 6 năm, thời gian quá ngắn đối với một nhà văn như anh, nhưng lại chứng minh được một điều, như nhận định của anh Trần Phong Giao về Y Uyên khi lục đăng bài lai cảo **Cao Nhất** trên Văn số mùa xuân 1969 “... những tác phẩm đầu đã mang theo đầy đủ hứa hẹn về một tương lai sáng lạn, một giá trị vững bền...” .

Nhưng, trước khi đi lại hai cái truyện ngắn: **BÃO KHÔ** và **TIẾNG HÁT CỦA NGƯỜI GIỮ CẦU** của Y Uyên. TQBT xin đi lại một đoạn văn ngắn mà anh đã trả lời phỏng vấn trên TIN SÁCH tháng 7 năm 1966.

Y Uyên

ĐI TÌM CÁI ĐẸP CHO TÁC PHẨM

(Nhan: do TQBT đặt)

*“Có những cảnh bi thảm trong thực tế, không làm sao tôi mô tả nổi ! Nhiều khi tôi vẫn phải lúng vào những cảnh quá bi thảm mình đã thu nhận được trong thực tế, những nét đẹp. Chữ bi thảm quá như trong thực tế thì không sao tôi viết nổi. Thú thật tôi chưa bao giờ có can đảm phết đen nguyên một tác phẩm. Chưa bao giờ cả ! Mà bao giờ tôi cũng lúng vào đấy một nét đẹp, để mình có thể chấp nhận nó. Chẳng hạn như trong truyện **Tiếng Hát Của Người Gác Cầu**, tôi tả lại chuyện một người Dân Vệ gác cầu trên sông Đà Rằng (Tuy Hoà) khi sông nước lũ. Anh ta thấy một con bò chết trôi tấp vào chân cầu. Anh ta lội ra cắt một miếng thịt ôm vào người sắp sửa lội trở vào, thì quần anh ta quần vào dây thép bao quanh cầu, nước nhận anh ta chết tại chỗ. Sự thật là vậy đó, nhưng tôi không dám cho anh ta chết trong tác phẩm, mà dừng lại ở chỗ anh ta lội ra để cắt thịt bò...Ngoài ra, cũng còn một lẽ nữa là có những thực trạng bi thảm, nếu mình tả đầy đủ quá, sự thật ấy sẽ làm đụng chạm nhiều cơ quan địa phương, như chuyện anh Dân Vệ bỏ gác, lội sông cắt thịt bò, đến nỗi bị chết chìm, chẳng hạn... Và có nhiều sự thật ngoài đời, mình không dám đưa vào tác phẩm, như trong **Mùa Xuân Qua Đèo** tôi đành phải bỏ câu nói này của một người đàn bà nhà quê than: **Chiến tranh đã mấy chục năm mà sao mình không làm quen được như mình đã từng quen với khổ cực** v...v...”*



BÃO KHÔ

Chợ ở khúc quẹo của con đường dẫn từ ngoài lộ vào giữa làng. Ở chợ nhìn ra, mặt lộ cao bằng những mái tranh lụp xụp dưới chân lộ. Con đường chạy lên lộ mấy năm trước lụt bị nước phá bây giờ lớn ngổn những cục đá xanh. Những chiếc xích lô đón lính Mỹ lắc qua lắc lại vất vả mới vào tới chợ. Buổi sáng chợ họp lẫn ra cả ngoài đường, trên lộ nhìn xuống thấy một hàng dài những người quần áo đen nón lá san sát lấp lánh. Trưa đến, trên đường thỉnh thoảng mới có một chiếc xe xích lô buông mui dập dình hoặc một chiếc xe nhà binh sao trắng ầm ỉ chở nước xuống bãi cát bên kia con đường làng.

Trời cao nắng bỏng mặt đá ra đường lộ, mặt cát đường trong làng. Bụi cuốn từng cơn đột ngột xoay tròn trên đường, tan vào bụi tre rậm. Chợ trống trơn mái tôn mới sáng loá. Mấy con chó lẩn quẩn trong chợ, lưỡi thè ra thở. Trước mặt chợ, sát bên đường, một dãy lều tranh mái lốm đốm hoa sầu đông màu tím nhạt. Có vài người

đàn bà ngồi bán những mẹt mận, ổi choắt choeo, bán bánh, đồ uống. Mấy chiếc xe xích lô quay đít ra chiều gió, đậu rải rác dưới những bóng cây. Những người phu xe nằm trong lòng xe vẫn thuốc hút hoặc ngủ lơ mơ. Đối diện với dãy lều, bên kia đường, tấm bảng gỗ hình mũi tên chỉ vào một mái nhà lợp rạ sau bụi tre với mấy chữ nguệch ngoạc “Laundry number one” chốc chốc lại khua lúc lắc lưng chừng một thân cây gòn cụt ngọn. Đường làng bên hông chợ mất hút sau những rặng cây trùng điệp. Bên kia đường, dưới sâu là bãi cát với làn nước cuối dòng sông tù hãm lấp lánh, với những chiếc xe sao trắng bên những chiếc lều màu cỏ thấp sát mặt đất bên những ruộng mía xanh non mới mọc. Một chiếc xe ba bánh bán giải khát có mui viền tua vàng rực rỡ, thùng xe kẻ đầy những chữ “Refreshment” nép khuất vào một bụi tre trên con dốc xẻ xuống bãi cát. Gió thổi từ bờ bể xa về lâu lâu lại ào lên như một hơi thở hắt.

Từ một lối rẽ sau rặng cây trùng điệp, một bọn học trò con trai con gái hiện trên đường làng. Chúng đeo trên vai, xách trên tay những gà mèn, những mo cơm, vừa đi thơ thẩn, vừa đọc cho nhau nghe những lời sấm truyền về tai hoạ sắp xảy ra ở vùng này. “Ngày hai mươi ba tháng ba năm Bính Ngọ tới đây kể từ lúc trắng lên khỏi đám mây ngũ sắc ngoài mặt biển, trời đất không còn ngày đêm. Bốn phương mờ mịt âm u, ngang trời có khói màu đen bay tới đâu nghe có tiếng than khóc tới đó, núi phía tây tình tú sa xuống tận mặt đất bốc cháy thành lửa. Cây gai lười long thấy lớn lên gấp năm gấp sáu mọc chật đường, chật ngõ, bông gai thấy thấy nở thành bông lan, người tu hành mới hửi được hương thơm. Gà không còn gáy, chó không còn sủa, ngoài đường đầy beo cạp yêu tình. Kẻ ăn chay làm lành thì biết đóng cửa ở trong nhà,

kẻ không tin thần tin quỷ thì chẳngặng ngôi yên, lòng như có than hồng lửa đỏ, ra đứng trước nhà mà chịu chết thảm. Như kẻ nào mà đọc được lời dạy này biết sao thành ba bốn đưa cho người khác thì cũng đỡ phần tai họa”.

Bọn trẻ kéo ra tới chợ, vào những túp lều bỏ trống dỡ cơm ra ăn. Mấy con chó lại gần chúng ngồi thè lưỡi châu chực. Ăn xong chúng xúm lại bên đứa trẻ có tờ sấm ngồi bệt xuống đất vây quanh một cái phản bán hàng lâm râm đọc và cầm cùi chép. Những cơn gió ào lên đứt quãng bị bờ tre bên kia đường cản lại nhưng vẫn thổi rất được mấy ngọn sâu đông bên này. Những tờ sấm trên mặt phản gỗ trong lều rắc đầy những hoa tím nhạt. Vài đứa chếp xong ép giấy sấm vào sách vở lại mấy gian lều bán hàng phát cho mấy người đàn bà, ra đường bịt mũi giả tiếng Mỹ làm mấy người phu xe choàng tỉnh, đưa sấm cho họ. Chỉ còn người bán giải khát bên cái xe ép vào bụi tre trên dốc cát. Chúng uà chạy tới, đứa nọ sợ đứa kia giành mất. Người bán nước bỏ đi đâu, chiếc xe thì đầy bụi, lớp tua vàng viền bên mui thì đập phần phật. Thấy một thằng bé ôm một mẹt hành đứng vợ vẫn nhìn xuống trái lỉnh dưới bãi cát, bọn trẻ nhào tới. Thằng bé giật mình quay lại hai tay vòng chặt quanh mẹt hành. Một đứa con trai gỡ bàn tay nó ra nhét tờ giấy vào, một đứa con gái sẽ sàng đặt tờ giấy trải rộng lên mặt cái mẹt. Thằng bé hốt hoảng vứt mấy tờ giấy xuống mặt dốc:

-Tôi không biết chữ, không đọc được truyền đơn.

Đứa học trò con trai chạy lượm tờ giấy chìa trước mặt thằng bé:

-Mầy không đọc được thì mang về cho cha mầy đọc, lời thần dạy mà mầy.

-Tôi không có cha.

-Mầy nói láo. Bộ gà vịt chúng đẻ ra mầy chắc?

-Tôi cũng có cha mà cha tôi chết rồi.

Thằng bé vừa nói vừa ôm mẹet hành đi. Đứa học trò chạy theo nhét vào túi áo nó. Thằng bé dừng lại nhìn mấy đứa học trò, có vẻ không hiểu. Bộ mặt chấy nắng của nó ửng lên. Nó móc túi vứt tờ giấy xuống đường:

-Má tui cấm không được lượm giấy lạ về nhà.

Mấy đứa học trò nhao nhao bảo nhau:

-Thằng bán hành phách lối.

Đứa học trò lượm tờ giấy rồi chỉ mặt thằng bán hành.

-Có thiệt mầy không cầm?

Thằng bé bán hành nhìn bọn trẻ, giọng bối rối:

-Má tui cấm không được lượm giấy lạ về nhà.

Đứa học trò bật lên một tiếng chữi, cả hai bàn tay móc vào mẹet hành giặt xuống. Những củ hành vỏ tía, những trái ớt, trái chanh rơi vung vãi bắn vào bụi tre, lẫn xuống dốc cát. Mất thằng bé bán hành mở lớn, môi cắn chặt. Nó nhào sang bên kia vệ đường, lượm một cục đá. Lúc ngẩng lên, nó thấy bọn trẻ bên này đứng rải rác bên những bó hành. Đứa học trò gậy với nó đá vào cái mẹet trở sang:

-Mầy mà chơi đá, tui tao bẻ gãy cẳng, giậm nát cái đồng hành nầy. Chơi thử coi.

Thằng bé bán hành lưỡng lự trông sang, tay vẫn nắm chặt cục đá. Bên nầy, bọn trẻ nhìn nhau cười. Một đứa vạch quần tiểu trên những bó hành. Thằng bên kia nhìn ngược nhìn xuôi. Thấy từ phía đầu đường có một người đi lại, nó cầm cục đá chạy sang húc đầu vào bụng thằng học trò cầm đầu. Đứa học trò bất ngờ lộn nhào xuống dốc nhưng những đứa kia đã xúm lại. Thằng bé bán hành

bị đè xuống đất, cục đá nơi tay bị đánh văng đi. Những quả dấm đập tới tấp trên mặt nó. Đứa học trò từ dưới dốc nhảy lên lượm lấy cục đá nhào vào:

-Đập nát ống chân nó ra nó mới sợ.

-Để tao tiểu lên mặt nó coi nó làm gì tao.

Một đứa khác kêu. Người mà thằng bé bán hành thấy ở đường đã đi tới. Đó là một người lính râu lởm chởm, lệch vai. Bọn trẻ thấy có người vội vàng ùng ùng bỏ chạy. Thằng bé bán hành chống tay ngồi dậy nấc lên khóc. Người lính dừng lại hỏi:

-Chuyện gì đó?

-Tụi nó muốn bẻ gãy cẳng tôi.

Người lính cúi xuống nhìn những vết sưng trên mặt thằng bé. Anh ta dùng hai tay mở nút áo nó, nhìn vào trong xem xét rồi sờ nhẹ lên hai cẳng nó:

-Có nhức không?

-Không.

-Vậy thì chưa hề gì.

Người lính kéo ống quần lên, rút trong ống quần một lưỡi dao sáng loá, một tay đỡ lấy ót thằng bé, một tay cầm dao lấy sống giập giập trên những vết sưng nơi mặt nó. Thằng bé nhắm mắt lim dim. Thỉnh thoảng lại nhăn mặt, rên nho nhỏ. Nó thuật lại chuyện cho người lính nghe. lát sau, người lính nhét dao vào ống giấy, cúi xuống ôm lấy hai bên nách nó đưa người nó đứng lên. Nó khập khiễng xuống dốc lượm lần những quả chanh, quả ớt, bó hành.

-Không hề gì mà.

Người lính nói và đứng sát vào bóng tre.

-Mày ở làng này?

-Tôi ở làng Hoà Mỹ.

Người lính nhìn xuống những túp lều dưới bãi cát như tìm kiếm.

-Mấy tới đây chi?

-Đổi hành cho lính Đại Hàn lấy đồ hộp, thuốc hút rồi bán lại cho mấy người trong chợ. Bữa nay cấm không được tới hàng rào tới giờ vẫn không có người đổi.

Người lính trở xuống bãi:

-Dưới này cũng có Đại Hàn?

-Đại Hàn ở đồn ngoài lộ.

Người lính thè lưỡi liếm hai bên ria mép, bật nút áo ngực kéo cổ áo ra sau gáy, ngoắt tay ra gãi. Dáng người lệch vai của anh ta nhích mãi xuống bờ dốc cát, bóng anh ta nhích dần ra khỏi bóng tre. Thăng bé bán hàng ngừng lên tò mò nhìn anh ta. Dường như anh ta vừa cất tiếng chửi tục. Anh ta móc túi lấy một điếu thuốc ngậm miệng, vừa quẹt lửa vừa lùng bùng hỏi:

-Nghe nói ở đây có chiếc xe đồ Vạn Hưng bán đồ uống cho Mỹ mà sao không thấy?

-Bữa nay chưa thấy tới.

Người lính nhìn thằng bé lê trên mặt đất với cái mẹt trước mặt.

-Mầy có biết mấy người con gái bán trong xe đó không? Thằng bé lắc đầu chỉ cho người lính thấy vùng đất bên dưới dốc ngổn ngang những vệt bánh xe.

-Làm sao thấy mà biết. Cửa xe có vải đỏ che kín, đậu dưới đó ai mà dám xuống.

-Con đi.

Tiếng người lính nguyên rửa giận dữ. Anh ta bỏ đi vào phía chợ. Bọn học trò ngồi chếp sấp trong lều thấy anh ta, tản mát đi chỗ khác. Trời nắng gay gắt. Anh ta toan vào cái quán đầu dãy, thấy có người đàn bà chít khăn

tang ngồi đó, lại bỏ sang căn lều có mấy người ngồi nhậu với bánh trắng. Điều thuốc trên miệng anh ta bốc khói hỗn loạn. Tay anh ta luôn luôn ngoắt ra sau gáy gãi sồn sột. Anh kêu cà phê phin. Người đàn bà áo dài đen bán quán cười nói không có. Anh ta lắc đầu chán nản, kêu la de, mặt hếch lên nhìn một gã lính Mỹ da đen cao lớn bụi bặm ngồi phơi nắng trên bậc gạch cửa chợ cúi đọc những chữ số trên những tờ giấy bạc Việt Nam, đếm tiền. Người đàn bà đặt ly la de trước mặt, anh ta cầm lên lắc lắc rồi cau mặt hỏi:

-Sao không có đá?

Người đàn bà cười xoa hai tay:

-Dạ hồi này đá hiếm lắm, không có mua được. Anh vui lòng uống đỡ.

-Không có cà phê, không có đá, không có chi ráo cũng bày đặt bán giải khát.

Người lính cầu nhậu rồi chỉ chai rượu đế:

-Cho một sị pha uống đỡ vậy. Ai mà uống la de không đá. Tôi đâu phải là người không rành chuyện ăn xài. Thằng này đã từng uống huyết-ky Mỹ rồi mà.

Một ông già trong mấy người ngồi ăn bánh trắng cười bả lả đặt một miếng bánh trước mặt người lính:

-Ăn miếng bánh, chú. Chú từ miệt trên xuống đây có nghe gì về vụ mìn nổ hôm trước ở bờ sông. Nghe nói có người mất chân, mất tay, mò hoài không thấy?

Tiếng ông già nói lớn làm người đàn bà chít khăn tang ở quán đầu dãy nhìn sang. Người lính vươn cổ gãi không đáp. Từ phía dốc cát, một người lính Mỹ da cổ đỏ vằn, quần áo đầy cộm rộng thùng thình dắt thằng bé bán hành vào quán có mấy người đàn bà khăn tang. Người lính kéo hai chiếc ghế dưới gầm bàn, ngồi đối diện với thằng

bé. Ở bên này, ông già vẫn cười bả lả với người lính lệch vai. Ông nói với anh ta những thiếu sót của quán giải khát miền quê, nói mình muốn cất một cái quán hàng hoàng ở đây mà quận không cho phép.

-Từ ngày quân đội đồng minh tới đây thiếu gì những người muốn cất quán mà không được. Chỉ có chiếc xe đồ Vạn Hưng là tự do hốt bạc. Thiệt là một thứ phòng ngủ lưu động. Giang hồ lãng mạn quá mà.

Người lính chằm chằm ngó ông già nghe ông nói. Anh ta hỏi:

-Sao bữa nay chưa thấy tới?

-Có khi chiều mới được phép xuống, chiều mới thấy tới.

Người lính co chân lên gãi rồi cầm ly la de pha rượu để uống một hơi lớn. Anh ta bắt đầu nói nhiều với ông già. Giọng người Mỹ ở bên kia kêu “giỏi ôi” vọng sang. Thăng bé bán hàng mặt nhô khỏi mặt bàn ngồi trước người Mỹ yên lặng nhai bánh. Trước mặt nó là một đồng lá với một ly cam tươi. Trước mặt người Mỹ là một ly la de lớn và vòng tay lông lá của anh ta. Anh ta nếu không đột ngột kêu “giỏi ôi” với nó thì yên lặng dựa vào lưng chiếc ghế mây, vòng tay nhìn nó ăn. Có lúc thăng bé cười rồi liếc nhìn thấy anh ta không hưởng ứng. Mặt anh ta lúc đó tỉnh như một người ngủ mở mắt.

Người lính lệch vai càng uống càng ồn ào, yếu đuối. Về gây gổ của anh lúc mới tới mất dần khi thấy mấy người trong quán chú ý nghe chuyện của mình. Anh ta nói vợ anh ở trên chiếc xe đồ có che màn đỏ đó. Anh tới đây để đâm nó chết. Hồi mới cưới, vợ anh không bao giờ làm mẹ con anh phiền lòng. Trong nhà không có chuyện gì nó không biết, không lo. Nó thuộc cả từng sợi tóc sâu trên đầu má ảnh, lấy than viết lên tường ghi cả ngày gà

khởi áp. Nhưng lần lần những sản sóc, chăm lo của nó thành những lời thôi thúc âm thầm muốn anh phải như thế này, thế nọ. “Nó luôn luôn muốn hơn thế nữa”. Những ngày anh đồn trú ở ngoài quận địa đầu tỉnh, anh nghe nó thường theo những người đi lấy lúa ở vùng địch. Mấy bữa vừa rồi, về tới nhà anh nghe nó chỉ mượn cớ đó để đi cho thoả tính hoang. Có người nói chắc nó vẫn theo chiếc xe dò Vạn Hưng đi bán giải khát. Nó giấu mặt trong những tấm màn đỏ nhưng ai cũng biết hết. Anh tìm tới đây, giết nó rồi đi ở tù. Nó luôn luôn muốn hơn thế nữa thì lúc này xa anh nó cũng chẳng sung sướng chi. Lưỡi dao anh mang theo đây sẽ giúp anh khỏi buồn vì nó và cho nó khỏi buồn vì cả đời không đầy được nỗi khát khao tự bầy đặt cho mình.

Buổi trưa như một giấc ngủ trần trọc nực nội. Người lính lệch vai vừa hung dữ vừa yếu đuối mặt mũi bơ phờ cuối cùng cũng im lặng uể oải. Còn tiếng gió lừng bùng thổi từng chập trên ngọn cây làm rụng từng lớp hoa sầu đông xuống hai bên dãy lều. Từ ngoài lộ, có hai ông thầy tu đạp xe vào chợ. Chân họ đạp thoăn thoắt nhưng chiếc xe lăn nhấp nhồm, chậm chạp. Hai người đều đã có tuổi, tóc búi sau lưng, vận hai tấm áo dài xanh màu da trời óng ả, cổ đeo râu chuỗi đen. Nơi tay lái xe, đeo lưng lẳng cái khăn gói. Họ mang dép đế dầy và cong của những người miền núi. Ở gian quán đầu dãy, người đàn bà chít khăn tang, đội nón bước ra đường. Chị ta đi xuống phía làn nước cuối dòng sông dưới bãi cát. Người lính lệch vai đã banh hết nút áo, mồm ngậm ướm diều thuốc đứng dậy ngó lên phía mặt lộ. Ông già và mấy người ngồi cùng với anh ta nhỏ to bàn tán về hai ông thầy tu áo xanh vừa vào một cái lều trống ngời chân.

Người ta nói màu áo nom lạ mắt. Có người nói chắc họ ở Bình Định đi thuyền men theo bờ biển vô đây. “Phải là người gan dạ, võ nghệ cao cường mới dám xem thường nguy hiểm”. Người khác lại nói họ là bạn ông thầy pháp 9 vợ ở thôn trên, hồi mở hội bắt thăm người vợ út của ông dường như cũng có mặt hai người này. Cũng có thể là hai anh em họ Trần dong thuyền đánh cá ra khơi mất tích cả chục năm ít lâu nay lại nghe nói trở về hốt thuốc cứu độ cho những người dân miền bờ biển. Cũng có thể là người trong bọn chuyên môn đổi đô-la và buôn lậu bò sang bán bên kia đèo cái trang. Nhưng dù sao, mọi người cũng nhìn hai người lạ với sự e dè, kiêng nể. Những lời sấm bọn học trò truyền nhau chép và họ như có một liên lạc vu vơ.

Người lính lệch vai mỗi lúc như mỗi thêm nóng ruột. Anh ta bỏ ra giữa đường, đáng điệu bứt rứt. Những điều thuốc trên mồm anh ta không bao giờ cháy đều, không lần nào khô đầu ngậm. Lẽ nào đứa vợ hoang giấu mặt hổ thẹn trong những tấm màn đỏ biết được anh đang ở đây chờ nó. Nó vẫn chưa bao giờ nghĩ nó đáng chết sao. Từ lúc da thịt nó mang một mùi đàn ông khác với mùi da thịt anh, nó chết rồi đó. Thân xác nó lúc này đâu còn tươi mát như trước nữa. Nó mãi mãi không còn cái nhan sắc hồi cầm than viết trên tường ghi ngày gà khởi ấp. Nó chỉ còn vẻ tươi của vòng môi son tô vụng về và những tia máu phun có vôi lúc lưỡi dao của anh ngập trong da thịt.

Anh ngoắt tay ra dấu cho thằng bé bán hành ra đường. Thằng bé lắc đầu. Nó cười với vẻ giận dữ của anh rồi lại ngồi yên. Trước mặt nó vẫn là đồng lá bánh, ly bia và người lính Mỹ. Lúc này người lính Mỹ ngủ thiệt sự. Hai

tay khoanh trước ngực, lưng tựa vào thành ghế, mũi úp xuống tới mũi. Thằng bé bán hành chỉ nom thấy cái mồm môi nhỏ và hồng khô, cái cổ ngửa lên, đỏ vằn. Nó nhìn hoài các thứ đó trước mắt và chưa dám bỏ đi. Người Mỹ đã nhặt được nó ngồi lê lợm những bó hành ở dốc cát giữa lúc anh ta có vẻ buồn. Bây giờ nó phải ngồi yên canh chừng nỗi buồn của anh ta. Nó mong anh ta ra khỏi quán để nó ôm mệt hành trở lại đồn Đại Hàn xem có đổi đờ được ít bó nào không. Tay nó vẫn xoa những con ruồi bay qua bay lại trên mặt bàn.

Người lính lệch vai ra đầu đường làng gây với người chủ xe giải khát về tội không có đá cục. Người chủ xe chỉ cười và xin lỗi luôn mồm. Chán ngán, anh ta đứng trên dốc cát ngắm những vết xe hỗn loạn thằng bé bán hành chỉ anh lúc mới tới. Phía những làn nước lấp lánh cuối dòng sông, người đàn bà khăn tang tay giữ nón đang bước lờ lờ như một con chim kiếm mồi. Thấy một đám học trò ngồi dưới bóng bụi tre bên đường, người lính nạt một tiếng lớn, rút dao cầm tay múa một vòng. Bọn trẻ hè nhau ùng ùng chạy trốn. Người lính cúi xuống cắm dao vào ống giấy và ngửa mặt cười.

Trời chiều dần dần, gió không còn dứt quãng, thổi ào ào liên tiếp. Bụi cát bay hỗn loạn vào lều vào lòng chợ mù mịt trên đường. Một vài tấm liếp dựng ngang mái lều che nắng được hạ xuống. Cơn buồn ngủ ráo khô trên những bộ mặt ngồi ở chợ không còn vẻ uể oải nhưng tỉnh táo đến thẳng thốt. Mấy người ngồi trong lều với người lính đã đi vào đường làng. Người lính trở vào ngồi sau tấm liếp che với mặt đường. Một vài chiếc xe âm ỉ kéo rờ-mọc chở nước chạy qua đều làm anh ta giật mình. Chiếc xe dò Vạn Hưng vẫn chưa tới. Anh ta kêu thêm xá

xì và rượu đế. Người đàn bà bán quán tóc búi, áo dài đen chân đất quen dần với vẻ bất thường của người khách độc nhất còn lại. Từ dưới bãi cát người đàn bà khăn tang trở lên, hai gấu quần ướt và quệt đầy bụi. Người lính hỏi bà chủ quán:

-Chồng chết?

-Chết mìn hôm trước đó. Một cái xe lam, một cái xe nhà binh, chết sáu mươi mấy người.

-Kiếm gì dưới đó?

-Cánh tay có mang cà rá của chồng. Lúc điên, lúc tỉnh, lúc dại lúc khôn, biết sao mà tin.

Người lính lăm bầm chữi tục, trề môi:

-Chồng chết lấy chồng khác mắc mớ gì mà điên.

Anh ta dùng cùi chỏ đẩy mạnh tấm liếp ngó lên mặt lộ rồi lấy lưỡi dao lăm lì bào những lớp bụi trên tay, trên ngực. Người đàn bà nhỏ giọng:

-Giờ chưa thấy tới, chắc bữa nay xe đi bán nơi khác.

-Tôi chờ tới tới.

Người lính nói và đưa tay chặn ngực “ợ” một tiếng lớn.

Hai người tu sĩ áo xanh ở căn lều bỏ trống lên xe dướn người đập vào đường làng. Người đàn bà khăn tang đến đứng trước lều có người lính, nền mắt đỏ, mặt ngơ ngẩn.

-Tới đây từ hồi sớm, mấy mươi lần xuống bãi cát rồi đó.

Người đàn bà bán quán nói rồi lớn tiếng hỏi:

-Có thấy gì không?

Không có tiếng trả lời. Người đàn bà có tang vào quán, mặt nhìn thẳng, ngồi xuống tấm băng, tay mân mê vành nón. Người lính nhìn, mắt ngó chằm chằm. Người đàn bà bán quán nhìn trước nhìn sau, mặt thoáng bối rối.

-Chết ở trên, kiếm dưới này làm sao thấy?

Người lính hỏi. Người đàn bà có tang vẫn ngẩn mặt,

giọng thì thâm như nói một mình:

-Đây cũng không có biết kiếm đâu giờ.

Người lính “ợ” một tiếng, nhăn mặt:

-Người chết nhiều vậy, thịt xương nát hết, cánh tay cũng ở đồng đó chớ đâu.

“Không có, không có”, giọng người đàn bà nho nhỏ như một tiếng cánh chim run. Người đàn bà bán quán lắc đầu. Chết vậy mà chỉ té tưng, đứt chân, mất đầu chứ không nát bấy như hồi ở Dốc Đá. Mấy xác người vô thừa nhận có một người đàn bà đầu văng xuống sông tới hồi vớt lên mở tóc dài vẫn còn như cũ.

Người lính cau mặt, nhấc ly rượu uống ừng ực.

-Chết là hết rồi nói qua nói lại chi cho mất công.

Anh ta vịn vào cọc lều đứng dậy, lảo đảo ra đường, nhìn lên phía mặt lộ. Bụi kéo thành đám phủ xuống người anh. Anh đưa hai tay lên chụm mắt, quay lưng về hướng gió. Sao chiếc xe vẫn chưa tới? Sao nó chết cũng bắt anh chờ đợi nôn nao như hồi sắp cưới nhau? Người đàn bà nào chết ở trên mà vô thừa nhận? Cũng có đứa đàn bà trốn mẹ, giấu chồng đi lấy lúa như nó hồi trước sao? Người lính không muốn trở vào quán nữa nhưng anh cũng biết mình không thể đi đâu lúc này. Sống lưng lạnh khô và như có cát bám từ gáy trở xuống. Mắt anh nhức nhối, hai màng tang máu đập dồn dập. Nắng vẫn chói loà nhức nhối. Như có những đốm hoa sầu đông bằng bạc hồn loan trên không.

Len vào bên tấm liếp, người lính buông người trên mặt ghế. Hai tay ôm mặt, anh ta gục xuống mặt bàn. Có tiếng cử động sẽ sàng của một người đàn bà. Rồi một bàn tay đập nhẹ trên vai anh. Giọng người đàn bà bán quán:

-Có nước chanh. Uống chút cho tỉnh.

Người lính mở mắt ngừng cổ uống một hơi rồi đột ngột hỏi người đàn bà có tang:

-Người đàn bà vô thừa nhận đó ra sao? Chết mà không nát mặt sao chứ?

Người đàn bà hai tay thủ bọc, giọng buồn:

-Tay ảnh có mang cà rá mà. Vàng thau lẫn lộn tùy thời, triều đình suy, thịnh tùy người nịnh, trung.

Người lính lắc đầu. Người anh chấp chới. Người đàn bà khăn trắng đỏ cũng chấp chới theo. Người lính đột nhiên hoảng hốt. Anh cầm miếng vỏ chanh chà lên mặt, cố tỉnh trí. Nỗi sợ hãi thiệt không hình dạng. Đột ngột như cái rừng mình của một cơn say. Anh không muốn hỏi, muốn nghĩ gì cả. Anh không muốn. Người đàn bà chết thắm đỏ không thể là vợ anh được. Nó đang giấu mặt trong chiếc xe đồ Vạn Hưng đỏ. Miếng chanh vứt đi đầy cát ghét và cát. Người lính vẫn không ngồi thẳng lên được. Đầu anh vẫn nặng nề nhức nhối. Anh gục xuống với nỗi sợ hãi chập chờn trước mặt. Cánh tay cổ tròn vạch trên tường ngày gà khởi ấp vẫn hợp với người đàn bà xuôi ngược gánh lúa, gánh thóc lúc chồng vắng nhà hơn. Những lời đồn đãi về vợ anh, từ trước tới giờ lời cuối cùng anh vẫn thấy gần lòng tin nhất. Vợ anh ngồi sau tấm màn đỏ theo lời đồn và chết lúc gánh gạo theo trí tưởng tượng cũng mơ hồ nhưng có lý như nhau.

-Ngư...ời... đàn... bà... đó...ó

Mồm người lính mở lớn, nước mép chảy ứa. Anh muốn hỏi những lưỡi liú lại và những giọt mồ hôi lạnh vẫn nhả trên trán. Anh kê mặt trên cánh tay vòng trên bàn, mắt nháy hoài. Nước mắt vẫn ứa ra và bộ mặt người đàn bà khăn tang thì mơ hồ. “Vàng thau lẫn lộn tùy thời, triều

đình suy, thịnh tùy người nịnh, trung”. Nó là bầy tôi nịnh hay bầy tôi trung của anh đây?. “Nó muốn hơn thế nữa”, ước muốn ấy bây giờ cũng vẫn là cánh tay vạch lên tường những chữ bằng than ngày gà khởi ấp. Nó giấu mặt sau những tấm màn đỏ trên chiếc xe đồ chiều nay không tới bãi cát. Nó văng đầu xuống sông, mớ tóc còn nguyên. Người lính say thiệt sự rồi. Anh ta nhắm mắt thở khò khè với hai cái chết người vợ mình về tìm gặp.

Người đàn bà có tang vẫn nhìn thẳng, hai tay thủ bọc. Người chủ quán nhìn người lính rồi nhìn chị ta, môi mấp máy như muốn nói. Bà ta lảng quăng chạy quanh lều, khép lại cánh phen, hốt những bông hoa sấu đông ra khỏi thùng nước, rồi lại nhìn từng người khách.

Một đám lính Mỹ từ dưới bãi cát, quần áo xốc xếch, đi lên ồn ào cười nói. Những người phu xích lô nhảy vội xuống đất, hờm lòng xe trước lối đi của đám lính. Những tiếng hô hối hả của một chiếc xích lô đã có khách đẹp đường. Thằng bé bán hành ở lề bên kia đang đẹp mớ lá bánh trước mặt người lính Mỹ vừa tỉnh dậy. Nó tò mò nom sang người đàn bà có tang ngồi bên người lính say rượu. Người lính bỗng cất đầu khỏi mặt bàn vươn cổ mửa thốc tháo xuống mặt đất. Người đàn bà có tang ngơ ngác nhìn anh ta. Những con chó lang thang trong chợ chạy ra xúm trước mặt người lính. Người đàn bà có tang lấy nón đội đầu đứng dậy ra khỏi quán. Bằng những bước dài và nhẹ, chị ta khom người tiến từ từ vào sâu lòng chợ, nơi có một con chó không chạy vào lều, ngồi cúi đầu gặm một khúc xương. Người lính say mửa một hồi lại gục xuống mặt bàn, người như chúi về một phía.

Ở lều bên kia, thằng bé bán hành ôm cái mệt bước ra đường. Bóng nó tần ngần đổ dài trên mặt cát bụi bặm.

Nó nhìn những đốm hoa sầu đông lả tả trên mái rạ, nhìn người lính gục trong lều.

-Coi kìa.

Có một giọng đàn bà lẫn với tiếng gió ở sau tấm liếp như tiếng mẹ thằng bé. Nó nhìn lên mặt lộ. Trên con đường lổn nhổn đá xanh dẫn lên trên đó, người đàn bà có khăn tang đang nhảy qua nhảy lại, rượt theo một con chó ngậm trong mồm một khúc xương./.

TIẾNG HÁT CỦA NGƯỜI GÁC CẦU

)



Trên bàn để một chiếc máy truyền tin bọc bằng cái bao vải bố, một chiếc ra-di-ô ấp tân sinh, một đĩa rau lớn, một tô gan lẫn lá sả, hai đĩa thịt nướng, bốn cái ly chén đủ loại đựng rượu đế và một xấp bánh tráng. Phon kéo ghế cho một người vừa tới muộn.

-Không còn chuyện chi quan trọng hơn cái vấn đề này. Uống cùng anh em ít ly rồi lo công vụ cũng không muộn. Người tới muộn lừng chừng ngồi xuống ghế, phân vân:

-Nói hoài anh em vẫn không thông cảm, kẹt quá.

-Có chi mà kẹt, để tôi gọi về nói anh chưa tới được là

xong.

Người đối diện với Phon vừa nói vừa đứng dậy nhắc chiếc máy truyền tin đặt vào lòng. Anh ta kéo dài cần dây trời, bật “pin” cú đầu gọi về trụ sở xã.

-Dùng cái máy đó coi bộ cũng không khó.

Phon nói. Trong máy có tiếng trả lời âm âm phát ra.

Người tới muộn ấy náy:

-Phiền mấy anh quá...

-Anh Năm còn nói vậy tui tôi giận đó. Từ hồi thằng Xanh chết tới nay, ngoài anh Năm, ba đứa tôi hết còn biết thương ai hơn.

Năm cười cảm động lấn chân bẻ cái bánh tráng nướng Phon vừa để trước mặt.

-Mấy anh nói tới thằng Xanh khiến tôi lại nhớ nó, thấy tội cho nó. Nó hoang mà điều nó cũng vui cũng dễ thương như mấy anh đây.

-Sức mấy mà nói tới thằng đó, uống đi anh Năm.

Người đối diện Phon giục; Phon trông cho mọi người nâng ly rồi mới cạn theo một hơi. Phon không ham nhắc lại chuyện thằng Xanh. Nó chết buồn hơn cả mấy bài ca ruột của nó. *Cúc Hoa ôi, nếu chúng ta còn xa cách nhau vì kẻ tuyền dài người dương thế thì mãi mãi anh còn là kẻ bị đầy ải đơn côi trong ngục thất của tâm hồn.* Có nhiều lúc vắng hai thằng bạn thân còn lại bên mình, Phon vẫn bất chợt nghe mình ê a nhại lại giọng ca của thằng Xanh ngày nào. Bây giờ thì Phon sắp xa nốt hai thằng này, Phon vừa nhập nghề của chúng nó. Nhưng Phon không ở xã để được như thằng Đành ở bên thằng Thấu, thằng Thấu ở bên thằng Đành. Hai thằng này nói Phon sướng hơn tui nó. Ở quận tuy ít thông thả hơn ở xã nhưng vui hơn, dễ kiếm đồ nhậu ngon lành hơn. Phon đành tin tui

nó như vẫn tin tất cả những bất ngờ lúc nào cũng có thể xảy ra không may cho mình. *Cúc Hoa ôi, nếu chúng ta còn xa cách nhau vì kẻ tuyến dài người dương thế...*

-Bữa nay anh Năm khách sáo dữ. Ngồi nhậu mà còn *si nghi* vậy là chưa phải hết mình với anh em.

Đành vừa nói vừa gấp một đĩa thịt bỏ vô chén Năm, Năm đã uống ráo ba ly nhưng chỉ ăn toàn bánh trắng với rau và một hai miếng gan. Năm lắc đầu tỏ vẻ bất lực trước sự vốn vã của bạn nhưng đôi đĩa không hề đụng vào mấy miếng thịt. Đành đang cười thấy vậy chột ngắc ngơ nhìn Năm. Đôi mắt lông mày rậm nặng nề nom yên lặng với những tia máu đỏ bừng bừng trong tròng. Bỗng nhiên Đành cất tiếng cười lớn, hai chân đẩy cho lưng ghế ngã ra phía sau, mặt hếch lên mái nhà.

-Hay là anh Năm nghi đây là thịt con ngựa trúng mìn hồi hôm nên hãi?

-Ai mà nghi, mà hãi. Hãi sao nãy giờ ăn chục miếng gan. Năm vừa nói vừa gấp một miếng thịt kèm với khế chua bỏ vô mồm, cạn một ly rượu. Tay Năm quơ quất đưa ra trước mặt với lấy cái chai xị rót đầy một ly khác, nốc luôn một hơi.

-Coi tôi uống vậy mà nói tôi không hết mình sao được.

Giọng Năm có những âm thanh quẩn quít, dính, sệt.. Năm ăn và uống như quên nuốt, mồm nói liên hồi, tiếng cười thật lớn. Thấu nhỏ trên bàn thờ một cái chân hương, xỉa răng. Hai gò má bóng và dài. Hấn nhào người rót rượu vào ly của Năm:

-Bữa rượu tiễn chú ba ít nhứt cũng phải vậy mới vui chứ. Vô nữa đi anh Năm.

Phon để ý thấy Năm ăn như thể vội vã mà thực ra ăn rất ít, uống và nói thật nhiều. Phon muốn gấp cho Năm một

đũa thịt nữa nhưng lại thôi, chỉ gượng gạo phụ hoạ Thấu:
-Thấu nói vậy mà trúng ý tôi đó. Vui thêm để kỷ niệm
tôi lên đường làm bốn phận nam nhi.

Đàn đứng dậy, kéo xích ghế, cầm xì rượu Phon vừa rót
đầy, lại vỗ vai Năm, rồi ngó vào mặt Năm lắc lư cái đầu
bắt chước Trình Giảo Kim nói với Đơn Hùng Tín bằng
một bài ca điệu Quảng Đông *“ly rượu này..à à, em xin
để tặng anh à à...”*. Năm dần mạnh ly xuống bàn, quắc
mắt.

-Ta cho phép.

Đàn ê a rót đầy ly Năm rồi đi vòng quanh bàn, tiếp tục
ca lần lượt chuốc rượu cho từng người. Năm đã hết gìn
giữ, ngã nghiêng theo tiếng hát của Đàn, chốc chốc lại
dựng thẳng người, hét lớn “ta cho phép”. Nhưng mỗi lúc
có ai gấp thịt bỏ vào chén mình, hấn vẫn không tránh
được vẻ sững sờ đột ngột.

Khi Thấu nằm dài ra tẩm ngựa gian bên cạnh vắn ra-dô
nghe, Năm lão đảo đứng dậy ra về. Phon đưa hấn ra cửa
và mời cho hấn điếu thuốc:

-Không phải thịt con ngựa hồi hôm đâu anh Năm. Lòng
nó xoắn lộn cả đồng với lòng Cai Bốn, ai mà dám ăn.

Năm gục gặc cái đầu bước xuống đường. Ở trong nhà,
Đàn và Thấu cùng căng mồm, vươn cổ ỏi bữa bãi
xuống đất. Phon lặng thinh đứng giữa khung cửa nhìn
vào.

*Cúc Hoa ôi, nếu chúng ta còn xa cách nhau vì kẻ tuyên
đài người dương thế thì mãi mãi anh còn là kẻ bị dày ải
đơn cô trong ngục thất của tâm hồn.* Bây giờ thì Phon
đã hát lại tất cả những bài ca của thằng Xanh mà Phon
đã nằm lòng. Ba giờ gác cầu một ngày. Thằng Xanh vẫn
còn có thứ an ủi được Phon. Phon vịn vào cây cản xe sơn
tùng khoanh đỏ trắng mà hát, dựa vào thành cầu mà hát.

Lòng cầu chạy sâu hun hút giữa hai hàng vòm sắt cao ngất, đen đũi. Ngửng cổ lên, bầu trời vương ở trên kia thật xa. Những phiến gỗ dày nhấp nhô xếp ngang hai bên con đường sắt dành cho xe lửa trước kia không có xe chạy qua trông như bỏ hoang. Sát hai bên thành cầu, đường dành cho người đi bộ nhô cao, hẹp. Có rất ít người đi trên đó trong một ngày. Chỉ có những người cỡi xe hai bánh lật đặt ghé vào khom mình cúi xuống giữ cho xe ép vào lối đi tránh một đoàn G.M.C hoặc M.113 chạy âm âm qua cầu. Những chỗ thành cầu phình ra để tránh xe đã hư và không được sửa lại. Đứng ở đầu cầu, ngo đầu ra ngoài nhìn dọc lên, những chỗ đó nom như những cái chuồng sắt bỏ không. Mấy người sửa cầu có khi ngồi ăn cơm trưa ở trong những cái cũi đó, vừa ăn vừa có thể nhìn xuống những khoảng trống thiếu gỗ lát ở dưới chân mình để thấy nước chảy ở dưới kia. Trên thành từng vòm sắt, một khoảng sơn trắng nổi bật vuông vắn làm nền cho một chữ số ghi nhịp cầu. Phon di chuyển trong vòng năm nhịp, có thể nhìn thấy dáng một vài người gác cầu khác lẫn khuất bên những vòm sắt lớn lao. Những lúc Phon và người gác đoạn cầu kế bên vô tình gặp nhau ở lần giới hạn, cả hai cùng cười im lặng quay lưng đi hoặc trao đổi vu vơ một hai câu thật ngắn. Nhiều lúc Phon ở vào một tình trạng lơ mơ để thấy Cúc Hoa có hai cái tay trắng muốt chuốc rượu thăng Xanh, để nghỉ đến một ngày “có điều kiện vật chất” mua thịt bò tươi thay cho thịt ngựa chết, uống la-de thay cho rượu đế với thăng Đảng thăng Thấu. Phon thường giật mình mỗi khi có tiếng xe sầm sập qua cầu. Dần dần giật mình như một chứng bệnh. Phon ưa đưa một tay giữ mũ, một tay mở rộng ấn lên cằm xoay hăn mặt đi cho xương đầu, xương

cổ kêu rắc rắc.

Phon rất rành về ưu thế của những xe qua cầu. Xe quân đội, tất nhiên. Nhưng đáng để ý nhất vẫn là đoàn chiến xa của thiết giáp. Mỗi lần những chiếc M.113 qua cầu, tất cả như rung chuyển dữ dội. Những lúc đó, Phon khuất vào những chân vòm cầu để tìm một chút vững chãi, yên dạ. Vào các buổi chiều, từ tỉnh qua để chạy vào các làng, vào những con đường núi, đoàn xe từ từ, chậm chậm qua từng nhịp cầu, những người lính nhô ra khỏi cục bứu thép, yên lặng, băng quơ. Thị xã sau lưng họ đã sáng đèn màu néon, núi non và làng mạc trước mặt họ bắt đầu mờ khí núi. Vào các buổi sáng, đoàn xe rầm rập trở về, trên xe có nhiều người lơ nhố hơn; những chiếc mũ gài vào cầu vai cũng nhiều hơn. Tóc họ ngược ra sau. Lúc này hầu như không một chương ngại nào có thể làm họ tạm ngừng trên đường về. Họ không cần biết đầu đằng kia có xe nào chạy sang không. Một lần hai thiếu úy từ thị xã ngồi trên chiếc xe “ríp” chạy về quận được mười nhịp cầu thì gặp họ. Đầu xe “ríp” và đầu xe bọc sắt kề sát nhau, máy nổ rầm rầm. Phon hồi hộp đứng xa mà nhìn. Trong một lát, người ở hai xe cùng như bất động. Thiết giáp hôm đó chỉ có hai chiếc do một thượng sĩ chỉ huy. Cuối cùng, một thiếu úy nhảy xuống xe lại bên chiếc thiết giáp:

-Chúng tôi đã qua được già nửa cây cầu.

Người thiếu úy vừa nói vừa chỉ lên con số 10 trên vòm thành cầu.

-Bên này được đi trước.

Một giọng nói gọn lỏn trên xe thiết giáp. Trên đó, có người đưa một gói thuốc cho các bạn. Phon hơi nhúc nhích theo một phản ứng tự nhiên nhưng rồi lại làm

thinh. Người thiếu úy phân vân, đứng yên. Người trên xe thiết giáp đồng dục:

-Bên này cũng đã vượt hết chín nhịp. Xe bên này nặng, không biết “de” bao giờ.

-Chúng tôi muốn nói chuyện một cách hợp lý.

Người thiếu úy nói. Có tiếng cười trên xe thiết giáp.

-Xe này nặng không biết “de” bao giờ.

Một giọng khác lập lại. Người thiếu úy quay trở lên xe nói gì với bạn. Tiếng máy xe vẫn rầm rầm. Một lát sau chiếc xe “ríp” “de” về phía bên kia cầu. Trên cả hai xe thiết giáp cùng nổi lên những tiếng cười ồn ào.

-Nút đồng ngoài chợ bán thiếu gì. Chạy đi, bộ nằm chinh ình giữa cầu hoài sao.

Có tiếng người giục. Và đoàn xe chuyển xích nghiêng trên sàn gỗ.

Phon ngơ ngẩn nhìn theo, nghĩ thầm:

-Mỗi ngày gặp một vụ như vậy có khi đỡ sầu.

Phon dựa vào thành cầu tìm một thoải mái lạnh ngấm vào da thịt từ chân vòm sắt. Lúc đó, Phon mong được ngồi trên chiếc xe thiết giáp dù có phải đi xa, tới những miền sự sống chết chỉ cách nhau có mấy phân bọc sắt. Phon sẽ có tiền lương đầy đủ, có thể bỏ ra tám trăm mua một bộ thủy quân lục chiến như người thiếu úy ngồi trong phòng việc ở quận để mặc ra tiệm, uống la-de và trừng trị bọn cao bồi nếu chúng nghinh Phon. Và nhất là Phon khỏi phải nghĩ ngợi về ông ta. Kể cả hai lần vào hai cuối tháng vừa qua, Phon gặp riêng ông năm lần tất cả. Đều ở nhà riêng. Ba lần trước, Phon vào với một người quen. Ở nhà ông, người quen đó vẫn nói nhiều với Phon. Như thay mặt cho ông. Ông ta cũng ngồi ngay bên Phon nhưng mặt ông luôn luôn khuất sau tờ báo.

-Vào nghĩa quân thì được ở gần vợ con, cha mẹ.

Câu nói duy nhất của ông sau tờ báo. Mấy lần đó khi ra về, Phon không nhớ được rõ mặt ông, chỉ có bàn tay thô lớn có nhựa thuốc bám trên hai móng thường đời tờ báo ôm lấy ly la-de là Phon nhớ thật tường tận. Nhưng bây giờ coi như Phon đã quen ông. Có lần ông bị quận trưởng xài xể, Phon đã thấy tội nghiệp. Hồi đó Phon vẫn tưởng ai vào nghĩa quân cũng mất ba tháng lương đầu cho ông ta. Nhưng từ hôm có ông già về đây, xe chạy vun vút trên sàn cầu, Phon hiểu mình có thể vào nghĩa quân mà vẫn có tiền ngay từ tháng đầu tiên. Ông già tỏ ra vui và thương bọn Phon. Lúc ông nói khôi hài, Phon thấy ông nhìn mình. Trước khi ra về ông nói anh em có gì thắc mắc cứ phát biểu hoặc viết cho ông theo địa chỉ ông vừa cho.

Một người bạn đã nói với Phon:

-Mất không cho nó ba tháng lương kỳ quá. Nó buồn tui mình, tố cáo đi. Mấy nói lên một tiếng sẽ có liền nhiều người khác nói theo. Nó sẽ bị trói như con heo tức thì.

Phon giận dữ:

-Mày định tính nước chết cho tao đó sao? Ai nói theo tao?

Mấy thằng học sanh có tên trong sổ lương? Mấy thằng nghĩa quân mất tích mấy hôm rồi chả chưa bồi tên? Định tính nước chết cho tao sao đó mày?

Tuy nói vậy song từ hôm đó Phon hết còn tội nghiệp ông ta mỗi khi ông quận trưởng nổi giận. Trước kia, Phon cho mình còn hơn bọn học sinh. Bọn chúng sáu tháng sau mới có tiền. Phon mất ba tháng còn đỡ. Bây giờ Phon thấy cùng xui như nhau. Đã hai tháng, hai lần cầm bút ký sổ lương để ông ta lãnh tiền, Phon cho là ai cũng có hồi

không may. Còn hai tháng nữa. Mình gác cầu hoài nên coi ngày tháng nó lâu hết vậy thôi. Bọn nó mau chân hơn mình bọn nó đỡ lỗ, không tốn một cắc thằng Đành, thằng Thấu, thằng Xanh... Ngày còn ở bên quận, có đêm ôm súng ngồi sau xe qua cầu sang thị xã với ông, Phon đã nghĩ vậy. Ông thường sang bên đó những đêm khao quân ở nhà hát, con gái ông sang ca hát giúp vui. Con gái ông là một nữ ca sĩ tân nhạc địa phương, biệt hiệu Thùy Dương. Trừ những đêm bận đi nằm ngoài ruộng, mỗi lần Thùy Dương xuất hiện trên sân khấu, không bao giờ thiếu mặt ông ngồi trên dãy ghế hàng đầu. Thùy Dương mười bảy tuổi, trán rộng cằm nhỏ tóc Thanh Thuý giọng Thuý Nga, nụ cười tê tái Trúc Mai. Ông thương Thùy Dương bằng tình thương của người cha già với đứa con trai độc nhất. Ông kêu con là “người bạn nhỏ bướng bỉnh” của ông. Mỗi lần sang thị xã, ông thường ăn vận chỉnh tề như những lần chỉ huy binh đội dân chào các ông lớn. Thùy Dương bình thường ưa mặc jean, áo sơ mi nhưng mỗi khi đi trình diễn, luôn luôn mang áo dài tươi màu. Cha con ông thường đi tới quận rồi mới chờ bọn Phon đi theo. Hai cha con ông ngồi băng trước, nói cười suốt dọc đường vì những điều thật vụn vặt. Bọn Phon ngồi sau, ba người. Hai người mang súng và một người mang máy truyền tin liên lạc thường trực với bên quận.

Đến trap hát, bọn Phon ở ngoài. Chiếc xe đậu xa cửa rạp trên một bờ cỏ vắng vẻ nhưng ba người vẫn nghe được tiếng đồn tiếng hát từ trong rạp vọng ra. Lúc đó Phon không biết làm gì cho qua bốn giờ chờ đợi. Nói chuyện với hai người kia, chỉ được vài câu, Phon lại vô tình hướng câu chuyện đến việc ăn nhậu. Phon kể những

món ăn cha Phon thường làm hồi ông còn sống, đến món cá trầu um rắc lá lốt của thằng Xanh, đến canh sứa soạn một bữa cỗ có vịt tiềm, mướp đắng nhồi thịt... Hai người bạn thường cất ngang lời Phon. “Nghèo mà ham”. Phon gượng gạo bào chữa:

-Sống không ham cơm ham thịt sống chi?

Phon ra ngồi một mình trên bậc lên xuống ở cửa xe, hết nhìn về phía những hàng quà hàng nước ở rạp hát lại ngửng lên trời nhìn sao. Trời càng về khuya quanh rạp càng vắng, tiếng ca tiếng đồn vang ra càng dịu dặt. Chiếc máy truyền tin trong xe chốc chốc lại vang lên tiếng người ở bên đồn nghe như giọng nghệt mũi. *Cúc Hoa ôi, nếu chúng ta còn xa cách nhau vì kẻ tuyên đài người dương thế thì mãi mãi anh còn là kẻ bị đầy ải đơn côi trong ngục thất của tâm hồn.* Phon nghe mình hát lúc nào mà không hay

-Im đi cha nội, làm ơn cho tụi tôi nghe hát ở trống.

Hai người bạn Phon lên tiếng vào lúc Phon chợt nhận ra mình ngân nga như nhận một lỗi lầm. Phon xuống đường trật mũ, đi loảng quảng cho đỡ sốt ruột. Phon không hiểu tại sao những tiếng động ở đây lại làm Phon bứt rứt, không như những buổi gác cầu. Trong nỗi bứt rứt đó, Phon thầm mong buổi ca nhạc đêm nay thật hay cho cha cô Thuý Dương thật vui. Đêm nào, sau khi ở rạp trở ra, ông cũng cho bọn Phon ăn uống và tỏ ra thân mật hơn bao giờ. Bốn giờ trong rạp hát nơi ông đã có nhiều thay đổi, dù chỉ trong một thời gian ngắn đủ để ông thấy hứng khởi mà cho bọn Phon no nê. Ông thường ngồi ở hàng ghế đầu bên những ông lớn trong tỉnh và những anh hùng còn mệt mỏi, những chiến binh tay quần băng, mặt sứt mẻ. Chiếc ghế da êm ái làm ông có cảm tưởng quen thuộc khi ngồi trong phòng những ông lớn nhưng bộ quân

phục chỉnh tề lại khiến ông nghĩ mình gần gũi những chiến binh hơn. Và khi Thuỳ Dương được giới thiệu, ông hồi hộp chờ đợi rồi thấy “người bạn nhỏ bướng bỉnh” thướt tha xuất hiện dưới ánh đèn mầu, ông đột ngột nhận rõ mình cũng chỉ là một người lính già đi nghe hát. Thuỳ Dương hết còn bướng bỉnh, hết còn những câu nói tiếng cười vụn vặt mà là một thiếu nữ có ngôn ngữ như thơ. Ông xúc động vì ngôn ngữ như thơ, lạ tai đó, con gái ông đang ở một thế giới khác có mầu hồng mầu xanh mầu tím đổi thay, có tiếng nhạc dịu dặt quyến rũ những chiến sĩ dưới này, những người ngày mai ngày mốt đã có thể nằm chết. Càng nghe con hát ông càng xa dần con càng nghĩ đến một cuộc vui qua mau, càng thấy gần những người băng tay quẩn mặt, thấy gần những đêm nằm ngoài ruộng, trong đồn. Tiếng hát Thuỳ Dương đưa ông vào cô đơn của nỗi chết.

Và khi ra khỏi rạp, bên Thuỳ Dương, ông nghĩ đến bọn Phon, những kẻ cùng trên một đường với mình. Phon được ăn no và không mong gì gì hơn mỗi đêm đều có tiệc khao quân.

Cúc Hoa ôi, nếu chúng ta cách xa nhau vì kẻ tuyên đài người dương thế thì mãi mãi anh còn là kẻ bị đẩy ải đơn côi trong ngục thất của tâm hồn. Nước đã lên mênh mông. Cách đây bốn năm hôm lòng sông còn cạn khô, nước đọng trong những vũng sâu rải rác, trâu bò còn đi thung thăng dưới chân cầu. Bây giờ nước đã ngập hết các vết tích từ bãi cát đầy vết xe nhà binh ở đầu cầu đến những gò cát nổi cao như những cù lao xanh um cỏ. Làng mạc ở xa đã thành những vũng màu lam gọn mắt. Ghe xuất hiện trên mặt nước đã nhiều xuôi ngược thênh thang, tuy nhiên thuyền lớn vẫn hay bị mắc cạn. Phon nhìn trong trời mưa lấm tấm, những người quần áo sũng

nước, ngâm mình dưới dòng sông, mím môi ôm bánh lái dắt đi hoặc cong người dồn sức đẩy dằng sau mạn thuyền. Thuyền chắt đầy lúa mới gặt thân còn tươi lá còn phẳng phất màu xanh. Thuyền lừ đừ trên nước, tiếng ầm ỏi của người đẩy thuyền ở sâu, ở xa. Chân cầu nước xoáy dữ dội. Mạn cầu nhớt nước. Những chiếc đầu bù-loong gắn dính với các thanh sắt giỏ giọt. Đôi bàn chân Phon nhúng hoai trong giầy đầy nước, nhiều lúc bắt lạnh rùng người. Lòng cầu sạch trơn, lớp nhựa đường trên gỗ láng bóng thêm phần hun hút. Phon thêm một điệu thuốc lá nuốt tròn từng ngụm khói.

Mấy chiếc lam-bét-ta qua cầu. Tiếng máy ò ò vang vào các thanh sắt. Hồng xe đều che kín. Một vài vệt dầu loang trên sàn gỗ óng ánh. Tới đồn canh bên này cầu, một chiếc xe đậu lại, một người con gái bước xuống. Phon nhận ngay ra người con gái thường sang ngủ ngày với Trưởng đồn. Cô ta khoác áo mưa màu vàng đậm, vận quần trắng áo hoa nhạt màu. Người mảnh khảnh mặt hơi tái song hồn nhiên. Phon có quen cô ta. Hôm người Trưởng đồn sang nhậu với ông Thiếu uý được gấn huy chương ở bên quận, cô ta ngồi đợi ông và hỏi chuyện Phon. Phon nói chắc còn lâu ông Trưởng đồn mới về, cô cười “Tôi nói tôi chờ mà”. Phon áy náy không biết kiếm chuyện chi nói trong thời gian lâu thế, bỏ ra ngoài. Nhưng chỉ lát sau Phon lại quay vào gượng gạo lập lại “Còn lâu ổng mới về”. Cô gái ngồi trong chiếc ghế độc nhất của người Trưởng đồn ngửng nhìn Phon cười “Tôi chờ”. Sau một lát ngập ngừng Phon hỏi “Cô... cô chi cần gặp ổng?”. Nói xong Phon thấy ngượng. Cô gái vẫn cười “Có chi đâu mà cần, muốn chờ thì chờ vậy thôi”. Cô gái có vẻ vui nhưng ngồi yên cả giờ đồng hồ không

tỏ ra uể oải cũng không rờ rà tới các thứ trong phòng. Đến trưa người Trưởng đồn vẫn không về, cô gái mới đứng dậy bảo Phon “Tôi về, anh”.

Phon đưa cô ra cửa đồn. Cô không đi ngược xuống quán con nhỏ mắt lé ăn nem nướng cũng không chờ xe như mọi khi. Cô lững thững sang cầu, tay lướt trên thành sắt, tóc và hai ống quần bay rạt về phía sau. Cặp đùi cô nom thiệt nhỏ. Phon không muốn nghĩ cô đã hết tiền về xe tuy không thấy cô cầm nơi tay chiếc khăn bọc tiền như mọi khi.

Cô gái giở tiền trong khăn tay trả tiền người lái xe, quây quả bước vào đồn. Đồn là một nhà ga cũ, xung quanh có hàng rào thép gai và các hầm lộ thiên. Chỗ cửa bán giấy xe trước kia có mấy người lính nhô đầu ra xét giấy tờ các xe vào thị xã. Cánh cửa đóng im ỉm ở đầu nhà ga mở cho cô vào rồi đóng lại. Một lát cửa lại mở, mấy người lính ra đường bước lại phía cây gỗ cản đưa chuyển nhau một gói thuốc. Phon bấm năm đầu ngón chân trong lòng giấy ướm sưng có cảm giác bị tê và một móng chân bị nhét cát nhưng không rõ ngón nào. Phon vuốt mặt, vẩy tay cho đỡ ướt, bước từng bước gượng nhẹ. Giấy quá rộng. Mỗi chân lồng hai chiếc vớ dầy vẫn còn lỏng.

Từ sau mấy chiếc xe đậu ở đầu cầu, thằng Đành chụp áo mưa đập xe vượt lên. Phon giơ tay vẫy nhưng nó không hay. Nó dừng lại bên cây gỗ cản, thò một chân ra khỏi chiếc áo mưa nhà binh chống xuống đường hỏi han mấy người lính. Họ chỉ về phía cầu. Phon giơ tay vẫy, chân bước sang mạn cầu bên kia chờ bạn. Đành hất mặt lên cười với bộ mặt bóng nước. Hắn đập xe lên, dừng trước mặt Phon, chân phải đặt trên đường dành cho bộ hành.

-Mạnh giỏi mấy?

-Mạnh. Có chuyện chi đó?

-Có chuyện chi đâu.

-Rảnh chuyện vậy na.

-Ờ, tụi tao mà.

Phon sờ vào chiếc áo lụng thụng của bạn:

-Tụi mày xếp thiệt.

Đành liếm nước quanh môi, nghe những tiếng súng từ vùng núi đầu sông vọng xuống.

-Vậy là đỡ rồi. Chỉ còn hai tháng nữa mày đã có lương.

-Bữa đó tao gắng xin về gặp tụi mày. Nghe nói sau bữa tao đi thẳng Năm có chuyện với tụi mày?

-Nó thông cảm rồi. Bữa thẳng con nó chết nó cũng mời tụi tao lại nhậu. Con nó chết được hơn một tháng.

-Thiệt tội.

-Thằng Thấu nói hay quá nó cũng đỡ sầu.

-Ờ, Thấu...

Một chiếc xe “ríp” phóng vụt qua. Phon quay mặt ra thành cầu.

-Cấm nói chuyện trên cầu?

-Cấm.

-Đành ngó trước ngó sau rồi vòng xe trở lại:

-Vậy tao về.

Phon dựa lưng vào thành cầu:

-Tao có lời thăm Thấu.

Dường như vừa có một dòng nước chảy từ gáy xuống sống lưng. Phon quơ tay ra sau cọ mu bàn tay vào lưng nhưng chỉ thấy lớp áo nhựa vừa trơn vừa lạnh. Phon sửa lại chiếc mũ đội đầu, cho riềm mũ bao ra ngoài áo mưa. Mưa chột đổ xuống dồn dập. Sàn cầu bắn toé những hạt nước lớn.. Ngọn núi cao ngất đội một phiến đá vuông, ở cuối khúc quanh vừa hiện ra mờ mờ đã biến mất. Thản

nhiên, Phon khom người lại dưới một cây sất lớn. Đầu Phon rúc dưới cây sất, hai vai nhô ra ngoài. Phon nghĩ tới những người lúc ngồi với vài người bạn trong đồn ở ngoài quán con nhỏ mắt lé để quên những giọt nước dãi từ vai bắn vào hai má. Mưa lớn như vậy, mái quán dột hết. Nhưng ít ra còn có một chỗ không bị hắt mưa để Phon ngồi uống ít ly ngó con nhỏ co ro ôm hai vai loanh quanh bên mình. Hai tháng nữa, Phon có thể nhờ nó mua mực tươi ở chợ quận về xào với thơm xanh cho thoả lòng mong muốn.

Một vài chiếc xe chạy vút vào lòng cầu sâu, bỏ lại tai Phon tiếng những phiến gỗ bấp bênh bị bánh xe lướt qua. Tuốt bờ sông bên kia rải rác vài chiếc thuyền bất động mơ hồ. Dòng nước mỗi lúc như thêm dữ dội xoáy quanh những chân cầu bao dây kẽm gai. Phon ước những giọt nước trên môi mình là rượu. Phon vuốt mặt, nhô ra khỏi cây sất. Về phía bên bờ này, có một vật gì trôi lại gần cầu. Mặt sông ở dưới kia thật rộng, mờ mờ, vật bị trôi đậm màu. Lúc chưa trông rõ, Phon thấy vật đó lúc chìm hẳn lúc nhô lên mặt nước. Khi đã đoán chừng đó là một con vật, Phon thấy chốc chốc từng phần con vật lại hiện trên mặt nước sau một hồi mất tăm. Một con bò, chiếc đuôi vật vờ vừa chìm ngấp, một mồm đầu với hai cái sừng đã nhô lên. Có lúc cả chiếc đầu nó trôi lên khỏi mặt nước, cái mồm há rộng nhả răng. Phon mong nó sẽ đụng vào một vạt cát thiệt cao để nom cho rõ. Dòng nước quá mạnh. Con vật trôi mau. Tựa bụng vào thành cầu, Phon cúi xuống nhìn. Chiếc đầu với hai sừng nhô lên một lần nữa.. Con vật chắc mới chết. Lúc Phon ra gác cầu trận đánh mạn trên sông mới bắt đầu. Phon chắc nó cũng trúng đạn như con bò tuần trước trôi qua đây.

Chân cầu và những phen kềm gai có thể giữ nó lại. Con bò đã trôi vào gập cầu. Phon không còn nhìn được. Phon bước sang bên kia, cúi gập người trên thành sắt nhưng không nom được suốt chân cầu. Phon chờ, tuy biết nó có thể mắc kẹt. Thân một cây dừa trôi sau con bò đã băng băng qua cầu.

Phon trở qua trở lại hai bên thành cầu. Tầm mắt Phon vẫn bị chặn lại. Phon bứt rứt lắng tai xem có tiếng động nào chứng tỏ con vật còn đang ở chân cầu. Chỉ có tiếng nước xoáy.

-Nó đã bị kẹt vào dây kềm gai.

Phon lẩm bẩm. Tiếng nước xoáy dội mạnh lên tai Phon. Trên bàn để một chiếc máy truyền tin bọc bằng cái bao vải bố, một chiếc ra-dô ấp tân sinh, một đĩa rau lớn, hai đĩa thịt nướng, ba cái ly chén đủ loại đựng rượu đế và một xấp bánh trắng. Đành kéo ghế cho Năm:

-Không còn chuyện chi quan trọng hơn cái vấn đề này.

Uống cùng anh em ít ly rồi lo công vụ cũng không muộn.

Năm lững lững ngồi xuống ghế, phân vân:

-Nói hoài anh em vẫn không thông cảm, kẹt quá.

-Có chi mà kẹt, để tôi gọi về nói anh chưa tới được là xong.

Đành lấy máy kéo dài cần dây trời, bật “pin” cúi đầu gọi về trụ sở xã.

Năm áy náy:

-Phiền mấy anh quá.

-Anh Năm nói vậy tại tôi giận đó. Từ hồi thằng Phon chết tới nay, ngoài anh Năm, hai đứa tôi còn biết thương ai hơn.

Năm cười cảm động:

-Mấy anh nói tới thằng Phon khiến tôi lại nhớ nó, thấy tội cho nó. Nó ham ăn nhậu mà điều nó cũng vui, cũng

dễ thương như mấy anh đây.

-Sức mấy mà nhắc tới thằng đó. Uống đi anh Năm.

*Ngồi nhậu mà còn suy nghĩ. Đành cất tiếng cười lớn
giữa mặt lên trời. Thịt ngựa. Thịt bò. Ta cho phép. Cúc
Hoa em ôi, ta cho phép.*

Một đùi thịt bò còn nóng máu, một xị rượu lúc đã thay quần áo khô, có lẽ không còn điều gì đáng ước ao hơn thế. Tay Phon nhiều lúc đặt trên cán dao bên thắt lưng. Một đùi thịt bò, một xị rượu lúc đã thay quần áo khô. Phon nhìn về phía người bạn gác ở nhíp cầu đằng kia. Anh ta vẫn còn khuất vào một cây sắt nào đó để trú mưa. Không ai biết được cái đùi bò của Phon cả. Có chăng một mình con nhỏ mắt lé. Có cần gì phải chờ hai tháng nữa. Còn những đêm khao quân, còn tiếng súng trên kia và dòng sông này. Tao sẽ nghĩ sẽ nhớ đến tất cả bọn bay, *Cúc Hoa em ôi...*

Phon thối thỏm nhìn xuống dòng nước. Con bò chắc chắn đã bị kẹt nhưng vẫn có thể trôi đi bất ngờ. Phon tựa vào thành cầu chờ đổi gác.

Mưa ngớt dần. Người Phon nhiều lúc nổi da gà bắt rùng mình vì một cơn gió ở dưới sông tạt lên. Phon nhìn về phía dốc cầu. Sau cây cảnh gỗ, xe đậu nối đuôi. Đã hết giờ làm buổi sáng. Các công chức làm ở quận đã trở về thị xã. Những chiếc xe hơi que gạt nước trên kính quét qua quét lại uể oải, máy nổ dồn dập, nóng nảy. Những chiếc lam-bét-ta ướt át có nhiều người mặc áo mưa và um khói thuốc.

Mấy người lính từ trong đồn ra đổi gác. Họ đi hàng một, sát thành cầu.. Phon cởi mấy nút áo nghe như ngực mình bốc hơi. Người bạn thay thế Phon nói:

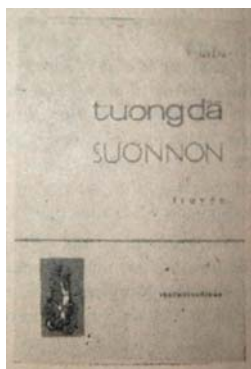
-Tao đang nghe dở sáu câu.

Bọn Phon thông thả trở về đồn. Qua một chiếc xe hơi, có dấu thập tự, Phon nghe có tiếng cười thật trong của mấy cô mặc áo mưa màu với người đàn ông ngậm ống điếu tì tay trên bánh lái. Phon thoáng có ý định xin họ mấy viên thuốc nhức đầu nhưng chân vẫn bước theo các bạn vào đồn, tháo giày, cất súng.

Chiếc bảng cấm ở đầu cầu xoay mặt. Đoàn xe từ từ lên cầu để khỏi lại phía sau. Một lát, chiếc bảng cấm lại được xoay ra. Từ phía thị xã bọn học trò quần trắng áo trắng ngồi trên xe đạp lũ lượt qua cầu. Hôm nay là thứ hai.

Nắng lộ dần trên các vòm cầu. Cánh cửa đóng im ỉm ở đầu nhà ga bật mở. Người con gái sang ngủ ngày với Trưởng đồn nắm chiếc khăn tay đi ra, bước lên một chiếc xe lam-bét-ta. Phon nắm một con dao, bước xuống bờ sông.

(Trích VĂN số 46)



ĐỌC SÁCH

- NG~
- NGUYỄN ƯỚC
- LƯƠNG THƯ TRUNG

NG~

Chiến tranh đi qua những truyện ngắn của Y Uyên

*“Không có nỗi ngầy ngất nào rứt rời như nỗi ngầy ngất chiến tranh, phía sau có lửa, phía trước có máu của mình”
(Y Uyên, Mùa Xuân Qua Đèo)*

Trên tờ tuần báo Nghệ Thuật, số đầu tiên ra ngày 1-10-1965, Mai Thảo đã dựng lên một tuyên ngôn của những người cầm bút (trong nhóm) về thái độ của nhà văn trước thực tế của đất nước, bằng một cái nhan rất kêu: “Văn học Nghệ thuật trong chiến tranh hiện tại và

hoà bình tương lai” bằng thái độ chọn lựa rạch ròi, bằng trách nhiệm và bổn phận trước quốc gia, dân tộc, lịch sử mà nghe cứ như lời rao giảng ngày tận thế với cơn đại hồng thủy và chiếc thuyền của Noé: “Nói đến đời sống, cái chết, chiến tranh và hoà bình, lửa máu và nước mắt, nhân phẩm và danh dự, nói đến hạnh phúc, bất công áp bức, ý thức, thương đế, thân phận con người, triết thuyết, hành động, thực tế và trí tuệ, cá nhân và toàn thể, nói ở đâu bằng ở Việt Nam không nói, nói ở đâu bằng Việt Nam đau khổ, nói ở đâu bằng Việt Nam treo căng trên từng từng bất hạnh, nói ở đâu bằng Việt Nam có quyền nói đến trước tiên? Văn học nghệ thuật chúng ta phải nói lên bằng được sự thực vĩ đại hiện hình trên Việt Nam quần quai.

Vai trò của Văn học nghệ thuật hiện nay do đó là phải đi vào thực tế chiến tranh, bởi thực tế ấy là một sự thực...” (SDD). Một tuyên ngôn như vậy, trên một tờ báo văn nghệ như vậy, trong thời khắc chiến tranh bắt đầu loan nhanh như một vết dầu bắn trên phần đất này một cách ô ạt, khốc liệt có vẻ như thừa, như thiếu hơi, đuối sức?

Trước đó, trước khi nhóm Sáng Tạo hụp hơi trì kéo những trường phái siêu thực, hiện sinh vào văn học miền Nam Việt Nam, thì đã có rất nhiều nhiều người cầm bút đã chọn lựa một thái độ, một trách nhiệm trước cuộc chiến rồi, tác phẩm của họ ít nhiều đã vẽ lên bộ mặt xấu xa, kinh tởm của chiến tranh rồi!

Và như vậy, các nhà văn, khi viết về chiến tranh Việt Nam, mỗi người chọn một đề tài khác nhau, bối cảnh khác nhau, các nhân vật khác nhau, không ai giống ai; muôn màu muôn vẻ để, người đọc có thể nhìn thấy, một cách trọn vẹn, bộ mặt gớm ghiếc của cuộc chiến tranh

phi nhân, phi nghĩa này, một cuộc chiến khởi đi từ những mù quáng, căm thù... đẩy cả dân tộc vào thảm cảnh đau thương nhất trong lịch sử.

(
Ở Tiền Điền, Thế Uyên nhìn chiến tranh như là một sự phi lý được khắc hoạ một cách kinh hoàng nhất, tởm lợm nhất qua thân xác của người phụ nữ bị kẹp giữa hai lần ranh của thù hận: ban ngày là sự gần gũi vội vã của người chồng và ban đêm là sự “hì hục cuồng nhiệt” của anh du kích. Tất cả đều diễn ra trên thân xác của người phụ nữ như biểu tượng nhục nhằn của lịch sử, dân tộc. Chị không có sự chọn lựa nào khác giữa vùng xôi đậu này, ở đó Việt Cộng và Quốc Gia thay phiên nhau “cai trị” những người dân hốt hải chạy, hốt hải về. Nói cho đúng, chị không có quyền lựa chọn. Sự chọn lựa đã được sắp đặt sẵn, để thân xác chị luôn bị dày xéo một cách tàn nhẫn từ hai phía. Người đàn bà tên Ba, nhân vật chính trong Tiền Điền là biểu tượng của sự nhục nhã nhất mà cả dân tộc phải gánh chịu trên vai. Thật kinh khủng! Với Nhã Ca, bộ mặt chiến tranh cũng trở nên bi thảm không kém đối với những người dân sống “bình yên” trong thành phố. Họ còn trẻ, và là những trí thức đang đứng trước những chọn lựa, những tái độ phải bày tỏ bằng những hành vi cụ thể. Chất bi thảm của thế hệ trẻ là sự lắng nghe, nhìn thấy một cách mơ hồ chiến tranh đang diễn ra đâu đó ngoài rìa thành phố với những cảm giác đầy sợ hãi phập phồng trong Đêm Dậy Thì, Đêm nghe Tiếng Đại Bác. Đến Phan Nhật Nam, Trần Hoài Thư... thì chiến tranh là sự đụng mặt gần sát, là những cuộc hành quân, bao vây, phục kích, là súng nổ, người chết, dân lành gồng gánh trong nước mắt, hối hải chạy

trên bờ ruộng hẹp, lo sợ những viên đạn cắm phập vào tim, nhưng không thể không ngoái nhìn lại căn nhà tranh vách đất chẳng đáng giá là bao (nhưng chứa đựng biết bao tình cảm thiêng liêng) đang bốc cháy ngùn ngụt phía sau. Chiến tranh trong tác phẩm của họ là sự nhìn thấy rõ ràng, rất cụ thể: súng nổ, người chết. Những người tham gia các trận đánh là những người bạn, người lính thân yêu bên cạnh mình, từ từ, lần lượt ngã xuống... Và không chỉ có dùng súng đạn để đánh nhau, thậm chí họ còn sử dụng cả lời nói để hạ gục đối phương: “Staline của Nga chết, cha Tố Hữu của ngoài mây làm thơ: “ông Staline ơi... ông Staline ơi... Thương cha thương một, thương ông thương mười”. Anh Kennedy, Kennedy là Tổng Thống thứ 35 của Mỹ, đẹp trai, con nhà giàu, giỏi, chết, mây thấy có thằng làm báo miền Nam nào viết bài thơ khóc cái anh Kennedy này chưa? Và sau cùng hết, mây chỉ làm được một việc này với tao thì tao gọi mây là thánh tao chịu nghe hết lời của mây, tao tin mây là “dân chủ xã hội”. Bây giờ tao hô “đả đảo đế quốc tư bản Mỹ”, mây hô:”đả đảo đế quốc Trung Hoa đỏ, đả đảo đế quốc Liên Xô”. Đấy mây và tao cùng hô một lần, tao đếm 1,2,3... thì bắt đầu. Tôi hô: 1,2,3... Nghe trong máy có tiếng rè rè của tầng số bị phá...” (Phan Nhật Nam, Mùa Hè Đỏ Lửa trg 136, NXB Sáng Tạo, SG 1972). Đó là chưa kể nỗi xót xa, đau đớn đến tận cùng khi đồng đội bị thương, khó lòng vượt qua cái chết đang cận kề, đã van nài nhân vật xưng tôi (THT) “mày hãy bắn tao đi, mày hãy bắn chết tao đi!”. Mà đâu chỉ có một mình Trần Hoài Thư mới chứng kiến cảnh đau lòng, xé nát tim gan anh như vậy? Hầu hết các nhà văn quân đội khác tôi đã đọc tác phẩm của họ, ít nhiều đều ghi lại những cảnh hãi

hùng đó!

Những người trong cuộc lẫn những người dân vô tội đứng bên ngoài hay trong cuộc chiến tương tàn, đều chung một số phận bi hài như nhau.

(Nhưng với Y Uyên thì khác, nói như Lê Văn Chính (SBT): “Trước ngày nhập ngũ, anh đã viết nhiều truyện thời chiến. Lúc đó anh còn là nhà giáo, nên truyện thường mang nặng tính chất tưởng tượng hoặc dựa theo những kinh nghiệm chiến tranh mà anh được nghe kể lại” (Núi Tà Dôn và dấu Chân Uy, đăng trong số này). Đúng, khi đọc một tác phẩm ta có quyền lựa chọn, có quyền bình phẩm theo ý thích của riêng ta. Đó là quyền của người đọc. Riêng với nhà văn, khi viết ta viết điều ta yêu thích, điều ta cảm, ta gần gũi, ta sống với nó, hít thở với nó, chứng kiến nó diễn ra hàng ngày, thậm chí ôm nó vào lòng lẫn lộn với từng giấc ngủ đầy mộng mị hãi hùng.

Y Uyên sống trong thời khắc cuộc chiến nổ ra ác liệt nhất, trên vùng đất kinh hoàng nhất. Ví dụ rằng: nếu như anh chưa hề là nhà văn, chưa hề cầm bút thì hàng ngày anh không thể không nhìn thấy chiến tranh diễn ra ngay trước mắt anh, diễn ra một cách bình thường, lặng lẽ mà đau đớn đến nát tan cõi lòng. Với người cầm bút thì anh càng không thể đứng ngoài ngắm nhìn như kẻ bàng quang, kẻ ngoài cuộc, thậm chí là kẻ trốn chạy khỏi vòng vây chiến tranh. Tôi vẫn nhớ như in, hồi còn học Văn Khoa Sài Gòn, GS Nguyễn Văn Trung luôn tự hào về giảng khoá cho đám sinh viên năm dự bị, với cái nhan Nhà văn, người là ai, với ai? Ông đã dựa vào những

phát biểu trong bài diễn văn của nhà văn A. Camus đọc tại giảng đường Viện Đại Học Upsal, Thụy Điển nhân dịp nhận giải Nobel văn chương năm 1957, xoay quanh cái trục trách nhiệm và thái độ của nhà văn trước cuộc sống để rao giảng cho chúng tôi, những thanh niên mới bước chân vào cổng trường Đại Học, rằng “khi một nhà văn quyết định cầm bút viết văn tức là tự nhận lấy một chức vụ trong xã hội. Từ nay, người đó (ý nói nhà văn) ra khỏi đám đông, quần chúng vô danh, trở thành một nhân vật, được thiên hạ biết đến và sẽ được khen chê ủng hộ đả đảo tùy theo lối nhìn, thái độ của họ” (Nguyễn Văn Trung, Nhà Văn, Người Là Ai, Với ai) . Xin làm nhắc lại chuyện xưa, để nhìn lại thái độ của Y Uyên và những tác phẩm của anh trước cuộc chiến khủng khiếp này!

Những truyện anh viết về chiến tranh không bao giờ có súng đạn nổ chất chứa, không có cảnh quân hai bên giương súng bắn vào nhau, vây nhau tầng tầng lớp lớp như chọn lựa cách viết của Phan Nhật Nam, Trần Hoài Thư, Thảo Trường... mà lại là những điều, những thứ bị cuộc chiến xô đẩy tới bờ vực của đổ nát tan thương, của tiếng lòng dội xé. Đó cũng là cách chọn lựa đề tài, nhân vật, bối cảnh của Dương Nghiễm Mậu, của Võ Phiến, Doãn Quốc Sỹ...

Hầu hết những truyện anh viết và “đọc được” đều bắt nguồn từ khi anh dạy học ở Tuy Hoà, một thị xã nhỏ bé của duyên hải miền Trung giữa lúc chiến tranh đổ ập xuống nửa phần đất nước một cách khốc liệt nhất. Cái thị xã tí xiu mà anh và bạn bè anh đang sống, chẳng phải là một khu phi quân sự, một vòng đai an toàn mà là một lò lửa. Đạn luôn nổ, người chết, nhà cháy, đồng khô, dân

quê bỗng bế nhau chạy trốn hòn tên mũi đạn, ngày Quốc gia, đêm Cộng sản giành giật nhau... Cuộc chiến rất kỳ cục, phi nhân ấy cứ thế mà diễn ra ngày này sang năm khác để người dân khốn đốn kêu lên “chiến tranh mẹ gì mà lâu dữ vậy?”. Cuộc chiến quái gở ấy không phải chỉ có anh và tôi đánh nhau, mà một bên là có sự trợ giúp công khai, một bên là lén lút nhận vũ khí, quân trang quân dụng để “giương cao ngọn cờ chính nghĩa” đã đẩy người dân vô tội xô dạt bên này hay bên nọ (cốt để tránh hòn tên mũi đạn). Không khí truyện của Y Uyên không “nhảy tọt” vào giữa chiến trường, bởi anh chưa hề là một chiến binh thực thụ, mà anh “chạy theo, áp sát vào” những xô dạt không chừng mực trong những lần chạy giặc dài gần để nghe, để thấy, để cảm và chia sẻ nỗi đau của họ.

Những nhân vật của anh luôn là những nông dân nghèo, lam lũ, những người bình thường nhất đang sống ở vùng xôi đậu, đêm chạy trốn nơi an toàn, ngày mò về chất mót từng hột lúa, củ khoai, là những thầy giáo, cô giáo, những đứa trẻ ngơ ngác. Anh yêu mến tất cả bọn họ chẳng qua vì anh quá gần gũi với họ hàng ngày, hiểu được những trở trêu của bọn họ.

Tất cả các nhân vật nữ của Y Uyên không có ai như chị Ba trong Tiền Đồn, như chị Tư trong Người Đàn Bà Mang Thai Trên Kinh Đồng Tháp bị dày xéo, chà đạp đến tàn nhẫn, như là những biểu tượng tượng trưng cho thân phận của toàn thể mọi người dân ở phần đất bị bom đạn cày xới nát tan, phải ngửa mặt ra hứng lấy mọi tai hoạ.

Cái chất dịu dàng, thông thả, nhẩn nhục của người phụ nữ, đa phần là dân quê, lánh nạn ra thị xã. Đó là những

người bình thường nhất trong xã hội được Y Uyên phác hoạ là những người trung thực, bị đẩy đưa do hoàn cảnh, chấp nhận sống trong hoàn cảnh bi đát ấy. Những Bích, những Hiền và chị Hiền là một phần của đất nước bị bầm vằm bằng nhiều nhất dao oan nghiệt. Họ vì cuộc sống mà phải bỏ làng tản cư lên thị xã, phải nhắm mắt làm người phụ nữ “sạch sẽ” nhất trong thời loạn: “Một lần nghi Bích không tin mình, giấu tiền không cho mình vay, lúc hai người đang nằm ở giường, anh ta chợt nảy ý tưởng đòi khám Bích. Bích từ chối cầm chừng. Lúc trật hai chiếc vú-chiên xuống nửa chừng, anh ta sững sờ một lát rồi ôm Bích thật chặt, hôn Bích như một sự đánh liều để cố quên mình đang có một cơ thể bị đòi hỏi hành hạ. Sau đó anh ta nói một câu kỳ quặc nhưng hơi mất bình tĩnh “Vú Bích sáng ngời, nóng và trơn thế mà từ lâu nay nào anh có hay”... Một nửa anh bị ám ảnh bởi bộ ngực của Bích, một nửa anh ngại, nếu tiến thêm, Bích sẽ nhòa đi như những người đàn bà anh đã gặp” (Bên Ngoài Khán Đài).

Và đâu không “dữ dội, bi thảm” như chị Ba, chị Tư của Thế Uyên, Thảo trường nhưng những “người đàn bà có chồng lên núi mấy năm nay” của Y Uyên lại phải chịu đựng một cách khác, dơ dáy một cách khác, bi thảm một cách khác:

“-Ai đó?

Giọng Bích cố thoát ra khỏi hai hàm răng. Một cánh tay vòng lấy lưng Bích chắc nịch.

-Qua đây chờ ai.

Nghe có tiếng nói cất lên, Bích thấy đỡ sợ nhưng xúc động sợ hãi vẫn còn rung da thịt. Bích thấy kẻ ôm lưng mình là một bóng đen cao lớn đã chui vào mùng từ lúc

nào. Vòng tay đó thắt chặt lại. Một tờ giấy được nhét vào tay Bích. Bích chắc là một tờ giấy bạc và thấy mình bị kéo xuống khỏi giường. Bích vùng đạp mạnh vào Hiền, cố giật người thoát ra khỏi vòng tay sau lưng. Hiền nhòe dậy hỏi:

-Chi đó?

Vòng tay tự nhiên nới rộng, mở ra. Hiền yên lặng đứng dậy, bước ra điềm nhiên:

-Ông xã đó phải không?

Bích đã hết sợ, ngồi dựa vào góc tường, ngạc nhiên.

-Ai ngủ với em trong đó?

Giọng người đàn ông hỏi uy quyền.

-Bạn em đó.

Người đàn ông im lặng một lát rồi Bích thấy Hiền như bị ôm sát.

-Bữa nay có bạn em...

-Bạn em thì sao?

Bích thấy Hiền bị nhấc bổng ra khỏi giường, theo bước chân người đàn ông ra khỏi cửa. Một lát, bên giường chị Hiền có tiếng trở mình. Bích thấy chị rón rén bước sang giường mình. Bích hỏi:

-Chuyện gì đó chị hai?

Người chị Hiền ghé ngồi vào giường, nhỏ giọng:

-Còn chuyện chi nữa.

-Hiền nó đi với người đàn ông đến đâu?

-Ra ngoài hiên chờ đâu.

Bích ngạc nhiên:

-Cha đó vào bằng lối nào kìa?

Mùi khế úng lại thoảng vào trong phòng. Bích nghe như có một giọng đáp từ xa:

-Nhà này có khác chi nhà ông xã” (Bên Ngoài Khán

Đài)

Hình như ông xã của Y Uyên và tay du kích của Thế Uyên làm cho chiến tranh thêm đậm mùi hơn, cái “mùi khế úng” bay vào chỗ tận cùng của thánh thiện và đơ bản nhất của cuộc đời này?

Đó cũng là nỗi lo sợ vu vơ, những hoài nghi vu vơ ngay chính bản thân mình và cho người khác trước cuộc chiến ngày một lan rộng, dữ dội:

“Chiêu hỏi:

-Chừng nào anh vô lại Sài Gòn?

Mường ngạc nhiên:

-Anh không có ý định đó.

Chiêu giận:

-Anh giấu em.

(...)

Chiêu quả quyết:

-Có tin những điều anh nói không?

-Không.

-Thực may cho anh. Chính anh cũng không hiểu phải nói gì với Chiêu.

Chiêu bật khóc. “Anh khinh em”. Mường yên lặng thấy mình ngây ngô.”(Gió Cuối Năm)

Làm sao mà Chiêu không “bật khóc” và Mường không “ngây ngô” khi sự chờ đợi của người thiếu nữ là sự chờ đợi mỗi mòn và anh Mường mới giải ngũ không thể tự định đoạt nổi số phận chính mình, hướng hồ đèo bồng “thứ tình yêu mới lớn của Chiêu” ? Rồi những chị Bước (Chiều Trong Làng), Kiều (Miền Không Vết Chân Người) vẫn cứ nhẩn nha giữa những tai hoạ đang vây bủa chung quanh, giữa một vùng cát tị nạn ngui ngút những căn lều tạm bợ, ở đó hai vợ chồng một nông dân,

một thợ dệt cứ lo ngay ngáy sao cho chiếc giường không kêu “rắc rắc” như chiếc giường của vợ chồng Hai Bát kê ngay bên cạnh. Đó, chiến tranh dưới ngòi bút Y Uyên nó mò sát tới chân giường của đôi vợ chồng nghèo. Rõ ràng anh không hề tưởng tượng hay nghe kể lại, mà chính anh đã “tận mắt ngắm nhìn” một cách cẩn thận để chia sẻ! Bởi hàng ngày anh đụng mặt với nó, bởi những nhân vật kia là phụ huynh của những đứa trẻ anh đang dạy dỗ, là những hàng xóm trong khu nhà trọ, ông chủ quán nấu cơm tháng...

Đến như Bão Khô, một trong số ít truyện ngắn được đánh giá là hay nhất của Y Uyên, thì không khí chiến tranh càng kinh hoàng, thâm trầm hơn. Chiến tranh đang tiếp tục lớn vồn, bay nhảy trên thân thể anh lính lệch vai, trên chiếc khăn tang của người đàn bà, những tờ sấm truyền tui học trò ngồi trong lều chợ buổi trưa, chép chuyền tay nhau, là chiếc xe đồ Vạn Hưng bán đồ uống cho Mỹ, là người lính Mỹ ngủ gà gật bên thềm chợ, mấy người đàn ông ăn bánh trắng, bà chủ quán mặc áo dài đi chân đất, là hai người đàn ông mặc áo xanh của một giáo phái kỳ bí với “những lời sấm bọn học trò truyền nhau chép và họ dường như có một liên lạc vu vơ”... Những nhân vật ấy xoay quanh một ngôi chợ tồi tàn bên kia cầu, hằng ngày anh lên xuống bốn bận đi dạy học. Đâu có súng nổ, đâu có bom rơi, đâu có cảnh quân hai bên xung phong xáp lá cà? Vậy mà nó, chiến tranh hiện ra một cách tàn nhẫn trên từng lời nói, cử chỉ, ngôn ngữ của bao nhiêu con người ấy. Nó làm cho ta quay quắt một nỗi đau không cùng. Và giả dụ như những kẻ cầm đầu cuộc chiến tương tàn này, đọc Bão Khô (cùng những

tác phẩm khác của những nhà văn khác), họ sẽ nghĩ gì?
Sẽ đẩy cuộc chiến tới mức tồi tệ nào nữa?

Với giọng văn rất bình thản, anh đi dần vào thế giới đau thương, tan tác đó bằng những tấm bảng hiệu “Laundry number one” trước hiên quán, hoặc “Refreshment” bên hông xe ba bánh, đến khi người lính lệch vai xuất hiện trên khu chợ, hỏi thăm chiếc xe đồ Vạn Hưng phủ kín tấm màn màu đỏ sặc sỡ:

“Người lính nhìn thẳng bé lê trên mặt đất với cái mệt trước mặt.

-Mấy có biết mấy người con gái bán trong xe đó không?
Thằng bé lắc đầu chỉ cho người lính thấy vùng đất bên dưới dốc ngổn ngang những vệt bánh xe.

-Làm sao thấy mà biết. Cửa xe có vải đỏ che kín, đậu dưới đó ai mà dám xuống.

-Con đi.

Tiếng người lính nguyên rửa giận dữ. Anh ta bỏ đi vào phí chợ”. (Bảo Khô)

Người đàn bà ấy là ai, đi đâu, làm gì?:

“Nỗi sợ hãi thiệt không hình dạng. Đột ngột như cái rùng mình của một cơn say. Anh không muốn hỏi, muốn nghĩ gì cả. Anh không muốn. Người đàn bà chết thảm đó không thể là vợ anh được. Nó đang giấu mặt trong trong chiếc xe đồ Vạn Hưng đó... Anh gục xuống với nỗi sợ hãi chập chờn trước mặt. Cánh tay cổ tròn vạch lên tường ngày gà khởi ấp vẫn hợp với người đàn bà gánh lúa, gánh thóc lúc chồng vắng nhà hơn. Những lời đồn đãi về vợ anh, từ trước tới giờ cuối cùng anh vẫn thấy gần lòng tin nhất. Vợ anh ngồi sau tấm màn đỏ theo lời đồn và chết lúc gánh gạo theo trí tưởng tượng mơ hồ và có lý như nhau” (sdd).

Và người đàn bà thứ hai trong truyện này:

“Từ dưới bãi cát người đàn bà khăn tang trở lên, hai ống quần ướt và quệt đầy bụi. Người lính hỏi bà chủ quán:

-Chồng chết?

-Chết mìn hôm trước đó. Một cái xe Lam, một cái xe nhà binh, chết sáu mươi mấy người.

-Kiếm chi dưới đó?

-Cánh tay có mang cà rá của chồng. Lúc điên, lúc tỉnh, lúc dại, lúc khôn, biết sao mà tin.

Người lính lăm bầm chữ tục, trề môi:

-Chồng chết lấy chồng khác, mắc mớ chi mà điên” (sdd)

Và kết thúc truyện:

“Bằng những bước đi dài và nhẹ, chị ta khom người từ từ vào sâu lòng chợ, nơi có một con chó không chạy vào lều, ngồi cúi đầu gặm một khúc xương. Người lính say mửa một hồi lại gục xuống mặt bàn, người như chúi về một phía.

(...) Có một giọng đàn bà lẫn với tiếng gió ở sau tấm liếp như tiếng mẹ thằng bé. Nó nhìn lên mặt lộ. Trên con đường lổ nhổn đá xanh dẫn lên trên đó, người đàn bà có khăn tang nhảy qua nhảy lại, rượt theo một con chó ngậm trong mồm một khúc xương”(sdd).

Cái khúc xương mà con chó ngậm trong mồm có phải là cánh tay người chồng chị đàn bà mang khăn tang bị mìn nổ banh xác? Hay đó là khúc xương người phụ nữ có cổ tay tròn ghi ngày gà khởi ấp trên tường (cũng bị mìn nổ) chết đâu đó? Chị ta là nhân vật chỉ xuất hiện trong truyện qua những dòng suy nghĩ của anh lính lệch vai, chồng chị. Rõ ràng anh ta không mong chị chết, nếu đổi cái chết ấy với chuyện chị ngồi trong chiếc xe đồ Vạn Hưng vẫn hơn. Nỗi nhục nhằn buộc phải chứng kiến

cảnh nhộp nháp của vợ với những người lính ngoại quốc trong chiếc xe đồ phủ vải đỏ sặc sỡ vẫn làm người lính yên lòng hơn là vợ anh chết thật sự, chết đâu đó mất xác như cái chết của chồng người đàn bà khăn tang kia! Trong lối ví von, so sánh Y Uyên đã đẩy tới tận cùng sự tan nát, đớn đau: thà làm đi, có nhơ nhục thật, nhưng còn sống vẫn hơn là chết bờ chết bụi!?

Rồi chỉ với một khúc xương trong mồm con chó, Y Uyên đã vẽ ra một cảnh thê lương, hãi hùng của chiến tranh đang phủ chụp xuống, không chừa một ai: Nỗi đau chết trận và nỗi đau của mất mát, chịu đựng không cái nào nhẹ hơn, bởi một đằng là tức thì với cảnh banh ruột máu me đầm đìa, một đằng kéo dài âm ỉ đau, âm ỉ khổ nhục... Cả hai vẫn thế.

Những người phụ nữ bình thường ở nông thôn, dưới ngòi bút Y Uyên luôn phải mang trên vai những gánh nặng khổ ải nhất trong thời chiến. Chiến tranh không nổ ra ngay tại những toà dinh thự lộng lẫy của các lãnh tụ hai phía, mà diễn ra khắp cùng các làng mạc ở nông thôn, xua đẩy những nông dân xác xơ chạy lánh nơi an toàn ở thị xã, thị trấn. Và như vậy, buộc họ phải coi trọng cái ăn. Những người đàn ông không thể về vùng quê xôi đậu để mang lúa lên sống chờ chiến tranh kết thúc, như anh Hai của Bình, mà là người vợ, chị Hai. Chuyển về lấy lúa ấy, chị mất tích luôn. Chị đi đâu? Làm gì? sống chết? Toàn là những lời đồn đại không thể kiểm chứng:

“... Bình lấy giọng bình thường bảo anh:

-Anh giận hoài chị Hai, tội quá. Chị có chịu khổ như vậy cũng vì phải về lấy lúa lên sống.

-Không nói nữa, mệt quá. Nó nhơ nhục, độc ác như con

cú mèo.

Bình phủ lớp bụi bám trên vai áo da, kiên nhẫn:

-Anh chị dù sao cũng sống với nhau bảy tám năm rồi...

-Nó đi Nha Trang rồi...

-Anh gặp chị hồi nào hay chỉ nghe nói?

-Cả xã Đại Tùng người ta biết nó. Nó bắt một đứa nhỏ mồ côi đi theo để ăn mày cho dễ (...) Đầu nó bào nhẵn như đầu thầy chùa. Nó băng qua bãi cát mà ra biển. Tới gốc cây đại thụ nó mang thằng nhỏ vào cái hang rễ cây, cầm xương rồng khô đốt cháy mà trui mặt mũi, chân tay thằng nhỏ. Muôn đời nó không dám về cái xứ này nữa.

-Người ta bày đặt, anh chớ có tin ... Anh gắng để ý kiểm chị một chút.

-Kiểm để ăn đạn, ăn mìn sao? Không nói nữa, mệt quá”
(Mùa Xuân Mặc Áo Vàng)

Đó, chiến tranh đi qua truyện Y Uyên bằng thứ đạo đức xỏ dốt, bằng những nhân cách lạnh lùng, bằng sự ích kỷ, sợ sệt bám riết theo các nhân vật. Họ có nhau, là của nhau, nhưng luôn chia lìa, xa cách trong những ý nghĩ hoang mang tội độ; hoang mang với bản thân và với chồng vợ. Hành động của anh Hai, chị Hai không thuộc về bản chất, nó thuộc về một thế giới khác, thế giới của hữu hình và vô hình trộn lẫn để đẩy con người ta vào hốc kẹt tối tăm làm người. Cái thế giới trộn lẫn ấy chính là điều Y Uyên muốn nói đến, nhắc đến, bởi hàng ngày anh đi qua, anh nhìn thấy, chứng kiến, sờ đụng...

Chiến tranh cùng khấp, ồn ào và không ồn ào, nổ chát chúa và nổ bùm bụp trong cõi lòng. Nổ tung từ vùng nông thôn lan tận rìa thành phố, đâu đâu cũng là sự nhớp nháp của chiến tranh, đẩy con người từ già trẻ gái trai tụt

dần xuống miệng hố đen ngòm. Trong hàng triệu con người nhếch nhác ấy, Y Uyên dựng lên một nhân vật có thật, nhếch nhác hơn thế: ông Mịch. Ông muốn bảo vệ cho thứ luân lý, đạo đức, trật tự có sẵn, ngay thẳng, trong sạch nhưng bị kết án là: “Ông già làm bộ giả điên để chửi tất cả cho sướng mồm” (Đuốc Sậy). Ông Mịch ca ngợi Tán Thuật, gây sự với lính Đại Hàn, chửi người lính già commando, theo đoàn người biểu tình chiếm Ty Tâm lý chiến,”ông kéo lùi chiếc xe díp của một thiếu tá, giữ lại cho mọi người chất vấn, ép phải hô lớn “Mẹ Việt Nam bất diệt! Tổ quốc Việt Nam muôn năm!”. Ông tiếp tục gây sự với mọi người và kêu gào mọi người hãy tham gia vào việc thiết lập trật tự đạo đức bị chà đạp, xuống cấp nghiêm trọng

“Ông tóm lấy một người con gái đội mũ nan chớp nhon, chỉ vào mặt:

-Bọn mày ở mấy cái xổng chờ đi tới đây hồi hôm?

Người đàn ông lùi lại kêu lấp bắp:

-Ông không có quyền...

(...) Ông Mịch lùi vào bức cửa sắt đóng kín, hai tay dang ngang, hét lớn “đồ đi, đồ đi của Mỹ. Tao phải giết hết”. Ông vỗ vào cánh tay, vén ống áo lên tới nách lúc tiến lúc lùi, thủ thế” (ĐS).

Theo sát những hành động và những lời chửi bới điên cuồng kia là cảnh: “Bọn người ở dưới làng lên ngủ nhờ bắt đầu đông. Họ vào nhà, cất nón cất xe, hỏi thăm Sương nhưng không ai lên lầu gặp ông Mịch. Họ ra trước cửa ngồi la liệt dưới mái hiên trên hè đường ồn ào nói chuyện”. Nhưng chạy đường nào, đi ngủ nhờ đường nào rồi họ cũng nhìn thấy: “Đạn lửa đỏ rực lừng lững nối đuôi nhau, bay trên cánh đồng, ngang qua mặt quốc lộ ngoài

kia”. Và rồi mọi chuyện cũng phải kết thúc bởi đạn bom không chừa một ai, ngay cả người hô hào sự công bằng, đạo đức, lên án mọi phía nghĩa đang bày ra nhan nhản trước mặt: “Những chiếc khăn trắng nhờ nhờ trải đầy trên mặt cát. Ông Mịch đã bỏ đi, đứng cách đó khá xa. Người ông cũng nhuộm màu mây đỏ. Sương thấy ông chậm rãi nằm úp tai xuống cát. Chiếc mũ sắt cắm vục xuống nom đen đũi, tròn bóng. Chắc ông lại nghe xem đoàn quân Tấn Thuật lại gần hay chưa?”. Những dòng cuối cùng để kết thúc truyện Đuốc Sậy là sự gãy gập đoạn trường bởi những biểu tượng cho lòng ngay thẳng, thanh tao, mọi giá trị nhân bản cũng đều gục ngã theo ông Mịch “người ông cũng nhuộm màu mây đỏ”.

Từ những người nông dân chạy loạn, đến ông trí thức giả điên hay điên thật đều được phơi bày một cách trần trụi, bình thản như những tấm lưng cong oằn chịu đựng, như cơn giận bốc lên bất ngờ của ông Mịch. Nhưng những số phận heo hắt đó, đâu chỉ dành riêng cho những người “nhà quê”. Nó còn đè nặng và hơn hết là cảnh sống mỗi mòn chờ đợi của những công chức là các thầy giáo trong ngôi trường ở quận lỵ miền núi, ngày đến lớp, đêm cùng học trò ra trốn ở các lùm bụi rậm, chỉ cách thị xã không bao xa: “Những người dạy ở An Bình tuy cách thị xã cả ba bốn chục cây số, tuy rất dễ gặp một ổ phục kích, một trận đánh, một trái mìn giữa đường, nhưng đường về thị xã còn có thể đi lại được. Ở đây thì hoàn toàn cô lập” (Những Ngày Cuối Năm Trên Miền Núi). Bởi “đường bị cô lập”, nên những Huỳnh, Ngưỡng, Phan... vẫn còn kẹt tại nơi đèo heo hút gió này, ngóng đợi từng chuyến trực thăng bay về thị xã, với những tâm trạng nôn nao trong những ngày giáp tết để rồi ngày hai bữa vẫn phải ngồi

vào bàn ăn: “Vẫn đĩa trứng thường xuyên, vẫn hai bát rau muống chẻ, một khúc cá và ba tô canh bầu hạt tổ bự”. Ngày ngày vẫn phải tới lớp, tối vẫn phải chui trốn với lũ học trò, vẫn phải chứng kiến cảnh: “... có đứa nghỉ hôm trước, hôm sau gửi cho thầy một lá thư đầy lỗi chính tả hẹn ngày “giải phóng” cho thầy”. Và một đứa học trò khác với Ngưỡng: “Thưa thầy em muốn xin rút lại hồ sơ... Em muốn xin thôi học lấy lại hồ sơ để...đi biệt kích” – “Đi biệt kích?” Ngưỡng lạ lùng. “Nhỏ như em làm sao đi lính?”. Thằng bé tự tin: “Em đã hỏi cẩn thận rồi. Cứ lên gặp họ, nói không có chỗ trốn Việt Cộng, họ nhận liền”. Hai đứa học trò bậc tiểu học, một đứa lấy lại hồ sơ để “giải phóng” cho thầy, đứa kia xin đi biệt kích, chỉ vì “không có chỗ trốn Việt Cộng”!? Thử hỏi còn cảnh nào bị thương hơn? Chiến tranh là thứ gì mà nó bóp nát những quả tim bé thơ dưới ngòi bút Y Uyên đến vậy? Mối tình với cô giáo Diệu không thể nào xoá đi cảnh “bốn chiếc oanh tạc cơ bay thành hình bầu dục trên rừng núi trước cổng trường” trong buổi lễ cuối năm.

“Những chiếc máy bay sà xuống thật thấp, lao vút vào những cột khói đen sậm ở chân núi. Những trái rockets như những cái chày bạc lấp lánh dưới nắng tới tấp phóng xuống trước nền rừng núi xanh đậm. Đất rừng rừng từng đợt dữ dội. Bọn trẻ nhao hưởng về phía đó”. (NNCNTMN).

Các nhân vật “học trò” kia không rõ chúng có thực hiện điều mà chúng nói, viết thư cho thầy giáo Ngưỡng hay không, nhưng những toan tính buổi đầu của chúng là sự dã-man-đến-tận-cùng của chiến tranh. Nó không chừa một ai, không dung tha một ai. Tất cả đều bị cuốn hút

vào guồng máy súng đạn khổng lồ, cầm thù chất ngất, phi lý đến cùng cực, bởi nó không có hình thù, mặt mũi, chân tay mà lại có thể bất ngờ siết cổ họng anh đến ngạt thở, đưa tay moi móc ruột gan mọi người banh ra ngoài, chiến tranh không có giấc ngủ... : “Chiến tranh và nỗi khổ hỗn độn xung quanh như không trộn lẫn được những người công chức thị xã với người dân nạn nhân. Những đêm nghe bom, đại bác dội về rung cả cánh cửa, anh thấy chiến tranh không có giấc ngủ. Nhưng lúc nom những xác người nằm trong một căn phòng nhà thương, anh lại thấy chiến tranh gồm toàn những giấc ngủ triền miên, anh chẳng thể hỏi han như hỏi han bà hàng vịt lộn” (Bên Ngoài Khán Đài).

Mới hôm nào anh còn là trí thức trên giảng đường đại học, ngoảnh một cái, anh chui tọt vào vòng xoáy chiến tranh, đánh mất tất cả mọi niềm tin: “Tôi chạy đến thì anh tôi đã bỏ đi. Một đám đông bu trước tiệm nước. Chiếc khăn bàn anh tôi ngồi rũ xuống một góc được giữ lại bằng một lưỡi dao ngấp trên bàn” (Cố Heo May Hà Nội). Hành động của anh chàng đã từng “cấp nách những cuốn triết hoặc cần cù tô từng nét chữ Hán cho đậm nét” kia giờ đã là người lính bất đắc dĩ. Chuyện giận dữ vô cơ cắm lưỡi dao trên bàn, chuyện cãi nhau với mẹ, chuyện xin phép đơn vị về đám giỗ... chỉ là cái cớ để anh trút tất cả nỗi thất vọng, hoài nghi của thế hệ mình vào lớp trí thức sa lông như chú anh (chồng của cô ruột) vẫn cứ hăng hái nói về những lý tưởng, nhớ nhung quá khứ, những người thuộc thế hệ quá khứ đều là những anh hùng, sẽ cứu lấy đất nước rách nát, xác xơ này và nhìn ngắm lũ trẻ như là bọn vô tích sự. Và rồi bọn trẻ kia

cũng đâu chịu lép vế, họ cũng vùng lên, phản kháng yếu ớt:

“Tao không chịu được những bộ mặt trí thức thất bại lộ ra cả trong việc theo vợ đi ăn giỗ, nói chuyện thời thế và Hà Nội. Họ khôn khéo ăn nói những thứ mọi người đang thích ăn thích nói để che lấp nỗi nhớ tiếc vốn là mầm sống của họ. Họ không nhớ một mình Hà Nội, cũng không nhớ Hà Nội như tình cảm của một chiến bại, hoặc cao hơn,, một nỗi nhớ cần nhiều cố gắng thực tại để bù đắp sự thất bại còn đây chưa biết đến bao giờ. Họ còn thương nhớ cả những nếp suy nghĩ của mình nữa. Trước tình thế này, họ nên khuất mắt, đừng lẫn quần bên chân những người vừa mới lớn lên đã phải nhào vào chống đỡ những sụp đổ do họ gây ra” (CHMHN).

Người chú trí thức (chồng của bà cô ruột), người anh trí thức đang vào lính (anh của nhân vật xưng tôi), hai thế hệ khác nhau cùng sống trong một giai đoạn lịch sử đầy bất trắc, biến động và cùng có những ảo tưởng khác nhau về cuộc đời, số phận, về trách nhiệm, bổn phận... trước lịch sử, một lịch sử trong thời kỳ mọt rỗng, một đất nước trong thời kỳ mọt rỗng, một bên hiển hiện rõ ràng bằng máu và nước mắt, khăn tang, một bên là những hoài niệm về một thời vàng son của cả dân tộc cùng đứng lên kháng chiến:

“Những ảo tưởng về tương lai tuy chưa xót, nhưng bao giờ cũng đáng phấn khởi hơn những ảo tưởng về những chuyện đã qua, dù đẹp nhưng tình và chết như bóng thím Hương trên bức tường hoa, bên nững trụ gạch đất hình rồng phượng bằng các mảnh sành mảnh sứ” (CHMHN).

Vâng, con rồng con phượng chỉ là hình tượng đẹp trong trí nhớ mọi người. Còn những mảnh sành sứ là có thật, là

những mảnh vỡ được ghép lại!

Chiến tranh đi qua tác phẩm Y Uyên thực không rõ ràng, không hình dạng, bị băm vằm ra từng mảnh. Khi đọc, ta gặp chỗ này một chút, chỗ kia một ít, nhưng khi gấp sách lại, chắp nối các chi tiết tác giả đã mô tả, dẫn dắt, bày tỏ thì mới thấy hết phía sâu thẳm tận cùng, bên trong. Có lẽ đây là điều gây khó chịu cho người đọc, làm cho người đọc không thích truyện Y Uyên nhưng vẫn phải đọc, đọc để tìm ra điều tác giả gây khó chịu ấy. Ví như truyện dài Ngựa Tía, những nhân vật Thừa, bốn Phây, Diễn, thăng Mạnh, Thu, Thương... xoay vòng vòng những tâm trạng thấp thỏm âu lo cho công việc, số phận: Thừa trở lại quê nhà tạm nghỉ để chờ chuyển đi tiếp chỉ có thể nhìn thấy cuộc chiến qua hình ảnh của người cha và con ngựa tía; như Thương, một thiếu nữ đầy bất hạnh mang lời ca để vỗ về những người cầm súng hôm qua ở bên kia, hôm nay ở bên này; như ông Phước Hải nuôi chim yến làm giàu và qua hình ảnh ông, người ta như nhìn thấy những kỷ niệm của chính mình do ông cất giữ như một cái bảo tàng, bảo tàng của kỷ niệm, bảo tàng của thứ tình cảm riêng tây?... cùng hàng loạt những nhân vật khác. Tất cả đều xoay vòng vòng đến khó chịu, như câu ca dao anh dẫn ra:

“Con ngựa tía ăn quanh đèo Cả
Vầng nguyệt đem rằm bóng ngả về đông...”.

Trong Ngựa Tía, chiến tranh đi qua đời sống mỗi nhân vật như một định mệnh oan khốc của chính mình, bắt đầu từ làng quê, vùng ngoại ô, rồi lan xuống thành phố vây chặt lấy số phận họ và từ lúc nào nó bùng vỡ ồ ạt mà không ai hay. Tất cả đều lạc lõng, đều bơ vơ trước một

ngịch lý cay đắng nhất. Những người trẻ tuổi trong Ngựa Tía như Thừa, Diễn... là những người có số phận buồn thảm nhất. Buồn thảm đến độ bi hài như chính lão chủ quán cơm:

“Ồ quây hàng, một người lính trẻ tuổi gây gỗ với gã chủ tiệm vì gã bắt quân nhân phải đóng trước tiền nửa tháng cơm. Gã chủ tiệm một mắt méo mồm, vận bộ bà ba trắng mặt nhô sau quây, như không phân giải, không cãi lý, chỉ căng rộng mồm kêu: “... trận núi Sầm vừa rồi, bấy người không trả tiền cơm, trận Đồng Leo năm người, bữa mìn nổ ở cây số 3 cũng mất hai người nữa, tôi không thể dễ dãi hoài như vậy, tôi không thể dễ dãi, dễ dãi tôi chết cả nhà tôi, tôi không thể..., trận Long Biên mất bốn, trận...” (Ngựa Tía, trg 55).

Đọc đến dòng cuối cùng của trang cuối cùng, người đọc không hề tìm thấy chiến tranh nổ ra, quân hai bên đánh nhau khùng khiếp như những bài bút ký của Phan Nhật Nam, những truyện viết dưới hầm, bên trong lô cốt của Trần Hoài Thư... Vậy mà, sao nó cứ đeo bám nhùng nhằng trên vai mỗi người có mặt trong truyện? Phải chăng vì, như Thanh Tâm Tuyền đã nhận xét về anh: “Y Uyên đã hội đủ những điều kiện để trở thành một nhà văn: có một khung cảnh của riêng mình (như Dickens có Luân Đôn, như Dostoievski có St. Pétersbourg), có những nhân vật mà mình yêu mến) (VĂN số 129).

Những nhân vật của Y Uyên chẳng có gì xa lạ, họ không phải là chàng thanh niên và cô thôn nữ của Lê Xuyên ngồi nấp sau bờ ruộng chờ đợi nụ hôn, không phải là các bà mệnh phụ trong những căn phòng lộng lẫy, những thiếu nữ đòi các than thở về mối tình sứt sẹo của bà Tùng Long, hay những trí thức sống trong tháp ngà của

Mai Thảo..., mà là những con người rất đổi tầm thường như Bước, như Phon, như Kiểm... Họ ngơ ngác nhìn tai hoạ đổ ập xuống bụi cỏ xác xơ, bụi tre làng cao ngọn lay lắc buồn thảm, những con đường làng trở nên vắng vẻ, âm u. Lúc nào và ở đâu chiến tranh cũng có thể nhìn thấy được, ngay cả trong giấc ngủ, ngay trong câu nói băng quơ của người nông dân ít học, ít hiểu biết thời sự nhất:

“-Trước, một buổi mai bán ở chợ dưới, hàng bán còn gấp đôi số hàng bán cả hai buổi bây giờ. Chợ chi mà chỉ có người bán.

-Chiến tranh mà chi

-Chiến tranh mẹ gì mà lâu dữ vậy” (Chiều Trong Làng)

Họ, những người nông dân chất phác, quê mùa chẳng thể biết, hiểu được chiến tranh là cái gì. Nhưng nó, chiến tranh, cứ đeo bám bên hông họ, bên mẹt hàng của họ từ ngày này đến năm khác để phải bật ra tiếng kêu “chiến tranh mẹ gì mà lâu dữ vậy”. Chính cái dây dưa cà cuống những nhằng đó mới đẩy một ông Mịch trở thành kẻ điên, đẩy Bước thành một kẻ luôn lo sợ vu vơ, thành một ám ảnh, thành nỗi hoang mang vô cơ và thường trực trong đầu óc Bước:

“Thuở nhỏ Bước sợ ma quỷ bắt về âm phủ... Bây giờ từ miệng một người phu xe qua thôn, từ một thành phố Bước chỉ tin là có vì được nghe phát thanh chốc chốc nhắc lại “Đây là tiếng nói nước Việt Nam phát thanh từ...” từ một ngôi nhà làng... đâu đâu cũng có lệnh cho Bước, ai ai cũng có thể ra lệnh cho Bước. Dầu Bước không có một căn cứ cụ thể như có bụi cây để nghĩ ma quỷ lẩn quất ở đó là hợp lẽ, bây giờ Bước vẫn phải tin và tuân những lệnh đó và vẫn sợ những trừng phạt kèm

theo” (Chiều Trong Làng).

Nhắc lại rằng, trong hầu hết các tác phẩm của Y Uyên, các nhân vật không trực tiếp tham gia hay đối diện với những cái chết kinh hãi, của cảnh bom rơi đạn nổ kinh hoàng, nhưng giữa những đổ nát ấy, giữa cảnh máu đổ thịt rơi đang xảy ra đâu đó xa chỗ họ đứng, họ sống thì chiến tranh vẫn thường trực đè nặng lên người họ, tâm trí họ. Những nhân vật hiền lành như Nhưõng, một giáo viên, như Diệu người yêu của anh ta, đang đi bên nhau vẫn nảy ra một cảm giác lo sợ vu vơ, bất an ngay trong ý nghĩ:

“Nghe tiếng lá khô loạt xoạt cọ vào nhau liên hồi, Ngưỡng vững lòng. Nếu có người bò trong đám mía, có vấp ngã, những tiếng loạt xoạt cũng át đi, khỏi sợ lộ” (Ngày Về Cửa Bọn Họ).

Đó cũng là tâm trạng của Hồ, anh cố vượt qua con đèo dài để kịp về sum họp với người thân yêu trong những ngày tết, nhưng anh vẫn cảm thấy như sự bất trắc của bom mìn vẫn chờ chực đâu đó, chờ bước chân anh đi qua, của đoàn người qua đèo mà nổ tung lên:

“Một nỗi hoảng sợ đến kinh dị chiếm lấy Hồ. Hồ cấm đầu chạy nhào đuổi theo đoàn người trước mặt. Lúc đã tới chân dốc, Hồ mới nhận ra vẻ hốt hải của mình”. (Mùa Xuân Qua Đèo).

Truyện ngắn duy nhất mà Y Uyên vẽ ra khuôn mặt người lính là truyện Tiếng Hát Của Người Gác Cầu trong tập truyện ngắn Tượng Đá Sườn Non do nhà Thời Mới xuất bản năm 1966. Đó là truyện ngắn có hình dạng, có chân dung của người lính hẩn hoi. Nhưng những người lính xuất hiện trong truyện không phải là những người

anh hùng, không phải là những thiên thần, không có cấp bậc, không bao giờ biết ngồi lên xe “díp” là gì. Họ là những người nông dân vào lính, là những bè bạn trong làng vào lính và cầm súng. Chuyện vào lính của họ là đương nhiên, không thể cưỡng lại, đứng ngoài; còn cách cầm súng của họ không phải ra ngoài mặt trận bắn nhau, mà là để đứng gác trên chiếc cầu dài, mặt phải luôn nhìn xuống dòng nước lũ trôi qua gầm cầu, ở dưới đó sẽ có những bất trắc cho tính mạng chiếc cầu, tính mạng người lính và đám đông. Nhưng thỉnh thoảng người lính gác cầu cũng nhìn đoàn xe chạy vụt qua, nhìn chiếc bảng cấm ở đầu cầu xoay đi xoay lại như chính cuộc đời của bọn họ, những thanh niên nông dân, là bạn bè thân thiết nhau. Đó là Nhựt, Thấu, Phon, Đàn... cùng vào nghĩa quân. Phon đứng gác trên cầu nhìn dòng nước lũ và nhìn những con bò, ngựa chết trôi sông và ao ước “có tội nó ngồi nhậu”. Còn tội nó, tức đám bạn thân của Phon là nghĩa quân ở xã, cũng nhớ Phon nay đã lên quận, đang ngồi nhậu thịt ngựa với rượu đế và nhớ lời ca ruột của bạn: “Cúc Hoa ơi nếu chúng ta còn cách xa nhau vì kẻ tuyên đài người dương thế thì mãi mãi anh còn là kẻ bị dày ải đơn côi trong ngục thất của tâm hồn...”.

Ngày nào cũng như ngày nào, Phon cầm súng đứng trên cầu và nhìn xuống dòng sông đục ngầu, thỉnh thoảng nhìn tấm bảng xoay qua xoay lại và nhìn xuống dòng nước coi có xác con vật nào trôi qua? Cảnh nhàm chán ấy cứ lặp đi lặp lại mãi đến nỗi Phon cất tiếng hát bài ca của đứa bạn đã chết tên Xanh, như một thói quen nhớ bạn bè. Nỗi nhớ cuộn cuộn chảy dưới gầm cầu được Y Uyên miêu tả đến tận cùng sâu thẳm của tâm hồn Phon, phơi trần bản chất đặc sệt nông dân từ trong suy nghĩ

đến hành động. Người con người cùng khổ ấy chỉ có mỗi một ao ước cháy bỏng là được nhậu một bữa cho ra nhậu. Những giọt nước mưa bám trên mặt mũi anh cũng gọi một sự liên tưởng, như một nỗi ám ảnh không nguôi: “Phon ước những giọt nước mưa trên môi mình là rượu. Phon vuốt mặt, nhô ra khỏi cây sắt”. Sự ám ảnh ấy, lại còn dính chặt tầm mắt Phon theo xác con vật trôi trên sông: “Con vật trôi mau. Tựa bụng vào thành cầu, Phon cúi xuống nhìn. Chiếc đầu với hai cái sừng nhô lên một lần nữa. Con vật chắc mới chết. Lúc Phon ra gác cầu, trận đánh mạn trên sông mới bắt đầu. Phon chắc nó cũng trúng đạn như con bò tuần trước trôi qua đây (...) Phon bứt rức lắng tai xem có tiếng động nào chứng tỏ con vật còn đang ở dưới chân cầu. Chỉ có tiếng nước xoáy.

-Nó đã bị kẹt vào dây kềm gai”.

Cái nhìn thấy, sự suy nghĩ của người lính dưới ngòi bút Y Uyên vẫn nguyên hình là những anh nông dân chất phác, thật thà, không chỉ riêng mỗi một nhân vật Phon mà còn cả những nhân vật khác, là bạn thân của Phon đang là lính nghĩa quân dưới làng: “Không phải thịt con ngựa hồi hôm đâu anh Năm. Lòng ngựa xoắn cả đồng lẫn lộn với lòng Cai Bốn, ai mà dám ăn”. Những người lính nông dân đi cầm súng chỉ để cầm súng, chỉ để ước ao điều mình chưa đạt tới “ngồi trên xe thiết giáp chạy qua bên kia quận” như cách rông chơi chứ không phải đi đánh nhau, và hơn hết:”Một đùì thịt bò còn nóng máu, một xị rượu lúc đã thay quần áo khô, có lẽ không còn điều gì đáng ước ao hơn thế. Tay Phon nhiều lúc đặt trên cán dao bên thắt lưng. Một đùì bò, một xị rượu...”.

Bóng dáng chiến tranh trong hầu hết các truyện ngắn của Y Uyên là sự chập chờn qua dòng suy nghĩ, là lời kể

lại, là nhìn thấy một sự khô hời rất khô hời, ví như chính trong truyện này, anh đã mô tả lại cảnh cãi nhau giữa hai thiếu úy ngồi trên xe “díp” và những người ngồi trên chiếc M113 ở giữa cầu, để anh lính gác cầu là: “Phon ngẩn ngơ nhìn theo, nghĩ thầm:

-Mỗi ngày gặp một vụ như vậy có khi đỡ sâu”.

Người lính gác cầu buồn vì xa làng, xa bạn, xa những cuộc nhậu, đêm ngày chỉ quanh quẩn bên chiếc cầu dài hun hút, nhìn tấp bắng quay qua, quay lại, nhìn đoàn người xe qua lại một chiều như thể khắc trong đầu anh nỗi buồn thật sự. Đó là những tai ách làm anh và đám bạn anh phải xa nhau, phải buồn. Và rất hiếm hoi, anh mới có chút hăm hở để thấy mình thật sự là mình như từ trước khi vào nghĩa quân:

“Nặng lộ dần trên các vòm cầu. Cánh cửa đóng im ỉm ở đầu nhà ga bật mở. Người con gái sang ngủ ngày với Trường đồn nắm chiếc khăn tay đi ra, bước lên một chiếc xe Lam-bét-ta. Phon nắm một con dao, bước xuống bờ sông” (THCNGC)

Đó là mấy dòng cuối cùng của truyện Tiếng Hát Của Người Gác Cầu khép lại một cách lạnh lùng, bình thản như chiến tranh bình thản đi qua trên mỗi số phận, mỗi cuộc đời.

Và rồi khi Đoàn ở lại xã, đôi bạn nghĩa quân nhớ nhau, Đoàn đã lên quận tìm Phon đang đứng gác dưới mưa. Mẫu đối thoại giữa đôi bạn thân thật ra không có gì đặc biệt đáng lưu tâm, nó vô vị nhạt nhẽo như nhận xét của nhiều người, đôi lúc có cảm tưởng như anh cố tình kéo dài ra lấp đầy trang. Mẫu đối thoại không đầu vào đâu, không ăn nhập gì tới sự nhớ thương nhau cả:

“Phon giờ tay vầy, chân bước sang mạn cầu bên kia chờ

bạn. Đành hất mặt lên cười với bộ mặt bóng nước. Hấn đạp xe lên, dừng trước mặt Phon, chân phải đặt trên đường dành cho bộ hành.

-Mạnh giỏi mấy?

-Mạnh. Có chuyện chi đó?

-Có chuyện chi đâu.

-Rảnh chuyện vậy na.

-Ồ, tội tao mà.

Phon sờ vào chiếc áo lụng thụng của bạn:

-Tội mấy xếp thiệt.

Đành liếm nước quanh môi, nghe những tiếng súng từ vùng núi đầu sông vọng xuống.

-Vậy là đỡ rồi. Chỉ còn có hai tháng nữa mây đã có lương.

-Bữa đó tao gắng xin về gặp tội mây. Nghe nói sau bữa tao đi thẳng Năm có chuyện với tội mây.

-Nó thông cảm rồi. Bữa thẳng con nó chết nó cũng mời tội tao lại nhậu. Con nó chết được hơn tháng.

-Thiệt tội

-Thằng Thấu nói hay quá nó cũng đỡ sầu.

-Ồ Thấu...

Một chiếc xe ríp phóng vụt qua, Phon quay mặt ra thành cầu

-Cấm nói chuyện trên cầu?

-Cấm.

Đành ngoái trước ngoái sau rồi vòng xe trở lại:

-Vậy tao về.

Phon dựa lưng vào thành cầu:

-Tao có lời thăm Thấu”

(Tiếng Hát Của Người Gác Cầu).

Chịu khó đọc lại mẫu đối thoại trên lần nữa, ta thấy

dường cái vô vị nhạt nhẽo dần dần trôi ra khỏi trí óc khi Đành nói “Vậy tao về”. Bình thường, giản dị, cứ y như ta nghe hai người nói chuyện ngoài đời chứ không phải nói trong văn chương. Vậy mà Y Uyên bê vào nguyên xi để ta cảm được cái tầm thường của những người nông dân, ngoài chuyện nghĩ đến ăn nhậu, miếng cơm manh áo, chuyện lo sợ nơm nớp tai hoạ của chiến tranh đổ xuống, nó còn toát lên cái tình, tình bạn chân thành, không giấu giếm, úp mở, khách sáo... và một sự chịu đựng ghê gớm của tầng lớp nông dân đang chạy loạn ở miền duyên hải Trung phần “Vậy tao về” rõ ràng không phải là sự hờn dỗi. Câu nói tầm thường này là cả một sự dàn trải về lòng nhẫn nại, cam chịu, nhịn nhục xuyên suốt toàn bộ cốt truyện. Cái khó chịu trong phong cách sử dụng chữ nghĩa của Y Uyên là chỗ đó, đồng thời nó tạo cho anh có một bút pháp riêng biệt, không giống ai. Nói như nhà văn Võ Phiến, thì: “Giữa một văn đàn náo nhiệt, Y Uyên, kẻ nhỏ tuổi nhất, lại nhỏ nhẹ, bình tĩnh, kín đáo. Y Uyên như thể không bao giờ chịu nói hết lời. Chỉ có chuyện băng ngang qua một quãng đồng dưới nắng rồi ngồi lại duỗi cẳng cho con bú, chỉ có xách Solex đi thăm cô bạn cũ một ngày mưa mù, chuyện văn lai rai rồi chiều lại xách xe về, vậy mà người đọc đọc xong, buông cuốn sách xuống, ngồi lặng lẽ, thấy nhạt cả mồm, thấy ngao ngán. Đời không là thành sầu bể khổ gì ráo, đời không phi lý không hữu lý gì cả, không làm ai buồn nôn lợm giọng gì cả ...

Nhưng cuộc sống sao mà ... nhếch nhác một cách ... "tự nhiên", làm ta rùng mình. Một nỗi buồn nhẹ nhàng cứ lặng lẽ thấm dần, liễm dần vào hồn ta như mưa bụi lặng lẽ thấm ướt cảnh vật một chỗ quận ly .

Truyện để lại một âm vang xúc động tựa như thơ.
Cái ma lực của một phong cách văn chương. Ghê thật ."
(Võ Phiến, Văn Học Miền Nam, trg 1856, NXB Văn
Nghệ, Hoa Kỳ 1999)

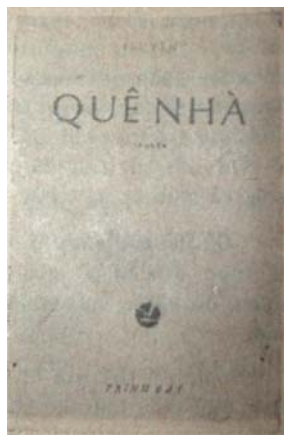
26 tuổi với 7 tác phẩm đã được đón nhận như một nhà
văn có cá tính, chân tài đã gây xúc động cho biết bao
độc giả yêu mến anh, bạn bè anh, người thân khi anh
nằm xuống bên dòng suối dưới chân núi Tà Dôn. Và, 35
năm sau, kể từ ngày anh bỏ bạn bè, rong chơi ở cõi vĩnh
hằng, đọc lại những truyện anh viết về một thời loạn lạc,
tôi vẫn thấy sự loạn lạc ấy chưa hề chấm dứt như điều
anh từng ước mơ “chiến tranh mẹ gì mà lâu dữ vậy?”.
Vâng, “Quê Nhà” anh vẫn chưa thật bình yên, mọi người
ở quê nhà vẫn là hình bóng con Ngựa Tía của anh...

l' Aveyron , tháng 11-2004

NGUYỄN ƯỚC

**Y Uyên: Hiện thực
chập chờn**

(Tặng Tuy Hoà cùng THẢ & MVL)



Thời buổi ấy chập chờn. Xã hội quay cuồng theo

những cơn lốc chính biến. Chiến tranh bốn phía lửa đạn. Quá khứ xa. Hiện tại rạn. Tương lai mù. Con người trôi dạt hoặc bị làm nguyên liệu chinh chiến. Vì sao nên nổi và trong nông nổi này, con người đi đâu về đâu. Ngày mai còn lại gì, kể cả thân xác này, trong lửa đạn. Không câu trả lời thỏa đáng. Con người sống mộng du. Thời gian lung linh, vừa rạng sáng vừa đứng bóng vừa chạng vạng tối. Bầu trời đè lên đỉnh đầu. Không gian có sấm chớp lập loè bốn phía. Và ta là con rối, sau những lúc bị giật dây cho chết, bị dồn vào đường chết, chỉ còn những khoảnh khắc cúi gằm mặt, chẳng nhìn lên.

Trong khung cảnh sầm sập mặt thế với những nhân vật hành tung không rõ nét, không ai biết từ đâu tới và sẽ về đâu. Lũ học trò khiếp sợ đại họa, chép lời sấm ký, đem từng tờ chuyển cho người khác lại xúm nhau đá vào mặt một đứa bé bán hành dạo cho lính Đại Hàn, không chịu cầm tờ sấm vì sợ đó là truyền đơn. Thằng bé cơ cực ấy lại ngồi an ủi một lính Mỹ đang ngủ mà khi thức chỉ biết nói hai tiếng Việt “*giời ơi*”! Người đàn bà chồng chết trên non cao lại tìm xác chồng dưới lòng sông. Anh lính giắt dao găm nơi ống giày, tìm giết vợ bị nghi bỏ nhà đi làm đi; khi uống rượu say lại nghĩ biết đâu vợ mình đi buôn gạo, đã nổ tan xác theo chuyến xe vừa trúng mìn.

“Anh ta vịn vào cọc lều đứng dậy, lão đảo ra đường, nhìn lên phía mặt lộ. Bụi kéo thành đám phủ xuống người anh. Anh đưa hai tay lên chụm mắt, quay lưng về hướng gió. Sao chiếc xe vẫn chưa tới? Sao nó chết cũng bắt anh chờ đợi nôn nao như hồi sắp cưới nhau? Người đàn bà nào chết ở trên mà vô thừa nhận? Cũng có đứa đàn bà trốn mẹ, giấu chồng đi lấy lúa như nó hồi trước sao?

Người lính không muốn trở vào quán nữa nhưng anh cũng biết mình không thể đi đâu lúc này. Sống lưng lạnh khô và như có cát bám từ gáy trở xuống. Mắt anh nhúc nhối, hai màng tang máu đập dồn dập. Nắng vẫn chói lòe nhúc nhối. Như có những đốm hoa sầu đông bàng bạc hỗn loạn trên không.” (Bão khô)

Người lính thay vì đánh giặc thì chỉ nốc rượu, chực giết vợ. Hai ông họ Trần mặc quần áo tu hành, cổ đeo chuỗi hạt thì “Người ta nói màu áo nom lạ mắt. Có người nói chắc họ ở Bình Định đi thuyền men theo bờ biển vô đây ‘Phải là người gan dạ, võ nghệ cao cường mới dám xem thường nguy hiểm’. Người khác lại nói họ là bạn ông thầy pháp 9 vợ ở thôn trên, hồi mở hội bắt thăm người vợ út của ông dường như cũng có mặt hai người nầy. Cũng có thể là hai anh em họ Trần dong thuyền đánh cá ra khơi mất tích cả chục năm ít lâu nay lại nghe nói trở về hối thuốc cứu độ cho những người dân miền bờ biển. Cũng có thể là người trong bọn chuyên môn đổi đô-la và buôn lậu bò sang bán bên kia đèo cái trang. Nhưng dù sao, mọi người cũng nhìn hai người lạ với sự e dè, kiêng nể. Những lời sấm bọn học trò truyền nhau chép và họ như có một liên lạc vu vơ.” (Bão khô)

Con người bị gấn chặt và khung cảnh xã hội: “Bây giờ không ai có quyền sống xa đời sống đông đảo quanh mình” (Có heo may Hà Nội). Vì thế, bất mãn, biết mình bất mãn, và đòi mình phải có thái độ dứt khoát: “Bất mãn số đông, khi được biết tới, được biểu lộ có tránh được những cá nhân giành giật làm của riêng? Nại nói dẫn đo hoài là một truy lạc tinh thần. Nhưng liệu lính có làm gì được hơn không? Đời sống giả tạo ngay từ một cái lon uống nước, hạt cơm nhai từng bữa, từ một nụ cười vô tuyến truyền hình liệu có được những hành động từ

một ý nghĩ độc lập? Những buổi tối gặp nhau tại đây, bọn Nại lại đem chuyện đó ra nói. Muồng giận quá xuýt đập lộn vì một câu nói xấc của Kinh. (Gió cuối năm).

Truyện *Có heo may Hà Nội* có nhân vật người chú, khuyên cháu sống với thực tại mà bản thân chú lại chán chường Ngô Đình Diệm, mê mải Kim Dung, hoài nghi các giá trị chính trị và ẩn mình trong truyện kiếm hiệp. Người ta sống với niềm hi vọng, từ những năm 1954: “Lớn lên chắc cháu đỡ khổ hơn chú cháu.” Nhưng rồi “năm này sang năm khác. Bao nhiêu năm nay vẫn những bộ mặt ấy, vẫn những câu chuyện quanh đám giỗ ấy.” Và sống bằng ảo tưởng: “Những ảo tưởng về tương lai tuy chưa xót nhưng bao giờ cũng đáng phấn khởi hơn những ảo tưởng về chuyện đã qua”.

oOo

Khác với *Bão khô* với những nhân vật không tên, nhân vật nào trong *Gió cuối năm* đều có mang một cái tên nhưng xem ra sinh hoạt của họ cũng vật vờ, chẳng có gì rõ nét và rạch ròi. Nếu truyện ngắn, theo quan niệm cổ điển, với nội dung hư cấu quanh một vấn đề đầy kịch tính xuyên suốt từ đầu tới cuối; khi giải quyết xong các gút mắc của vấn đề là hết truyện, thì truyện của Y Uyên không mang dạng thức phổ biến đó. Nhìn gần, người ta không thấy Y Uyên nêu lên vấn nạn nào và vì thế, kết cuộc của truyện như chơi vơi; có thể chấm hết ở bất cứ chỗ nào; cũng có thể kéo dài đến bất tận. Nhìn xa hơn một chút, người đọc hẳn nhận ra vấn đề cốt lõi trong tác phẩm của Y Uyên không mang tính cá nhân mà là của tập thể và thời đại. Tập thể tan tác, đoạ đầy vì chiến

cuộc. Thời đại có kẻ đối xử với người khác thật tàn bạo vì bị cực đoan chính trị “*Sao bố con mày đại thế? Hòa bình đến nơi còn kéo đi. Việt gian hả (?) Chúng mày mà mách cô chúng mày, tao nhổ đờm vào thức ăn cho chúng mày ăn.*” (Cố heo may Hà nội). Xe đồ nổ tung vì mình và người ta nói “*Chết vậy mà chỉ tét bụng, đứt chân, mất đầu chứ không nát bấy như hồi ở Dốc Đá.*” (Bão khô).

Các nhân vật trong *Gió cuối mùa* đi lính giải ngũ, cưới vợ, gặp bạn bè, nói chuyện với người yêu hay xô xát nhau trong quán cà phê... đều cho ta cái cảm giác vật vờ, lẫn lộn. Không sống theo bản năng, không sống theo lý trí, chẳng chút đam mê, có lý luận đấy rồi buông trôi đấy. Sống thờ ơ để mặc dòng đời cuốn đi, hoặc nếu có tạo cho mình một hình dáng khác thì *chỉ làm cho mình đỡ quạnh hiu.*

oOo

Có một thời người ta áp đặt và cổ vũ độc tôn một khuynh hướng sáng tác gọi là hiện thực xã hội. Chỉ qua vài chục năm, người ta khám phá rằng khuynh hướng ấy đã chẳng có chút nào hiện thực, lại đầy hư cấu và ảo giác. Nó không những phá hoại nghệ thuật mà còn gây khúc xạ cho con người khi nhìn vào hiện thực, tạo cơ hội cho nghệ thuật bị cưỡng hiếp và người cầm bút bị khống chế. Con người thật hoàn toàn vắng mặt trong các tác phẩm ấy. Xa lánh lối sáng tác gọi là hiện thực xã hội và né tránh các qui kết của những kẻ muốn nhốt mãi văn nghệ trong rọ chính trị để cho kính hiển vi quyền lực tha hồ xoi mói, một số người cầm bút tìm tới khuynh hướng sáng tác được gọi là “hiện thực huyền ảo”. Nhưng thay

vì làm giàu thêm chất sáng tạo cho tác phẩm như Kafka, Gabriel Marquez, Salman Rusdhie... những nhà văn tiên phong của hiện thực huyền ảo, họ lại sử dụng tác phẩm như một lối dùng dụ ngôn và phúng thích. Và như thế, văn học cũng lại chỉ là một công cụ, thay vì phục vụ ảo giác của chế độ chính trị lại có nguy cơ phục vụ cho ảo giác, tự ru ngủ và đôi khi hoang tưởng của cá nhân.

Đọc Y Uyên, ta thấy gần như toàn bộ tác phẩm của anh đều mang tính hiện thực. Nó phản ánh lối sinh hoạt của nhiều tầng lớp dân chúng ở nhiều địa phương trong bối cảnh chiến tranh. Nó cho thấy những thân phận con người trôi dạt, quờ quạng, vô định như rong rêu rồi sẽ tan biến, những linh hồn rồi sẽ bất chợt bỏ thể xác mà đi, những tình yêu tình bạn tìm đến nhau nhưng không dự phóng, cam kết hoặc không nương không lụy vào nhau. Ta cũng sẽ không tìm thấy trong Y Uyên những nhân vật sống thanh thản hoặc dằn vặt suy tư có tính triết lý hay tôn giáo, hiện sinh hay thiền... là những thứ thời thượng trong giới trung lưu trí thức vào thập niên sáu mươi của thế kỷ trước, hoặc cất giọng cao đàm, đối thoại nẩy lửa, biện hộ cho cá nhân mình hoặc cho một lập trường chính trị, một thái độ chủ chiến hay phản chiến. Nhân vật của anh sống, và sống, lơ quờ, đơn điệu, rời rạc và rồi đứt đoạn. Thế thôi. Do đó, tôi gọi cái hiện thực trong văn chương của Y Uyên là hiện thực chập chờn, của một thời đại chập chờn, cả không gian lẫn thời gian, từ tâm tư mình cho tới bốn phía chung quanh.

oOo

Không phải tình cờ mà chỉ trong vòng năm năm, từ 1966 tới 1971, có tới bảy tác phẩm của Y Uyên được xuất bản bởi các nhà xuất bản có uy tín ở miền nam. Sáu tập truyện ngắn và một truyện dài. Lúc Y Uyên qua đời, anh 26 tuổi.

Nhiều lúc tôi tự hỏi nếu sống tới hôm nay, Y Uyên sẽ nghĩ gì và viết như thế nào. Chắc cũng chỉ một lối hiện thực chập chờn như thế, vì cho tới nay, súng đạn đã ngừng tiếng nhưng khung cảnh vẫn chẳng bớt chập chờn chút nào, còn gây chóng mặt và hư hoại hơn nữa.

Với lối viết giản dị mà chập chờn của Y Uyên, tác giả như thu mình thật nhỏ, ẩn thật khuất trong một góc nào đó, lặng lẽ. Trên sân khấu truyện là những nhân vật sống trôi dạt nhưng không vì thế mà không nói lên được những vấn đề của con người và của thời đại mình, sâu đậm và buốt nhói; tưởng như mộc mạc, không suy tư nhưng không vì thế mà thiếu vẻ lôi cuốn và không gây ray rứt cho người đọc khi gấp sách lại. Các biến cố trong truyện của Y Uyên không nhiều kịch tính, không sôi động như không vì thế mà thiếu tính chọn lọc và sắc cạnh. Đối thoại chừng mực nhưng vẫn thấm thía. Y Uyên không dụng công làm mới ngôn ngữ nhưng anh đem được ngôn ngữ đời thường vào văn học, gọn gàng và mộc mạc.

Nếu các bản nhạc của Trịnh Công Sơn là những đoản khúc của một trường ca 60 năm, thì các truyện ngắn của Y Uyên là những đoản khúc của một tác phẩm trường thiên suốt một đời. Và cuộc đời ấy ngừng lại khi mới 26 tuổi; vì thế, đọc Y Uyên, dù chỉ vài ba truyện ngắn là đi

vào cái toàn bộ, và có đọc toàn bộ vẫn thấy chưa đủ, vì người đọc như đang lần theo sợi chỉ xuyên suốt một thời đại chập chờn, làm nổi bật lên những phi lý của chiến tranh và mong manh của phận người.

oOo

Ngày nay, tìm lại cả bảy tác phẩm của Y Uyên thật khó. Nếu may mắn thì có thể sưu tập khắp các thư viện phương Tây ở Mỹ và Úc, nhưng việc đó đòi hỏi nhiều công sức và đủ thứ hao tổn. Ở trong nước thì chúng đang thuộc về loại văn học của những người thua trận. Nếu có được tái bản vẫn gặp khó khăn vì tác giả của nó là một sĩ quan tử trận, thêm nữa, các tác phẩm văn chương Việt Nam gần như không có chỗ đứng trong thị trường tiêu thụ hiện nay. Tuy thế, việc sưu tập và đánh giá sự nghiệp văn chương của Y Uyên là một điều cần làm, nếu thật sự muốn có một tổng quan và cân đối về văn học Việt Nam nửa sau thế kỷ hai mươi. Đó là một công việc không tránh khỏi vì một mình Y Uyên đủ làm thành một góc văn chương thời chiến.

LƯƠNG THU TRUNG

Đọc lại truyện ngắn “Bão Khô” của Y-UYÊN

Các nhân vật trong truyện ngắn Bão Khô của Y-UYÊN dường như không người nào có cái tên riêng, mà là thằng

bé bán hành, những đứa học trò, mấy người phu xích lô, mấy người bán hàng bán chanh ớt lèo tèo trong cái chợ làng, người lính có hàm râu lõm chồm đi tìm vợ, bà chủ quán cà phê, chiếc xe đồ Vạn Hưng, người lính Mỹ, người đàn bà vắn khăn tang đi tìm xác chồng, vài người già ngồi trong quán cà phê bên vệ đường, hai ông thầy tu mặc áo dài màu xanh tóc búi dài và những tờ sấm truyền, một nhân vật khác không xuất hiện mà làm nền của cốt truyện đó là vợ người lính . Chính người vợ lính bị người chồng nghi ngờ là theo chuyến xe đồ Vạn Hưng đến bãi cát gần trại lính Mỹ để kiếm tiền là nguồn cơn của truyện ngắn Bão Khô...

Chỉ chừng ấy các nhân vật không tên tuổi ấy đã được Y-Uyen vẽ nên một bức tranh xã hội ở một vùng quê duyên hải miền Trung, vào những ngày chiến tranh sôi sục . Qua ngòi bút của tác giả người đọc dù chưa trải qua thời kỳ khói lửa ấy cũng nhận ra được nỗi lênh đênh bất định của những mảnh đời đầy bất hạnh.

Đứa bé bán hành, ở làng Hòa Mỹ, có lẽ cha nó cũng đã chết trong một trận nổ mìn hay trong một cuộc hành quân nào đó và mẹ nó thì lúc nào cũng lo tai ách giữa đang mang họa vào thân, giữa cái thời mà mọi việc đều phải đề phòng tai bay vạ gió nên đã căn dặn con mình không được lượm giấy tờ lạ mang về nhà. Đó là tâm trạng chung của mọi người dân dù ở bất cứ vùng nào, thôn quê hay chợ búa thị thành, không kể người lớn biết sợ đã đành mà trẻ nhỏ cũng biết sợ trước những tai ách giữa buổi nhiễu nhương qua lời đối đáp của thằng bé bán hành với đám học trò đi rao truyền tờ sấm ký :

“Một đứa con trai gỡ bàn tay nó ra nhét tờ giấy vào, một đứa con gái sẽ sàng đặt tờ giấy trải rộng lên mặt cái mẹt. Thằng bé hốt hoảng vứt mấy tờ giấy xuống mặt dốc: -Tôi không biết chữ, không đọc được truyền đơn.

Đứa học trò con trai chạy lượm tờ giấy chìa trước mặt thằng bé:

-Mầy không đọc được thì mang về cho cha mầy đọc, lời thần dạy mà mầy.

-Tôi không có cha.

-Mầy nói láo. Bộ gà vịt chúng đẻ ra mầy chắc?

-Tôi cũng có cha mà cha tôi chết rồi.

Thằng bé vừa nói vừa ôm mẹt hành đi. Đứa học trò chạy theo nhét vào túi áo nó. Thằng bé dừng lại nhìn mấy đứa học trò, có vẻ không hiểu. Bộ mặt cháy nắng của nó ửng lên. Nó móc túi vứt tờ giấy xuống đường:

-Má tui cấm không được lượm giấy lạ về nhà.

Mấy đứa học trò nhao nhao bảo nhau:

-Thằng bán hành phách lối.

Đứa học trò lượm tờ giấy rồi chỉ mặt thằng bán hành.

-Có thiệt mầy không cầm?

Thằng bé bán hành nhìn bọn trẻ, giọng bối rối:

-Má tui cấm không được lượm giấy lạ về nhà.”

Giữa thời buổi hỗn man, loạn lạc người ta lợi dụng vào lòng mê tín của dân quê mà có những lời tiên tri giả vừa trấn an vừa hù dọa như lời sấm ký vừa rồi ma đám học trò ép thằng bé bán hành phải cầm lấy :

“Ngày hai mươi ba tháng ba năm Bính Ngọ tới đây kể từ lúc trăng lên khỏi đám mây ngũ sắc ngoài mặt biển, trời đất không còn ngày đêm. Bốn phương mờ mịt âm u, ngang trời có khói màu đen bay tới đâu nghe có tiếng than khóc tới đó, núi phía tây tình tú sa xuống tận mặt

đất bốc cháy thành lửa. Cây gai lười long thây lớn lên gấp năm gấp sáu mọc chật đường, chật ngõ, bông gai thây thây nở thành bông lan, người tu hành mới hửi được hương thơm. Gà không còn gáy, chó không còn sủa, ngoài đường đầy beo cọp yêu tình. Kẻ ăn chay làm lành thì biết đóng cửa ở trong nhà, kẻ không tin thần tin quỷ thì chẳngặng ngôi yên, lòng như có than hồng lửa đỏ, ra đứng trước nhà mà chịu chết thảm. Như kẻ nào mà đọc được lời dạy này biết sao thành ba bốn đưa cho người khác thì cũng đỡ phần tai hoạ”.

Hai thầy tu mặc áo xanh mà tác giả cho xuất hiện cũng có liên can đến lời sấm ký vừa nêu, một hạng người luôn có nhiều nguồn gốc khó ước định đâu là hư đâu là thực : “Người khác lại nói họ là bạn ông thầy pháp 9 vợ ở thôn trên, hồi mở hội bắt thăm người vợ út của ông dường như cũng có mặt hai người này. Cũng có thể là hai anh em họ Trần dong thuyền đánh cá ra khơi mất tích cả chục năm ít lâu nay lại nghe nói trở về hốt thuốc cứu độ cho những người dân miền bờ biển. Cũng có thể là người trong bọn chuyên môn đổi đô-la và buôn lậu bò sang bán bên kia đèo cái trang. Nhưng dù sao, mọi người cũng nhìn hai người lạ với sự e dè, kiêng nể. Những lời sấm bọn học trò truyền nhau chép và họ như có một liên lạc vu vơ.”

Vào những năm đầu thập niên 60, hiện tượng sấm ký và những lời tiên tri tương tự không phải chỉ riêng nơi cái làng trong truyện mà còn đầy khắp mọi nơi ở miền Nam, nhất là các miền quê lòng mê tín của dân quê còn khá nặng, người ta truyền rao nhiều lời sấm ký tương tự . Ngay ở miền Tây thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long việc các ông Đạo ra đời trị bệnh và giảng đạo cũng

không kể xiết. Có nhiều ông Đạo muốn cứu đời nhưng không hiềm người lợi dụng lòng mê tín mà gạt gẫm dân tình . Y Uyên đã nhận ra cái nét đặc thù ấy ở tâm trạng người dân lúc bấy giờ và tác giả không bỏ sót nét mê tín ấy trong dân gian như một nét rất riêng trong nếp sống miền quê. Đó là điều mà chúng tôi ít tìm thấy ở các tác giả khác .

Tiếp tục lần mò theo câu chuyện Bão Khô nào là những lời đối đáp giữa người chủ quán cà phê với người lính để râu lởm chồm về nỗi ghen tức trong anh khi nghi ngờ vợ mình không còn chung thủy với mình, và càng đau đớn hơn khi anh nhớ về những ngày nhà quê người đàn bà quê ấy rất cần mẫn chu đáo việc nhà, không bỏ sót ngày nào gà đẻ, gà ấp chị đều lấy than ghi lên vách như cái nét quê khó ai tẩy xóa nổi, thế mà chiến tranh và chết chóc, nghèo khó và đồng tiền, an bình và xáo trộn đã làm đảo lộn mọi trật tự của một miền đất nước .

Người lính để râu lởm chồm nghi vợ mình đi theo xe dò Vạn Hưng đến trại lính Mỹ để kiếm tiền có cái lý của nó, vì có những người đã làm điều đó với đủ lý do để biện hộ, bào chữa trong đó không khỏi lý do khó khăn nghèo túng, nhưng rồi sau đó anh lại bị giằng xé bởi chính cái nỗi nghi oan đó của mình. Người vợ lính đáng thương ấy ngày hôm đó không có trong chuyến xe dò Vạn Hưng và có một người đàn bà khác để tóc dài chết trôi trên dòng sông qua một vụ nổ mìn như một trùng hợp về đáng đáp để người lính để râu lởm chồm phải bàng hoàng hối hận về nỗi nghi oan của mình đối với người vợ vốn là dâu hiền :

“*Hồi mới cưới, vợ anh không bao giờ làm mẹ con anh phiền lòng. Trong nhà không có chuyện gì nó không biết, không lo. Nó thuộc cả từng sợi tóc sâu trên đầu má anh, lấy than viết lên tường ghi cả ngày gà khởi ấp. Nhưng lần lần những sẵn sóc, chăm lo của nó thành những lời thôi thúc âm thầm muốn anh phải như thế này, thế nọ. “Nó luôn luôn muốn hơn thế nữa”. Những ngày anh đồn trú ở ngoài quận địa đầu tỉnh, anh nghe nó thường theo những người đi lấy lúa ở vùng địch. Mấy bữa vừa rồi, về tới nhà anh nghe nó chỉ mượn có đó để đi cho thoả tính hoang. Có người nói chắc nó vẫn theo chiếc xe dò Vạn Hưng đi bán giải khát. Nó giấu mặt trong những tấm màn đỏ nhưng ai cũng biết hết. Anh tìm tới đây, giết nó rồi đi ở tù.”*

và rồi : *Cánh tay cổ tròn vạch trên tường ngày gà khởi ấp vẫn hợp với người đàn bà xuôi ngược gánh lúa, gánh thóc lúc chồng vắng nhà hơn. Những lời đồn đãi về vợ anh, từ trước tới giờ lời cuối cùng anh vẫn thấy gần lòng tin nhất. Vợ anh ngồi sau tấm màn đỏ theo lời đồn và chết lúc gánh gạo theo trí tưởng tượng cũng mơ hồ nhưng có lý như nhau.*

-Người đàn bà đó !”

Cảnh tượng thương tâm của người đàn bà vắn khăn tang cầm bọc nylon đi tìm xác chồng bị mìn nổ cũng là một nỗi bất hạnh khác trong chiến tranh. Người chồng xấu số chết không toàn thân để người vợ phải bỏ hết mọi việc đời lẫn vào cuộc vật lộn với nỗi mất mát lớn lao ấy mà hóa dại hóa điên nhưng không rời ảnh hình chồng. Dù tuyệt vọng đến cùng tội, dù khổ đau đến mềm người, dù khắc khoải đến bầm gam tím mặt nhưng người đàn bà vắn khăn trắng ấy không rời ước muốn là kiếm được

những phần thân thể của chồng mình, thật náo lòng :

“Người đàn bà bán quán nhìn trước, mặt thoáng bối rối.

-Chết ở trên, kiếm dưới này làm sao thấy?

Người lính hỏi. Người đàn bà có tang vẫn giấu mặt, giọng thì thầm như nói một mình:

-Đây cũng không có biết kiếm đâu giờ.

Người lính “ợ” một tiếng, nhăn mặt:

-Người chết nhiều vậy, thịt xương nát hết, cánh tay cũng ở đóng đó chớ đâu.

“Không có, không có”, giọng người đàn bà nho nhỏ như một tiếng cánh chim run.”

Rồi bà lại luôn miệng nói một mình về cánh tay chồng như một dấu vết để nhận dạng về một mất mát với lời nhận xét rất chí lý như một phán xét một thời kỳ mà sau bốn mươi năm Bão Khô ra đời, lời phán ấy vẫn thấy đúng :

“Người đàn bà hai tay thủ bọc, giọng buồn:

-Tay ảnh có mang cà rá mà. Vàng thau lẫn lộn tùy thời, triều đình suy, thịnh tùy người nịnh, trung.”

Và tác giả cho kết thúc truyện ngắn bằng hình ảnh con chó ngậm khúc xương nó mới bi thiết làm sao ! Khúc xương của ai ? Xương heo hay xương người ? Có phải một phần thân thể của chồng bà vấn khăn trắng không ??? Truyện còn mở ra mãi hoài dù những dòng chữ ở cuối trang sách cũ đã chấm hết từ lâu :

“Trên con đường lổn nhổn đá xanh dẫn lên trên đó, người đàn bà có khăn tang đang nhảy qua nhảy lại, rụt theo một con chó ngậm trong mồm một khúc xương./.”

Có lẽ không ai có đủ uy tín bằng người chọn truyện ngắn này in lần đầu trên Văn, tức nhà văn Trần Phong Giao,

trong bài viết “Nhớ Y Uyên” đã nhận xét về Bão Khô :*“Đầu tháng 5/1966, nhận được truyện **Bão khô**, tôi vội viết ngay cho Y Uyên: tới rồi, cố giữ lối viết đó, không khí đó, cái souffle đó. Trong thư, tôi kể tên sáu truyện đã chọn và đề nghị đặt nhan tập truyện là **Bão khô**, nhà Giao Điểm sẽ lo ngay việc xuất bản. **Bão khô** đăng trong VĂN số 58 rồi, tôi viết gửi Uy, đại ý: từ nay, cậu gửi bài về, tôi không cần đọc lại nữa, cứ thế cho xếp chữ in ngay.”*(17-4-1969)(Bán nguyệt san VĂN, số 129 ngày 1-5-1969)

Truyện ngắn Bão Khô chào đời lúc bấy giờ Y Uyên mới 23 tuổi, ở cái tuổi còn quá trẻ so với nhiều nhà văn đồng thời nhưng ông đã có cái nhìn bức tranh xã hội thời chiến tranh tại một làng quê rất chân xác và tinh tế tựa như một bức hình chụp lại, rất rõ và rất đủ . Gần bốn mươi năm sau, ngồi đọc lại tôi vẫn thấy Bão Khô đã làm cho tôi vừa phục tài viết văn của Y Uyên, vừa cảm động, vừa ghê sợ chiến tranh qua bút pháp độc đáo của một bậc tài hoa văn số !!!

Boston, ngày 16-12-2004



THƠ VÀ VĂN

- HẢI PHƯƠNG
- PHẠM NGỌC LỮ
- TRẦN PHÙ THẾ
- PHẠM VĂN NHÀN

HẢI PHƯƠNG

NGHE VỜI VỢ BIỂN VỖ KHUYA

Màu trắng động vỗ càn khôn
môi em động vỗ nụ hôn dậy thì
thiên thu động vỗ có khi
tóc em gió rối chân đi lạc lìa.

Nghe vời vợ biển vỗ khuya
hồn ta động vỗ cồn chia bãi bầy.

TIẾNG EM BIỂN RỘNG ÂM RỀN TIỀN NHÂN

Qua đây thấy lạ con đường
hai vai quấy gánh vô thường mộ xưa
mùi trắng động vũng cơn mê
bước chân cố xứ nẻo về mình ên.

Tiếng khô đá nẻ nhẹ tênh
tiếng em biển vọng âm rền tiền thân.

CON CÒNG THẢ DẤU HÀNH TRÌNH XE KHÔNG

Em về thả lục lạc khua
thả hương trong gối thả bùa trong chăn.

Trời về thả cỏ trong trăng
thả mây trong tóc thả hằng hà thơ.

Ta về mấy dặm trường chờ
thả xuân nẻo ý chia bờ cõi riêng.

Đêm về náo nhiệt bình minh
con còng thả dấu hành trình xe không.

THỔ NGÔI NGAI NGÁI EM HÀNH HÌNH TA

Từ trong
mạch đất nẻ ra
tháng giêng cổ biếc
rộng tà huy xanh.

Từ trong nách lá
ngậm vành
thổ ngôi ngai ngái em
hành hình ta.

CHUYẾN XE NGỰA QUA BẾN NGHÉ SỚM

Ngựa thồ lục lạc lừa thừa
thong dong thổ mộ âm xưa lạc lải
xe qua phố chợ sớm mai
bến sương phong tỏa dấu hài phồn hoa.

*Khi ở San Jose
tháng chạp 2004
haiphuong68@hotmail.com*

PHẠM NGỌC LƯ

TUY HÒA TÁI NGỘ

*tặng Trần Huyền Ân, Võ Tấn Khanh,
Mang Viên Long, Nguyễn Lệ Uyên*

Vẫn người xưa, vẫn trăng này
Rượu nguyên tiêu cứ rót đầy thâu đêm
Thâm tình còn mấy anh em
Và người rót rượu tay mềm như trắng
Ba mươi năm...ba mươi năm
Vẫn xanh đôi mắt đắm đắm một thời
Nâng cao bao chén rượu mời
Chén buồn hắt xuống ngàn khơi muôn trùng
Chén vui xin cụng môi hồng
Chén buồn chén tủi tạ lòng Trước Sau
Kể gì sớm bể chiều dâu
Tắc-Lòng-Thiên-Cổ bạc đầu chưa yên (*)
Xưa ta đồng nội hoa niên
Ba mươi năm vẫn đồng thuyền, ô hay!
Vẫn tình xưa, vẫn đất này
Kể chi vật đổi người thay, thất lòng!

Cụng đầu...một chén uống chung
Ba trăm năm nữa...tương phùng phương nao?

16-02-2003

() "Ta hồ! Văn chương chi sự, thiên cổ thốn tâm"(cổ văn)*

TRỞ VỀ PHÁ TAM GIANG

Phá Tam Giang, phá Tam Giang
Gió hiu hiu sóng gợn mơ màng
Trời vẫn xanh màu xanh cổ cự
Mây trầm ngâm, khói nước miên man

Mười năm dong ruổi mồn đất khách
Về cố hương chiều xế bóng tàn
Bỏ nón, tháo giày, xắn tay áo
Rửa phong trần thẹn với Tam Giang

Kề đá rêu xưa ngâm bến cũ
Còn người đi người đợi đồ ngang
Còn xóm chài lừa thừa mảnh lưới
Còn nhấp nhô thuyền thúng thuyền nan

Không còn người chèo đò năm xưa tóc bạc
Cô lái đò chiều nay trán nhăn
Trừng mắt nhìn ta trách móc
“mười mấy năm chú mới về làng”

Mười mấy năm? Phải rồi, ta quên mất
Cái thuở áo cơm trở mặt phủ phàng
Điều đứng năm Mùi ra đi năm Tuất
Ra đi mưu cầu y thực
Trở về nặng trĩu gian nan

Nhớ buổi ra đi thân tình đưa tiễn
Vợ xếp trang thơ chị gói khúc đàn
Đệ tử mười người tung hô dâng rượu
Thôn nữ vài em gởi gắm gió trăng
Mẹ tóc trắng nhìn theo lặng lẽ
Con tóc xanh hai đứa dùng dằng
Ta mím môi, chỉ Tam Giang thề hẹn
Không là Tương Như mà khí khái dâng tràn
Bước xuống thuyền nhìn trời cao đồng dặc

Gõ mạn thuyền ngâm khúc” *Hành Phương Nam*”

Hành phương Nam, hành phương Nam
Mười mấy năm tấm cám, thau vàng
Thấp cao danh lợi
Chí khí dở dang
Tơi tả bao phen buồn thân thế
Đắng cay mấy bận kiếp hồng nhan
Mưa miền Nam, nắng miền Nam
Trông mây thấp thỏm, nghe gió bàng hoàng
Mười mấy mùa trôi qua không nhớ
Quá đổi mưa đau
Quá nhiều nắng khổ
Lẽ nào Trời bỏ ta chẳng?
Đọc thơ Nguyễn Bính chua tâm sự
Đọc lại thơ mình then gió trắng
Chén rượu quê người sao mà bạc
Ân tình đất khách lắm đa đoan
Chiều nay về ... bên phá Tam Giang
Phía bờ đông vẫn xóm vẫn làng
Mười mấy năm còn ai trông ngóng
Mười mấy năm mỗi mòn ước vọng
Mẹ có thương con gió bụi lắm than?
Chị có xót em một đời thất chí?
Em không buồn ta?
Sao lòng ta phai nhạt đá vàng?

Phá TamGiang, ôi phá Tam Giang!
Gió hiu hiu sóng gợn mơ màng
Nước vẫn mặn mòi, mây quen thuộc
Sao lòng ta sóng gió ly tan

Xin xấu hổ với lời thề ngày trước
“Không công danh bất phục hoàn”

Xin biết ơn cô lái đò nhân hậu
Còn thương ta mãi ta quá giang
Thôi rửa hết phong trần nơi bến nước
Để trở về...đứng khóc dưới hương quan!

*(Hai bài thơ trên trích từ tập thơ ĐÀN TÂM. Thư Ấn Quán in
lại - tháng 10 năm 2004. Ấn bản đặc biệt của TQBT 17)*

TRẦN PHÙ THẾ

THÁNG CHẠP

Ta ở đây tết rất chậm về
Ghét cái lạnh làm da khô ứng
đã mười năm, chín năm dị ứng
đất trời này đâu phải của ta

Thời tiết gì như cắt thịt da
hồn tê cứng đau cơn buồn bã
thân của ta, đất khách đây xa lạ
máu về tìm máu chảy chậm dần

Tuyết đầy trời, tuyết đông cứng đầy sân
ta vốn sinh ra ở gần xích đạo
ngày cởi trần, đêm không bận áo
ngủ phơi lưng, xoa bụng rịn mồ hôi

Tay quạt mo phe phẩy thành thơ

cơn gió nhẹ ru hơi hồn nhiệt đới
sáng thức dậy vun vai đời thoải mái
nghe tiếng gà rù mái rộn ngoài hiên

Còn ở đây cuộc sống quá đổi phiên
đã mười năm chưa một lần đón tết
ngày mồng một vẫn còn cày trời chết
tám tiếng dài mỗi mắt ù tai

Tháng Chạp ở đây đêm thật là dài
tiếng gió hú tưởng đời man rợ
mở mắt ra sáng ngày bill nợ
nợ cả đời trả mãi chưa xong

Đã mười năm như nước lớn nước ròng
ta lục bình trôi lên trôi xuống
đi qua đây cứ ngỡ làm vương làm tướng
ai ngờ, ai ngờ bắt phải job culi

Đã mười năm ngôn ngữ cứ phân ly
tiếng Mỹ như kẻ thù truyền kiếp
học một chữ ngày hôm sau quên biệt
ở mười năm chỉ biết yes, no

Tháng Chạp buồn, tháng Chạp buồn xo
ngồi tính sổ cuộc đời hồng bét
ăn làm sao, nói làm sao khi chết
với cha ta – ông chỉ có một thằng con.

PHẠM VĂN NHÀN

NORA, và những người bạn

(tạp văn)

Khác với mọi ngày, sau giờ cơm chiều, anh em chúng tôi thường hay ngồi chơi nơi hội trường trước khi tập hợp điểm danh. Đó là gian nhà rộng. Thoáng. Gặp nhau nơi đây để tán gẫu cho qua ngày, qua tháng. Nhưng hôm nay thì khác. Anh em bàn tán cái tin được “thoát ra” từ hậu cần: ngày mai có đội đi gỡ kềm gai đem về rào bên ngoài trại. Việc đi gỡ kềm gai, biết chắc là ở những nơi đồn bót cũ. Không biết ở nơi nào thôi. Nhưng chắc là nguy hiểm. Và, đội nào sẽ đi đây?

Buổi chiều xuống dần bên rặng núi phía Tây, hướng về ngã Lâm Đồng. Sương lạnh cũng bắt đầu rơi trên những cánh rừng già, mà nơi ấy, vẫn còn có những người bạn của tôi còn miệt mài đồn tre trên ấy, chưa về. Tre hướng về tỉnh lộ 8 nhiều vô số kể. Một rừng tre thì phải. Toàn tre lồ ô. Tôi sợ rừng tre này, dễ bị lạc, và cũng dễ bị lòi ruột, nếu bất cẩn. Đã có vài người bạn trong đội đi chặt tre, trốn trại. Gần như một đêm không ai ngủ được. Tập hợp dưới trời đêm lạnh của núi rừng để nghe lên lớp.

Những tán lá cây dầu cao che khuất bóng chiều. Rồi việc gì đến cũng đến. Tiếng kèn trên ban chỉ huy trại lại vang lên. Tiếng còi của những anh đội trưởng thổi. Đội tập hợp trên sân đất trước lán. Ánh đèn điện một bóng được treo lơ lửng trên cây dầu không đủ soi sáng khoảng sân. Những người tù ngồi xếp hàng dài, ngay ngắn. Dãy sau cùng khuất trong bóng đêm, người tù cúi xuống đất, vẽ hươ vẽ vượn gì đó chẳng ai biết; mặc cho cán bộ quần giáo phê bình ngày công lao động. Đạt chỉ

tiêu được hay không cũng thế thôi, như mọi ngày, cuộc đất ngoài cánh đồng Hàm Trí bụi mù, nắng gắt. Nhưng đêm xuống thì lạnh vô cùng. Những cái cuốc bị gãy cán được cán bộ nêu đích danh từng người là: không bảo quản tài sản chung. Tất cả mọi người. ai cũng ngồi im như cục đất, ném vào chỗ nào lại chẳng được. Biết rồi. Khổ quá. Nói mãi. Và, việc phê bình trong ngày đã qua. Triển khai cho công việc ngày mai: đội đi gỡ kẽm gai trên đồn Nora.

Nghe, tôi ngồi lặng người. Thăng Quang. Ngô Xuân Quang, ngồi ngang hàng với tôi ở dãy cuối cùng, đưa tay khều tôi một cái. Tôi hiểu nó muốn nói gì. Thăng này cẩn thận lắm. Nora. Quang biết, và nhiều anh em bạn trong đội cũng biết. Nhất là những anh em thuộc tiểu khu Bình Thuận. Vì, đội của tôi toàn dân Bình Thuận, đa phần là dân thị xã PT, biết nhiều về địa danh ở đây. Tôi khều lại tay nó, như biểu đồng tình. Buổi điểm danh đêm đã xong, đội viên tan hàng về chỗ nằm. Tối hôm đó, sự im lặng bao trùm trong lán. Một sự im lặng nặng nề.

Tôi ngồi dựa người vào vách lán. Chống tay lên trên cái ba lô con cóc bằng vải thô mà vợ tôi đã may cho, trước khi tập trung lên Cà Tót. Chẳng có gì quý trong đó cả, vài ba cái áo cái quần rách, cái chăn để đắp, cái mùng để ngủ... Dựa người vào vách, vẫn điều thuốc hút. Nghĩ tới ngày mai đi gỡ kẽm gai trên đồn Nora. Mẹ kiếp, lại đi vào con đường chết đây, hay ít nhất cũng bị cụt cái chân. Thăng Cảnh, thăng Nhơn nằm bên cạnh. Im lặng. Cái không khí im lặng thật nặng nề bao trùm lên trên từng

người trong đội. Chẳng có giọng hát của người bạn nào đó, giả giọng gái, hát re re như mọi đêm: *cô gái sông ba đầu búi tóc thon*. Trong bóng đêm, mà căn lán chỉ có độc nhất một ngọn đèn dầu treo giữa lán. Cũng hay, ngọn đèn dầu này là nơi để cho mấy đệ tử của cô Ba ngồi hút thuốc Lào. Rít một hơi dài, cái nỏ từ ống điếu kêu thật vui tai. Biết rằng trong đêm, còn có một người bạn nào đó không ngủ được. Lại có tiếng chửi thề của một người khó ngủ. Nhưng đêm nay im ắng quá. Phải, ngày mai, đội đi gỡ kềm gai.

Gỡ kềm gai trên các đồn lính cũ. Tôi có nghe nói bên ngoài, anh em lính ở các xã cũng bắt đi gỡ kềm gai. Có người bị cụt chân vì mìn. Nhẹ đấy. Cụt chân còn đỡ. Chết thì sao? Dễ hiểu mà!

Mim. Rõ ràng sau hơn hai năm. Làm sao mà không còn trên những đồn binh ấy. Bình Thuận ư? Phải, chỉ có đội Bình Thuận mới biết rõ những đồn này. Tôi rít mạnh hơi thuốc rê thật nặng của đất Hàm Trí trồng, nghĩ đến ngày mai với câu nói của cán bộ quản giáo. Các anh phải chọn cho mình một tổ tam tam, đi làm chung. Ba người một. Một cây đồn. Một cái vồng. Ấn tượng trong tôi lúc ấy thật dễ hiểu. Có một người nào đó bị thương, hai người kia vồng về. Đơn giản. Nhưng cũng có sự chuẩn bị rồi đấy chứ. Tôi chọn anh Đạt. Phan Đạt. Người cao như tôi. Đã có tuổi, đàn anh già dặn. Đi lính từ thời Tây. Có lẽ khố xanh khố đỏ chi đó. Nhưng tánh tình thì rất là vui. Thương người. Và, Quang. Ba thằng cao như nhau thì dễ khiêng hơn là chọn một người quá thấp. Cần thận vẫn tốt hơn. Thằng Cảnh nằm bên cạnh tôi, hình như chọn

Nhơn. Nguyễn Đức Nhơn thì phải.

Đang ngồi buồn hút thuốc. Sương đã xuống nhiều bên ngoài. Quang đến khều chân, hai thằng xuống khu nhà bếp đã thấy anh Đạt ngồi sẵn đó rồi. Trong ánh sáng nhá nhem của những cây củ dầu đang cháy. Anh Bình, đang nấu cơm và nước cho ngày mai. Nghe anh Bình nói càng buồn thêm: Tụi bay đi ngày mai hãy cẩn thận. Mìn nhiều lắm trên đó. Tôi nghĩ đến câu viết ở đơn vị tôi ngày nào trên các bãi dạy mìn bấy. Câu viết ấy, như câu khẩu hiệu, nhắc nhở những tân binh mới tập tành vào lính: *mìn là mù, bạn hay thù đều cũng chết*. Thế mà, tháng nào cũng có tiếng nổ ngoài vòng rào phòng thủ. Khóa này có người chết. Khóa sau lại tiếp tục trốn đơn vị, về nhà. Và, mìn nổ. Tôi đã căn dặn nhiều lần, anh em đừng đi, nguy hiểm. Ra tới chiến trường rồi, muốn đào ngũ lúc nào cũng được. Nghe tôi thì không chết. Nhưng, mới chạng vạng tối, đã nghe tiếng nổ ngoài sau doanh trại. Lại đào ngũ rồi. Tôi đứng trên vòng đai phòng thủ, nghe tiếng rên bên ngoài: cứu em với. Tôi chịu. Bảo: bò trở vô được không? Bò vô tôi cứu cho. Không. Em mệt quá. Chết mất. Bao nhiêu người tất cả. Dạ, mười người. Chết hết, chỉ còn em bị thương nặng. Tiếng rên yếu dần trong lớp cỏ tranh, và kẽm gai. Trung tâm hành quân gọi trực thăng từ Nha Trang lên. Nhưng cũng chịu, cỏ tranh cao tới ngực. Tất cả đều chìm dần vào bóng đêm. Sáng ngày sau, khoa vũ khí mìn mới phá rào vào đưa những cái xác cứng đờ ra, để nằm dọc theo tuyến phòng thủ. Mìn. Cái ám ảnh đó vẫn còn trong tôi mãi mãi. Mìn là mù, bạn hay thù đều cũng chết. Quả thật, như anh Bình nói. Mìn nhiều lắm trên đó. Coi chừng cỏ tranh.

Tôi ngồi bệt dưới đất, dựa vào gốc cột, nói với anh Bình: anh cho xin diếu thuốc, cảm thấy lạnh. Hút đi, ngày mai tao sợ trong đám bạn bè mình, có thằng...Bình nói. Nói làm gì ghê thế ông. Anh Phan Đạt chửi thề: Đ.M nó muốn đám tù mình chết. Buồn quá, tôi hút thêm củi vào lò. Ngọn lửa bùng lên. Ánh sáng như có ma quá nhẩy múa. Thằng Quang ngồi bên cạnh châm thêm trà. Uống đi mấy ông nội. Buồn để mà chết à. Tôi cười như mếu. Anh Bình bỏ đi về hướng lán, một chặp trở lại với mấy cây nhang. Đạt vừa cười vừa nói: đốt muối hủ mậy? Không, để tao vái oan hồn những anh em binh sĩ chết ở Nora về phù hộ cho bọn mày.

Trong ánh sáng nhá nhem của củi bếp. Tôi nghe thấy có gì rờn rợn. Oan hồn của lính chết nơi đó. Mà ở đâu lại chẳng có oan hồn nhỉ? Đạn ở đâu chụp xuống. Chết vội chết vàng. Chết trong lúc ăn. Chết trong lúc ngủ... Tôi nghĩ như vậy. Vì viên đạn vô tình mà, anh chưa tới số rồi cũng bị trúng thôi. Đạn tránh mình. Trời kêu ai nấy dạ. Ngay như trên đất Hàm Trí này, có những ngôi mộ chưa thấy có ai tới thắp cho một nén nhang. Thằng Quang nghe anh Bình nói là: vái xin những oan hồn về phù hộ. Nó nói: để cho thằng N... làm việc này, tao nghe mấy năm trước có một nhà văn chết ở Nora. Mày có viết lách. Mày vái xin anh ấy phù hộ cho bọn mình là hay hơn hết. Tôi lại nghĩ: Nora! Nora! Phải, tao nhớ rồi, báo chí và ngay cả bạn bè tao cũng nói tới. Nora ở đâu. Ngày mai tụi mình tới đó ư? Xa đây không? Quang hút thêm củi vào lò. Mày hãy làm đi, với những cây nhang này. Dù gì, cũng làm cho bọn mình vững tâm.

Anh Bình ừ, phải đấy. Làm đi N... Tôi ra đứng bên cạnh cái gò mối có cây dúoi mọc cao. Cái gò mối bị anh Bình phá hết nửa bên hướng mặt trời mọc, để tìm mối chúa. Tội nghiệp cho anh em tù. Ngay cả những anh bác sĩ quân y ngày nào, như anh Nhung, anh Dũng. Hề anh nào làm bờ ruộng gần cái gò mối, xem như đó là của riêng anh ấy. Khó có ai chen vào được. Cứ hướng mặt trời mọc là có ổ mối chúa. Tìm đi. Thăng Quang đã ăn bao nhiêu con mối chúa rồi. Tôi thấy dễ sợ. Đói chịu. Không thể nào nuốt nổi. Con mối chúa nằm một chỗ, trong cái bọc như “ thiết vận xa ” ấy, cứ thế để mối thợ đem mồi về cho ăn. Thân hình trắng nõn. Mềm xèo. Còn mềm hơn con nuông ở thân cây dừa. Ấy thế mà bỏ lăm đó. Tôi nghe những bạn bè nói như vậy, ngay cả mấy anh bác sĩ cũng nói thế. Có lẽ thiếu thốn quá, cho nên mối nói như vậy mà thôi. Và cái gò mối nào cũng bị đập phá hết nửa về phía mặt trời mọc. Tôi đứng bên cạnh gò mối sau bếp. Gió và sương đêm xuống nhiều, càng lạnh thêm. Những đóm lửa trên ba cây nhang tôi cầm trên tay như có cái gì đó, mà lòng tôi nghĩ là linh ứng, run run. Phải tin như thế cho ngày mai. Ngày mai, những cuộn kẽm gai concertina gỉ sét, những trái mìn phòng thủ lâu ngày, bạn hay thù đều cũng chết. Những trái mìn “ba râu”. Tôi sợ! Sương đêm đang xuống trên trên đầu tôi, đứng giữa trời đêm Hàm Trí. Tôi vái hôn anh Y Uyên. Nhà văn Y Uyên. Anh cũng là lính. Sống khôn thác thiêng về phù hộ cho anh em chúng tôi. Ngày mai lên đồn anh để gỡ hết những cuộn kẽm gai, mang về. Tôi gọi tên anh ba lần. Vái hôn anh ba lần. Thăng Quang đứng bên cạnh tôi trợ sức, cũng vái. Vì thật sự, chúng tôi sợ những bãi mìn

trên Nora.

Buổi sáng tập hợp. Anh em mỗi người lãnh một suất cơm với muối. Một gô nước uống. Sắp hàng, điểm danh ra cổng. Hàng một mà đi. Tổ tam tam mà đi. Im lặng, hướng ra hướng lộ. Đi về hướng Đông để ra quốc lộ 1. Con hương lộ dài, và đám tù cứ âm thầm cất bước. Nguyễn Đức Nhơn, anh em hay chọc vì ít nói. Cứ lằm lằm lì lì. Thỉnh thoảng anh hay lảm nhảm trong miệng, và cười một mình. Tôi biết anh đang đọc lại những vần thơ mà anh mới sáng tác. Không có giấy để chép lại- mà thật sự, nào dám chép ra giấy- anh lảm nhảm đọc lại, cúi đầu, lằm lũi đi. Trong lúc ăn. Trong lúc lao động. Cứ thế, vừa đi vừa đọc, vừa vui theo cái vui của chính anh. Bởi thế mà, anh em trong đội gán cho anh cái tên vui vui. Ông đạo. Trên đường đi, anh Đạt hay đùa: ông đạo cứ tui em. Thây kệ, cứ chọc nhau cho vui. Đi vào cửa tử mà cứ buồn hoài, dễ chết.

Quốc lộ 1 đây rồi. Quẹo phải về hướng Long Thạnh. Hai chiếc xe tăng của Pháp- chiến tranh Việt Pháp- bị bắn cháy. Nằm đó. Gỉ sét. Cỏ mọc đầy. Chiến tranh Việt Pháp đã qua để rồi tiếp nối chiến tranh khác gần 20 năm. Vâng, hai mươi năm, những anh em chúng tôi hôm nay là những thành phần mà người chiến thắng còn mang trong lòng hận thù “ghê gớm” hơn những người lính lê dương ngày xưa đến gây chiến tranh trên quê hương tôi. Đoàn người vẫn nối đuôi nhau đi. Gần 50 người, chứ phải ít đâu. Một người bất cẩn thôi, đạp phải một trái mìn, không phải chỉ có một người ngã xuống, mà còn nhiều nữa. Như ngày nào đó, tôi đã chứng kiến trong chu

vị phòng thủ của Tiểu đoàn tôi. Mười em khóa sinh ngã gục bởi đập phải một trái mìn. Một trái thôi, cũng đủ. Vì không nghe lời căn dặn của tôi. Một trái, 50 người đây. Ai là người bị trời kêu?

Tôi đi bên cạnh người bạn trong tổ, hỏi:

“ Gần tới chưa?”

“ Qua khỏi hai chiếc xe tăng này một khoảng ngắn thôi”.

“ Mìn nhiều không?”

“ Mày nên nhớ đơn vị phòng thủ của Mỹ ngày trước. Sau đó là pháo binh diện địa, rồi ĐPQ đóng đồn. Tao nghĩ là nhiều mìn. Hãy cẩn thận ”.

Tôi im lặng đi bên người bạn. Nora tới rồi. Người bạn nói nhỏ cho tôi biết.

Một cái đồi đầy đá, rộng lớn. Lại. Xã Tuyền Hòa có hai cái tên bằng tiếng Tây: Nora và Sara. Cũng ngộ. Người bạn tôi nói tiếp: Sara toàn là cát, mà Nora toàn là đá. Tôi nhớ ngày còn nhỏ, bố tôi hay dẫn chị em chúng tôi ra Tuyền Hòa mua dưa hấu về ăn. Dưa hấu ở đây vừa rẻ lại vừa ngon. Trong ruột tựa như có cát. Ăn mát cả ruột. Ngon.

Quang chỉ tôi đồn Nora nằm sâu trong quốc lộ 1. Nằm khuất bên trong. Đi vòng dưới chân đồi, thấy có một con đường mòn vẫn còn. Những viên đá cuội màu đất nhỏ bằng ngón chân cái, tròn lẳn. Hai bên mọc đầy cỏ may. Cái cổng rào bằng dây thép gai đóng lại như ngày nào. Mấy năm, sau ngày miền Nam hoàn toàn mất. Có cái xóm nhà nhỏ nằm ngoài đồn. Có lẽ dân chẳng dám lên trên đây. Mà có cái gì để lên tìm kiếm trên này. Chỉ có cỏ tranh cao tới ngực.

Đoàn người đi theo hàng dọc lên đồi. Tôi bám sát thằng Quang. Tới đỉnh, là lúc trưa. Đám tù ngồi quây quần trên mỏm đá giữa đồi. Tôi đưa mắt quan sát tìm kiếm miệng hầm. Không thấy; vì cỏ tranh mọc cao quá. Nơi nào là chỗ phòng thủ của trung đội anh Uy? Nơi nào là cửa hầm của ban chỉ huy đại đội?

Cũng như anh em khác, dỡ cơm ra ăn trưa, trước khi làm. Đường xa, đi mệt, nhưng cũng phải ráng mà ăn. Thằng Quang nói: ăn đi, kẻo làm ma đói. Mây nói chi dễ sợ rứa Quang. Tôi bảo. Anh Đạt vẫn nói lì theo cái lối già của anh ấy. Ăn nhằm gì mây. Chết là giải thoát sớm. Thôi mấy cha. Cứ nói gở. Có người bạn ngồi bên cạnh nói xen vào.

Cơm nước xong là ra làm ngay, kéo trời tối thì càng nguy hiểm. Thằng Quang đứng dậy nói: mây theo tao, dẫm lên bước chân tao mà đi. Anh Đạt cũng vậy. Nó đi trước, dùng cây que mà nó lấy ở trong trại đem theo, gạt từng lớp cỏ tranh. Bước nhẹ. Từng bước một. Lườn bàn chân đặt xuống trước rồi từ từ úp bàn chân xuống. Cứ thế mà bước. Tôi và anh Đạt bước theo nó, in trên dấu chân Quang mà đi. Tôi nói để trấn an. Mây làm đúng sách vở. Nó cười. Và: ê! mây đừng có giựt dây kềm chứ? Coi chừng Mìn . Tôi ừ. Và, luôn miệng vái hồn nhà văn Y Uyên về phù hộ trong lúc tôi và Quang và Đạt cùng làm.

Thật tình. Không biết anh có về phù hộ không. Chiều vào khoảng 4 giờ thì xuống đồi. Điểm danh đám tù đầy đủ. Ngang qua dây nhà của dân dưới chân đồi. Nhiều bà

con đứng chờ chúng tôi. Mồm cười. Trên đường đi, anh em thả ra nhẹ chồm. Tưởng ngày mai là không đi tháo kềm gai nữa. Nào ngờ, đám tù chúng tôi lại tiếp tục đi, tiếp tục tháo gỡ cho đến hết những cuộn concertina trên Nora. Cỏ tranh vẫn mọc cao. Những lườn bàn chân của bạn bè ai cũng phải đặt xuống trước, nhẹ nhàng, dò dẫm. Lách từng gốc tranh mà đi, mà gỡ. Khều nhẹ từng lọn kềm gai đã gỉ sét, nằm trong lớp cỏ tranh. Lớp lớp người, trên đồi, dưới đồi, giữa đồi. Những vòng kềm gai rung nhẹ. Tháo gỡ từ hai bàn tay không. Không bao tay. Không kềm. Không kéo. Không giấy. Cứ ba người mà làm. Khó nhất là khi mang những cuộn dây kềm gai xuống đồi. Hai người khiêng. Một người vẫn tiếp tục làm.

Mìn! Vài anh bạn la lên. Ở bên kia đồi. Ở dưới chân đồi. Ở lưng chừng đồi. Tiếng la của anh em “ có mìn” làm lạnh cả xương sống. Cấm càn lá làm dấu cho những người đi sau đi! Có người bạn lại la lên. Tôi rùng mình. Nghĩ đến những trái mìn phòng thủ ngày xưa ở đơn vị tôi chôn sâu dưới đất, ẩn tượng, chỉ có ba cái râu là lộ lên trên. Thế mà, sức giết người ghê gớm. Đạp nhả, mìn phụt lên trên, nổ chụp xuống. Giết nhiều người. Tôi vái hồn anh trong thinh không, nơi nào đó, anh đang đứng trên ngọn đồi này, và, quả thật anh đang nhìn thấy chúng tôi mà. Phải không anh? Sống khôn thác thiên về hướng dẫn cho chúng tôi đừng giẫm phải những trái mìn ấy.

Mười ngày, đám tù chúng tôi cứ đi đi về về, lên Nora gỡ hết lớp kềm gai ấy. Anh vẫn ở bên chúng tôi trong suốt

thời gian tháo gỡ. Nên trong khoảng thời gian ấy, chẳng có ai bị xây xát. Dù rất nhỏ. ngay bây giờ, tôi vẫn nghĩ như vậy.

Đêm cuối cùng. Anh em chúng tôi thở ra nhẹ nhõm. Những cuộn concertina chất đầy trước sân chỉ huy trại. Và, sau mỗi lần điểm danh đêm, lại vang lên tiếng hát nhái theo một giọng nữ miền Bắc, hát re ré trên cái loa sắt bắt trên mái nhà hội trường: *cô gái sông ba đầu búi tóc thon*. Hay: *cái gạt nước mang theo nỗi nhớ*..Rồi anh Bình, nấu bếp gọi chúng tôi xuống. Đây, tao nhờ cán bộ đi mua cho tao chút trà ngon. Đêm nay, tao đãi tụi mày.

Gió Hàm Trí lạnh. Nhưng sao tôi nghe ấm lòng anh em. Và, trời xui đất khiến thế nào, tôi và những người bạn lại bị đưa ra tới bờ sông Ba miệt mài trên rừng sâu, núi thẳm của cái xứ có cô gái sông Ba đầu búi tóc thon ấy.

Hồn Y Uyên đã về chăng? Rõ ràng, sau 10 ngày tháo gỡ những cuộn kẽm gai trên đồn Nora. Anh em không ai bị hề hấn gì. Tôi cứ nghĩ như thế. Mãi đến hôm nay tôi vẫn tin có anh, hay ai đó, những oan hồn của những người lính cũ đã phù hộ cho chúng tôi. Những người cô thế còn ở lại phải chịu bao nỗi đắng cay của sự đời. Để rồi, hôm nay, những bạn bè trong đội ngày nào của tôi vẫn còn sống trên đất Mỹ này. Như Cảnh Cali, như Nhơn Dallas, như anh Đạt ở Michigan...Chỉ có Quang. Ngô Xuân Quang đã nằm xuống, sau bảy năm trong trại, được tha về đoàn tụ với vợ con, đạp xe đạp đi thăm bạn bè, thì bị xe ô-tô của bộ đội cán chết trên quốc lộ 1.

Quang ơi! Mày còn nhớ những cuộn concertina mà tụi

mình tháo gỡ trên đồn NORA không? Chẳng có đứa nào chết cả. Thế sao, mày được về với gia đình, lại bỏ tụi tao mà đi.□

Nhóm chủ trương:

Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân, Trần bang Thạch, Cao

Vị Khanh, NG~.

Liên lạc:

Trần Hoài Thư

P.O.Box 58

S.Buond Brook, NJ 08880

email:tranhwaithu@yahoo.com

Hay:

nhanvanpham@yahoo.com

Thành thật xin lỗi

**Vì bài vở quá nhiều cho số chủ đề: Tưởng Nhớ
Nhà Văn Y Uyên. Do đó, những bài vở của anh
chị gửi đến, chúng tôi sẽ lần lượt đi vào số sau (
TQBT 19)**

